

15 THÁNG 8 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười một

VIỆT PHƯƠNG cuộc tranh chấp quyền hành ở Trung
Cộng * NGUYỄN VĂN TRUNG triết lý và cuộc đời ;
một quan niệm giáo dục * NGUYỄN VĂN XUÂN văn
học miền Nam căn bản là Nói và Trình diễn *
L.M. HỒ ĐÌNH cuộc đối thoại căn-bản về quyền-hành
trần thế * NGUYỄN VĂN TRUNG đại học và phát-triển
quốc-gia * NHÓM NGHIÊN CỨU NHẠC BA-LÊ giới
thiệu « Việt Nam, những truyền thống âm-nhạc » của
Trần-vấn-Khê * TỪ TRÌ thế giới trong những tuần qua *
VÕ HỒNG gió cuốn * ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng *
ANH TỬ 15 phút ngoài chiến trường Quảng Tín *
LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự Kim Cương * ĐẮC HƯNG
kịch bản — diễn viên — khán giả, qua hai đêm thoại kịch
SINH HOẠT thời-sự văn
nghệ * Một tuần hội thảo
về mục tiêu Quốc - gia

255

CROISSANCE



CALCITHÉRAPIE GÉNÉRALE

RACHITISME
DEMINÉRALISATION
TROUBLES DE LA CROISSANCE
GROSSESSE — ALLAITEMENT
FRACTURES

CALCIGÉNOL

du DOCTEUR PINARD

CALCIGÉNOL

VITAMINE

du DOCTEUR PINARD

en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

BACH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 255 ngày 15-8-1967

VIỆT PHƯƠNG cuộc tranh chấp quyền hành ở Trung-Cộng	3
NGUYỄN VĂN TRUNG triết-lý và cuộc đời ; một quan niệm giáo-dục	10
NGUYỄN VĂN XUÂN văn học miền Nam căn bản là Nói và Trình diễn	17
L.M. HỒ ĐÌNH cuộc đối thoại căn bản về quyền hành trần thế	23
NGUYỄN VĂN TRUNG đại-học và phát-triển quốc-gia ; những việt làm cấp bách	29
NHÓM NGHIÊN CỨU ÂM NHẠC BA-LÊ giới thiệu « VIỆT-NAM, những truyền - thống âm-nhạc » của Trần-văn-Khê	33
VÕ HỒNG gió cuốn (truyện dài)	39
LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự Kim Cương (phỏng vấn)	45
ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng (truyện dài)	53
ANH TỬ 15 phút ngoài chiến trường Quảng Tín (hồi ký)	61
TỪ TRÌ thế giới trong những tuần qua	65
SINH HOẠT	
ĐẮC HƯNG : qua hai đêm thoại kịch người giết Tần Cối	69
TRẦN-THỊ TUỆ-MAI nường nấu (thơ)	75
MÊ KUNG bài ý-yên (thơ)	76
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	77
TRẦN ĐẠI : cuộc hội thảo « Mục tiêu quốc gia » tại Dalat	78

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ 25\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được các sách báo sau đây :

— **Nghĩ gì của Trần-Trọng-Phủ**, do Trình-Bầy xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm một số bài đề-cập đến những biến-cố thời-sự từ sau chính-biến 1-11-63 (Hòa-bình, chiến-tranh-Cách-mạng v.v...) đã đăng trên một số tạp chí, tuần báo. Bản đặc biệt. Giá bản thường 65đ.

— **Một chỗ nào khác** tập truyện của Viên-Linh, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Bản đặc biệt. Không đề giá.

— **Cát lầy** truyện dài của Thanh-Tâm-Tuyền do Giao Điểm xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 178 trang, mẫu bìa Thái-Tuấn. Bản đặc biệt. Giá bản thường 110đ.

— **Quay trong gió lốc** tập truyện của Lê-Tất-Điều do Thời Mới xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 126 trang, gồm 5 truyện ngắn. Bản đặc biệt. Giá bản thường 50đ.

— **Đứa con đi hoang trở về**, nguyên-tác «Le retour de l'enfant prodigue» của André Gide, bản dịch của Bửu-Ý, do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 86 trang, Đình-Cường Trình bày bìa và minh họa. Giá 45đ.

— **Thăm lặng** tập truyện của Bình-Nguyên-Lộc do Thụy-Hương xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 174 trang gồm 15 truyện ngắn. Giá 75đ.

Giai phẩm Tokyo 1967 của Sinh-viên Việt-Nam tại Nhật-Bản, do ô. Lê-văn-Phong làm Thư ký tòa-soạn. Giai phẩm in ronéo hai mặt, khổ 17 x 25, dày 218 trang gồm những sáng tác (thơ và truyện) của trên hai chục cây bút Sinh-viên tại Nhật-Bản, ấn hành đầu năm nay. Có kèm

theo 2 phụ bản của Các-Dương. Bản đặc biệt không đề giá.

— Những sách giáo-dục sau đây của nhà văn, nhà giáo, và nhà giáo-dục Thiên-Giang Trần-kim-Bảng do nhà sách Khai-Trí xuất bản và tác-giả gửi tặng :

Dạy con (25 lời khuyên đề hướng-dẫn phụ-huynh trong việc dạy dỗ con em), soạn theo sách « Conseils aux Parents » của nhà giáo-dục C. Freinet in lần thứ 2, dày 132 trang.

Muốn học giỏi in lần thứ 4, có sửa chữa và thêm phần : Tổ chức việc học bậc Đại học. Sách dày 90 trang.

Gia-đình giáo-dục (cách dạy trẻ em khó dạy) những chỉ dẫn hợp-lý nhất của khoa giáo-dục hiện-đại. Sách dày 226 trang.

Giáo-dục sinh-lý trẻ em trình bày ý-kiến của các nhà giáo-dục, y-sĩ, triết-gia... nổi danh trên thế-giới về vấn đề trên đây và sau hết là phần tổng luận : nhận-định, phê-phán và kinh-nghiệm giáo-dục của tác-giả. Sách dày 184 trang.

— **Đất và Người** truyện dài của Minh-Quân do Lá-Bối xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 184 trang, bìa Hiếu-Đệ ; Bản đặc biệt.

— **Tuổi Saigon** truyện dài của Nguyễn-thị-Hoàng do Kim-Anh xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 300 trang. Giá 130đ.

— **Lạc Việt**, bản nguyệt san số 1 và số 2, ra ngày 1 và 15 mỗi tháng do đoàn văn-nghệ Sinh-viên học sinh Nguồn Sống chủ trương. Chủ nhiệm Hà-quốc-Bảo : Tòa soạn 96B Lê Thánh Tôn Saigon. Mỗi số khổ 40 x 60, 12 trang, giá 5đ.

Cuộc tranh chấp quyền hành ở Trung - Cộng

Bài này được viết phỏng theo ý-kiến của ông Franz Michael, một chuyên viên về các vấn đề Nga-Hoa tại Đại học đường Washington. Ông cũng là tác giả của nhiều cuốn sách về Trung-Hoa trong đó có cuốn "The origin of Manchu rule in China" (1965). Gần đây ông có đi du lịch ở Viễn Đông, có phỏng vấn nhiều nhân vật kể cả những đảng viên Cộng Sản, và do đó có những tin tức mới nhất và đáng tin cậy nhất về lục địa Trung-Hoa. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày để độc giả rõ những hiểu biết của ông về cuộc tranh quyền đang cấu xé Trung Cộng ngày nay, cuộc tranh quyền có ảnh hưởng rất lớn đến vận mệnh của Đông-Nam-Á và thế giới nói chung và đến cả cuộc chiến ở V.N. nói riêng.

Những sự việc đang xảy ra ở Trung Hoa lục địa ngày nay, rõ ràng là một cuộc tranh quyền giữa hai bên đối thủ thuộc hai khuynh hướng cộng sản khác nhau. Một khuynh hướng đại diện cho một thứ chủ nghĩa cộng sản thực tiễn và hợp lý, biết tiến thoái trong phạm vi đường lối đã hoạch định.

Một khuynh hướng khác, khuynh hướng của Mao, có tính cách cực đoan và không tưởng, cho rằng không cần phải đi theo những đường lối chính trị và kinh tế dài lâu, mà có thể đi tắt thẳng đến chủ nghĩa cộng sản, miễn là phải tuyệt đối tin tưởng và luôn luôn dựa trên sức mạnh vô song của ý chí con người. Cuộc tranh quyền đó thực ra đã bắt đầu từ năm 1958, khi Mao-Trạch-Đông bỏ những nguyên tắc phát triển cộng sản đã được hoạch định từ trước để lao đầu vào thực hiện

‘bước tiến nhảy vọt’, một ngày bằng hai mươi năm, cố gắng đưa Trung hoa tiến nhanh tới chủ nghĩa cộng sản.

Sức người, tổ chức và lòng hăng hái quyết tâm sẽ thay thế cho những phương pháp phát triển kinh tế thông thường và tạo nên sự tăng gia sản xuất rất cần thiết trong giai đoạn quá độ tiến lên xã hội cộng sản. Để thực hiện những sự thay đổi đó, người ta bắt đầu bằng việc xây dựng nông thôn và phân phối phẩm vật.

Thực hiện đường lối đó là cốt để nâng cao địa vị Trung Cộng trong thế giới cộng sản và đồng thời cũng để đẩy mạnh cuộc cách mạng ở trong nước.

Sau khi Staline chết, Mao có ý muốn tranh quyền lãnh đạo thế giới cộng sản nhưng bị Khrushchev ngăn cản vì cho rằng chỉ có Nga-sô đã đạt tới một

trình độ phát triển cao mới xứng đáng giữ vai trò lãnh-đạo đó.

Chỉ có một sự thay đổi lớn lao ở trong nước mới làm cho Mao có một chỗ đứng vững chắc để nói chuyện ngang hàng với Nga-Sô. Bước tiến nhầy vọt và chế độ công-xã được thực hiện vào năm 1958 một phần là để cộng-sản-hóa nhanh chóng Trung-Hoa, nhưng một phần nữa cũng là để cho Trung-Hoa có thể vượt Liên-xô trên con đường tiến tới cộng-sản chủ-nghĩa.

Ngày nay chúng ta đều biết cuộc tấn công hai mặt đó là do Mao đề-xướng ra và chính nó đã làm chia rẽ đảng Cộng sản Trung Hoa. Trong ba cuộc họp giữa tháng 12-57 và tháng 3-1958, ở Hàng Châu, Nam Ninh và Thành Đô Mao đã cho một số lãnh tụ đảng biết chương trình bước tiến nhầy vọt của ông và trong cuộc họp thứ 3 ở Thành-Đô ông cũng đưa ra đề-nghị thành lập công-xã nhân-dân.

Chương trình của Mao gặp ngay sự phản đối khá quyết liệt của nhóm lãnh tụ quân sự. Thống chế Bành-Đức-Hoài hồi đó là ủy-viên quân-sự của chính trị bộ và bộ trưởng Quốc phòng, được Tham mưu trưởng giải phóng quân là Hoàng Quốc Trường ủng hộ, đã kịch liệt phản đối chủ trương của Mao mà họ cho rằng không thể thực hiện được trên phương diện kinh tế và cũng trái cả với đường lối cộng sản phát triển theo từng giai đoạn. Các lãnh tụ cộng sản khác không ra mặt phản đối, nên Mao có thể thực-hiện chương-trình của mình, nhưng không được một cơ-quan nào của đảng ra mặt ủng hộ hết.

Mãi đến tháng 8-1958, chính sách đó

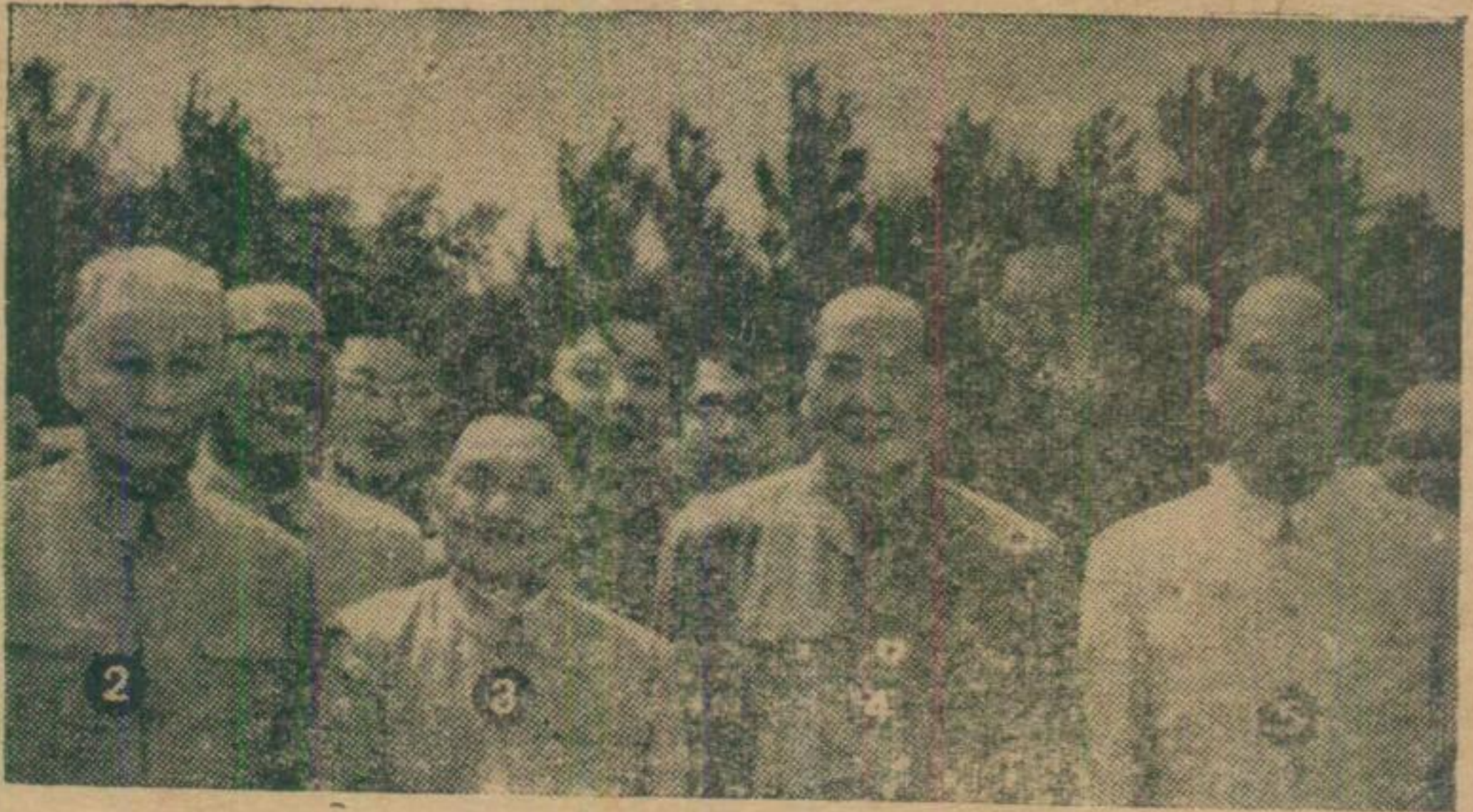
mới được bộ chính trị mở rộng của Đảng duyệt-y ở Bắc Đại-Hồ. Lúc đó phong trào công-xã nhân-dân đã phát triển mạnh khắp nước.

Phong-trào phản-đối bắt đầu.

« Bước tiến nhầy vọt » của Mao và chế độ công-xã nhân-dân thất bại một cách thảm hại làm cho Trung-Hoa lâm vào nạn đói kém và nền kinh-tế bị suy-xụp. Thảm trạng đó đã buộc các lãnh-tụ ôn hòa của đảng phải ra mặt đề cứu-vãn tình thế. Rút cuộc, những cái mà Mao đã đề-xướng ra để tranh quyền lãnh đạo với Nga nay đã quay lại gây thành một phong trào chống Mao ở trong nội-bộ Đảng.

Cuộc tranh-chấp bắt đầu bằng một thất bại nặng nề của Mao. Sự đổ vỡ của « bước tiến nhầy vọt » và của chế độ công-xã nhân dân trở nên rõ rệt từ cuối năm 1958 và sự chống đối cũng bắt đầu từ đó. Ngày 10-12-1958, một phiên họp của Trung-ương đảng-bộ đưa ra một quyết-định mở đầu cho một cuộc rút lui của chế độ công xã nhân dân. Những khẩu hiệu huênh hoang đưa ra vào mùa hạ năm trước đều bị rút bỏ. Công-xã không còn được coi như là bước tiến đầu tiên trong giai đoạn cuối cùng của cộng sản chủ-nghĩa nữa. Nay người ta nói tới thù lao tùy theo công việc và bằng tiền chứ không nói tới thù lao tùy theo nhu cầu và bằng hiện-vật nữa. Một số tài sản của nông dân đã được trả lại cho họ và các gia đình nay đã có thể trở lại sống đoàn-tụ.

Đồng thời một quyết định khác, có tính cách then chốt hơn được công bố. Mao Trạch Đông, tác giả của « bước tiến nhầy vọt » và chương-trình công-



Lưu-Thiếu-Kỳ (2) Đặng-Tiêu-Bình (3) Mao-Trạch-Đông (4) và Bành-Chân (5)
tại phi trường Bắc-Kinh tháng 7-1963.

xã không-tưởng, bị mất chức Chủ-tịch cộng hòa nhân-dân Trung-Hoa. Vì Mao đã giữ chức vụ tối-cao đó của chính-quyền Trung-Cộng từ năm 1949 nên việc truất phế ấy không tránh được làm cho dư-luận hoang-mang. Do đó, giới cầm quyền đảng và nhà nước đã phải giải-thích như sau : Họ Mao muốn bỏ chức chủ-tịch nhà nước để dành hết thì giờ vào công việc lãnh-đạo đảng mà ông vẫn còn giữ chức chủ-tịch. Nhưng ở hải-ngoại người ta vẫn hoài nghi là họ Mao không tự ý từ chức chủ-tịch nhà nước mà chính là bị một áp-lực rất mạnh ở trong nội-bộ giới lãnh-đạo Đảng buộc ông phải rời bỏ chức việc.

Những tiết-lộ mới đây của các người ủng hộ Mao trong cuộc « đại cách-mạng văn-hóa » đã làm cho những nghi ngờ đó thêm phần chắc chắn. Họ tiết lộ rằng hồi đó (12-1958) Mao quả thực đã bị đoạt mất chính quyền. Những bích-chương của vệ - binh đỏ dán ở Bắc-Kinh vào tháng 1 - 1957 đã viết là chính Mao trong một buổi họp của Trung-ương đảng hồi tháng 10-1966 đã tuyên

bổ về việc truất chức chủ tịch nhà nước của ông vào năm 1958 như sau : «Tôi không đồng ý với quyết định đó, nhưng tôi không thể làm gì khác được». Bích chương lại còn nói thêm là họ Mao tuyên bố hồi đó phe đối lập, do Lưu-thiếu-Kỳ vừa được chỉ định làm chủ-tịch nhà nước và Đặng-tiêu-Bình, Tổng-bí thư Đảng lãnh đạo, đã coi ông như một người bà con đã chết, đem chôn và sau đó không còn quan tâm đến việc hỏi ý kiến ông về những vấn đề quan trọng nữa.

Có thể các đồng chí của họ Mao, khi truất chức ông, đã nghĩ đến sự vững ổn trong việc phát triển chủ nghĩa cộng sản ở Trung-Hoa. Nhưng cũng có thể là Khrushchev, hồi đó đang cầm quyền, đã phản ứng mạnh mẽ đối với chủ trương giành quyền lãnh-đạo cộng-sản quốc-tế của Mao trong việc thực hiện « bước tiến nhảy vọt » và công-xã nhân-dân nên gây áp lực với phe đối-lập của Mao để lật đổ ông.

Thực vậy, những biến-cố tiếp theo chứng tỏ là Khrushchev đã có những

tay vào việc. Tháng 1-1959 ngay sau khi Mao bị mất chức Chủ tịch cộng-hòa nhân-dân Trung-Hoa, Chu-ân-Lai vội vàng đi Moscou để ký kết một thỏa ước mới nhận viện trợ kinh tế của Nga-sô. Việc đó được coi như là một cái giá được trả cho việc họ Mao bị đẩy ra khỏi cương vị lãnh đạo ở Bắc Kinh.

Người ta lại càng thấy rõ bàn tay của Khrushchev trong cuộc tấn công chính sách Mao vào mùa hè năm 1959. Năm 1958 khi đưa ra tranh-luận về chính sách « bước tiến nhảy vọt » của Mao, thống-chế Bành-đức-Hoài đã phản đối kịch liệt. Đến khóa họp tháng 8-1959 của Trung ương Đảng ở La-Sơn, Bành lại ráo riết tấn công chính sách đó và hậu quả của nó đối với quân đội, chính Mao đã có ý định dùng quân đội đó như một vũ khí chính trị để đẩy mạnh việc xây dựng công-xã nhân dân. Theo Bành, quân đội cần phải là một lực lượng nhà nghề, được Liên-xô trang bị hiện-đại-hóa, khả năng có thể đối phó với một cuộc chiến-tranh nguyên-tử. Trước khi hội nghị của Trung-ương Đảng họp, Bành đã gặp Khrushchev ở Crimée và chắc hẳn là hai bên đã bàn trước với nhau, nên cuộc tấn công này không những chỉ nhằm chính sách của Mao mà còn nhằm cả cương-vị lãnh đạo của Mao nữa. Theo mọi bản tường-thuật có thể tin cậy được về những biến-diễn của Hội-nghị La-Sơn thì hình như Mao, trước sự đe dọa này, đã trả lời trong một bài diễn văn như sau : « Nếu quân đội không còn ủng hộ tôi nữa, tôi sẽ trở về làng xã, tuyển mộ một đạo quân khác và sẽ làm lại tất cả ». Ngày nay, với việc thành lập vệ-binh đỏ để thanh lọc đảng cộng-sản, gạt bỏ những phần tử chống Mao, lời nói đó vào năm 1959 có vẻ như là một lời tiên tri.

Tại Hội-nghị La-Sơn, Mao đã khéo vận động để được một đa số ủng hộ ông trong Trung-ương Đảng. Kết quả là sau đó ít lâu, Bành Đức Hoài và Hoàng-quốc-Trường bị thanh trừng cùng với khoảng 40 tướng tá khác và một số ít hơn gồm các lãnh tụ chính trị đảng. Mao đã thăng và đưa Lâm Bưu lên làm bộ trưởng quốc-phòng để nắm vững quân đội và dùng quân đội như một vũ khí để củng cố quyền hành.

Sự thất bại của Bành và sự thắng lợi của Mao đã cắt đứt mối dây liên lạc giữa Khrushchev và nhóm phản đối Mao. Các lãnh-tụ đảng ngấm ngấm chống Mao về đường lối chính-trị đối nội tào bạo của ông, đã đứng sau lưng ông để chống lại nhóm chống đối trong quân đội được Khrushchev ủng hộ. Như vậy là nhóm phản-đối bên trong đã vật ngã nhóm phản đối dựa vào thế-lực bên ngoài, làm lợi cho Mao. Mao đã loại được một số kẻ thù nguy hiểm.

Cuộc chống-đối chính-sách của Mao vẫn tiếp tục.

Mặc dầu thắng lợi, nhưng lần này Mao phải đối phó với những kẻ thù còn nguy hiểm hơn, vì họ không ra mặt và có kế hoạch kín đáo hơn. Bị mất quyền kiểm soát công việc nhà nước, Mao đành hậm hực ngồi nhìn chương trình vĩ đại của mình bị hủy bỏ từng bước một. Kẻ thù số một của ông chính là Lưu-thiếu-Kỳ đang ở cương vị chủ-tịch nhà nước Trung-Cộng. Lưu không bao giờ trực tiếp chạm đến uy tín của Mao và cũng không bao giờ tỏ ý muốn giành giật vai trò lãnh-tụ Đảng của Mao. Tuy không bỏ những khẩu-hiệu của Mao, nhưng Lưu đã tránh việc áp-dụng chương-trình quá khích của Mao bằng

một số biện-pháp thực-tế. Giữa Mao và Lưu có một cuộc tranh đấu ngấm ngấm để giành ảnh hưởng. Vào mùa thu năm 1959, Lưu với tư cách chủ-tịch cộng-hòa nhân-dân Trung-Hoa triệu tập hội nghị tối cao toàn quốc, một hội-nghị mà thành phần không rõ ràng được chủ tịch nhà nước triệu tập bất thường để bàn về những vấn đề trọng đại của quốc gia. Mao không dự hội nghị này, nhưng sau đó ít lâu, cũng triệu tập một hội-nghị tương tự như vậy với tư cách chủ tịch Đảng, cũng bàn về những vấn đề tương-tự như vậy, mục đích nhằm khôi phục quyền hành của mình.

Tuy nhiên, hành động đó của Mao cũng không làm cho Lưu ngưng việc xóa bỏ dần dần chương-trình của Mao mà ông cho là có những hậu quả tai hại.

Tháng 1-1961, Lưu đưa ra một chỉ-thị 12 điểm về công-tác nông-thôn nhằm khôi phục quyền của nông dân được khai thác những mảnh đất riêng của họ, và đem bán những sản phẩm của họ trên thị-trường tự-do và cho phép lao động được nghỉ ngơi nhiều hơn là dưới thời kỳ động-viên đề « nhảy vọt » của Mao. Cũng trong tháng đó, Trung-ương Đảng thông qua một « hiến chương tám chữ » nhằm điều-chỉnh nền kinh-tế đang bị khủng - hoảng trầm trọng. Tháng 5-1961, Lưu lại đưa ra một số điều luật đánh dấu một sự rút lui toàn-diện chính-sách của Mao đã được đề ra từ năm 1958 và 16 điều luật qui-định việc phân tán quyền của các công-xã, trả lại quyền cho các tập-thể sản-xuất nhỏ hơn cùng 70 điều luật khác khôi phục lại nhịp-độ sản-xuất bình thường của các cơ-xưởng kỹ-nghệ.

Như vậy là chương-trình điên rồ của Mao, chủ trương đi tắt tới cộng-sản chủ-nghĩa, đã bị bãi bỏ cùng với tham vọng bắt kịp và vượt Liên-xô trên con đường xây-dựng xã-hội cộng-sản của ông. Tuy nhiên ý muốn tranh quyền lãnh-đạo với Liên-xô vẫn tồn tại nhưng dưới một hình thức mới.

Năm 1961, cùng với sự rút lui của chương-trình công-xã nhân-dân, Mạc-tư-khoa có ý định muốn làm nổi bật vai trò lãnh-đạo của Liên-xô trong việc tiến tới cộng-sản chủ-nghĩa và trong phiên đại-hội lần thứ 22 của đảng cộng-sản Liên-xô, cuộc tranh chấp Bắc-kinh. Mạc-tư-khoa đã bắt đầu bước sang một giai-đoạn mới. Khrushchev không trực tiếp chỉ trích Bắc-kinh, nhưng kịch-liệt đả kích Albanie. Việc đả-kích này đã khiến cho đoàn đại-biểu Trung-Cộng do Chu - ân - Lai dẫn đầu đã đứng lên phản-đối và bỏ ra về. Cuộc tranh chấp trở nên trầm trọng hơn :

Chương trình mới của Khrushchev chủ-trương đưa Nga-sô đến giai-đoạn cuối cùng của chủ-nghĩa cộng-sản, nhằm mục-đích đề cao vai trò lãnh-đạo của Nga-sô. Chương trình đó dựa trên một lập-luận cho rằng hiện nay không còn giai-cấp ở Liên-xô nữa.

Đảng Cộng-sản Liên-xô trước kia là đảng của một giai cấp, đảng tiên-phong của giai cấp vô-sản, nay đã trở thành «đảng của toàn dân». Lập luận này cốt để cho mọi người rõ sự cách biệt giữa Liên-xô tiên tiến và một nước Trung-Hoa còn đang sôi sục. Thực vậy, Trung-Cộng vẫn còn giữ giả-định «giai cấp tham chính» và chính quyền của nhiều đảng dưới một chế độ «tân dân chủ» được thiết lập từ năm 1949, như vậy là vẫn còn ở

một giai-đoạn phát triển thấp kém hơn.

Lập-luận đó đã làm cho Trung-Cộng nổi-nóng và đả-kích kịch liệt trong một bức thư ngỏ gồm 9 điểm bình-luận gửi Trung-ương đảng Liên-xô của Trung-ương đảng Trung-Quốc về đường lối chung của phong trào cộng-sản quốc-tế.

Lập luận của Trung cộng đề bác bỏ sự lãnh đạo của Liên-xô là Liên-xô ngày nay, dưới sự lãnh đạo của bè lũ Khrushchev, không còn đi trên con đường tiến lên cộng sản chủ nghĩa nữa. Các lãnh tụ Xô-viết ngày nay đã đi sai đường và biến thành một bọn theo chủ-nghĩa xét lại đang dẫn Liên-xô trở lại con đường tư bản chủ-nghĩa. Danh từ « xét lại » đã được Trung cộng gán cho Tito trước kia, nay lại được đem ra gán cho các nhà lãnh đạo Nga sô và chỉ đích danh Khrushchev. Đó là vũ-khí chính yếu mà Mao đã dùng trong cuộc tranh-chấp ý-thức-hệ với Nga sô để giành quyền lãnh đạo khối cộng sản. Nếu thắng, Mao có thể tự vỗ ngực cho rằng mình mới thực là người theo đúng đường lối mácxít lê-nin-nít và là nhà lãnh - đạo xứng đáng của phong-trào cộng-sản quốc-tế.

Chữ « xét lại » còn là cái nhãn-hiệu mà Mao cùng những người ủng hộ ông dán vào những người chống đối chương-trình phát-triển của ông, dù ở trong nước hay ngoài nước.

Theo Mao, cả hai bọn « xét lại » bên trong và bên ngoài này đã có liên-hệ chặt chẽ với nhau để thu hẹp quyền hành của ông khiến ông không thể thi hành được chương trình cộng-sản-hóa Trung-hoa đưa Trung cộng lên cương vị lãnh-đạo thế-giới cộng-sản..,

Liên-hệ giữa Mạc-tư-khoa và nhóm chống-đối ở Trung-Cộng.

Vậy giữa nhóm chống-đối Mao và Nga

sô có thực có một mối liên-hệ chặt chẽ như chính Mao đã tố cáo không ? Nếu có liên-hệ thực, thì đã có ngay từ lúc đầu, khi cuộc xung đột bùng nổ vào năm 1958, như đã trình bày ở trên. Trước khi đả kích Mao kịch liệt, Bành-Đức-Hoài đã có liên lạc với Khrushchev để chống đối đường lối của Mao. Nhưng từ khi Bành thất bại và Mao vẫn tiếp tục kiểm soát đảng, các lãnh tụ khác trong Đảng hình như đã xiết chặt hàng ngũ sau lưng ông để chống lại Mạc-tư-Khoa. Trong số các nhân vật bị tha thừ sau đó, chỉ có La-Thụy-Khanh là bị tố cáo có liên lạc với Mạc-tư-Khoa mà thôi. La được cử giữ chức Tổng Tham-mưu-trưởng sau cuộc thanh trừng 1959 và được coi là trung thành với Mao. Thế mà rồi y cũng bị thanh trừng, có lẽ vì sau này y đã nhận thấy cuộc tranh chấp với Nga-sô đã tai hại rất nhiều cho quân đội Trung-Cộng. Các kẻ thù chính của Mao trong nhóm lãnh đạo Đảng là Lưu-Thiếu-Kỳ và Đặng Tiểu-Bình, cũng chống đối bọn xét lại Liên-xô như Mao vậy. Nếu Lưu-Đặng cùng với các nhà lãnh đạo Liên-xô có cùng một lập trường chống Mao, thì tại sao lại không có dấu tích gì cho ta thấy họ đoàn kết hành động mà chỉ thấy họ đả kích lẫn nhau ?

Ta có thể giải-thích điều đó bằng hai cách :

Theo cách giải-thích thứ nhất, nếu Lưu và Đặng chống đối lại chính sách đối nội tảo bạo của Mao, thì, vì tình đồng đội và lòng ái quốc, họ đã đứng sau lưng Mao khi ông này bị Khrushchev tấn công Thái độ trịch-thượng của Khrushchev đối với Trung Cộng đã làm cho các lãnh tụ của Trung Cộng đoàn kết lại và làm tiêu tan những cố gắng của Nga

để mua chuộc những phần tử chống Mao trong giới lãnh đạo Đảng Trung Hoa. Nếu Khrushchev không đặt vấn đề Liên-xô độc nhất lãnh đạo trên con đường tiến lên cộng-sản chủ-nghĩa mà chịu chia sẻ quyền lãnh đạo đó với Trung Cộng, thì có lẽ ông đã thành công hơn trong việc lôi cuốn nhóm chống đối Mao. Có lẽ vì thế mà trong đại-hội đảng Cộng sản Liên-xô lần thứ 23, vào tháng 3-1966, các người kế vị Khrushchev đã không dám động gì tới thuyết Liên-xô độc nhất lãnh-đạo của ông nữa. Có lẽ họ muốn đề ngỏ cửa cho một cuộc hòa giải với nhóm chống đối Mao chăng?

Một giả-thuyết thứ hai cho rằng thực sự không có một liên-hệ công khai nào giữa nhóm chống Mao và Mạc-tư-Khoa là vì giả-thử những liên-hệ đó có thực, nó sẽ rất nguy hiểm cho họ khi quần chúng biết tới. Vì thế cho nên họ thấy thà cứ lên án, đả kích miệng Mạc-tư-Khoa còn hơn là im lặng để người ta tưởng là có liên-hệ với Nga. Vấn đề là làm sao đẩy cho Mao thất bại hoàn toàn trong chính sách đối nội. Một sự chia rẽ trong nội-bộ Trung-Hoa không những làm cho địa vị của những lãnh tụ chống Mao thêm lung lay, mà còn làm Đảng bị mất uy-thể lãnh-đạo như trường hợp ngày nay.

Việc không có một sự toa rập nào giữa Mạc-tư-Khoa và nhóm chống Mao đã làm cho phe thân Mao không thể viện cớ đó để đả kích phe chống Mao.

Những bích-chương của vệ-binh-đỏ gần đây đã nêu tên tướng Dương-thượng-Quân, một ủy viên thường vụ Trung ương đảng, Lỗ-tĩnh-Nhất cựu ủy-viên tuyên-truyền của Đảng, Bành Cận cựu thị-trưởng và bí thư thứ nhất đảng-bộ Bắc-kinh, La-thụy-Khanh, Tổng

tham-mưu-trưởng và con trai của Lưu-thiếu-Kỳ, là những người bị thanh trừng vì đã có liên lạc với đại sứ Nga ở Bắc-kinh. Tướng Dương-thượng-Quân còn bị buộc tội là đặt máy nghe ở đằng sau lưng Mao-Trạch-Đông và cung cấp tài liệu mật cho sứ quán Nga. Đúng hay không đúng, những lời buộc tội đó cũng phản ánh rõ ràng đường lối của Mao là muốn gộp chung một phe «xét lại» cần phải lật đổ cả nhóm chống đối lẫn Mạc-tư-Khoa.

Trong cuộc tranh đấu chống Mạc-tư-Khoa và chống phe đối-lập, địa vị của Mao đã bị lung lay lại càng bị lung lay hơn vì chính sách đối-ngoại phiêu-lưu của ông trong mấy năm gần đây. Khi Mao đưa ra thuyết tính sôi-động của cách-mạng cộng sản và thuyết chiến tranh giải-phóng dân tộc ở các nước Á Phi, thuyết đó thực ra cũng không trái với đường lối cộng-sản, chính Mạc-tư-Khoa cũng chủ-trương như vậy; nhưng khi Mao chủ trương dồn hết mọi nỗ lực vào khu vực đó và hứa chắc thành công nhanh chóng, ông đã đi một nước cờ rất nguy hiểm nếu nó thất bại ở Việt-Nam, Ấn-Độ, Nam Dương và Phi-Châu. Những thất bại đó đã xảy ra và làm cho địa vị của Mao trong thế giới cộng-sản càng thêm lung lay và vai trò của Mạc-tư-Khoa lại càng nổi bật. Có thể đó là một yếu-tố quyết-định khiến Mao dồn tất cả lực-lượng còn lại và uy tín của riêng mình để đoạt lại quyền hành mà ông đã mất và từ đó khôi phục lại địa vị của ông trong thế-giới cộng-sản trước khi quá muộn.

(Còn tiếp 1 kỳ)

VIỆT-PHƯƠNG

Kỳ tới: Cuộc phản công của Mao

việc giảng dạy triết-học trong viễn-tượng một triết - học dẫn thân

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 254)

Triết-lý và cuộc đời.

Triết-lý gắn liền với kinh-nghiệm sống và là cái nhìn về toàn thể cuộc đời, về ý-nghĩa sau cùng đời người. Nếu triết-lý chỉ bày tỏ cái nhìn về cuộc đời, triết lý bao hàm trong mọi thái độ sống và không ai tránh được triết-ý vì bất cứ thái độ nào của con người trước cuộc đời đều bày tỏ một ý-nghĩa : vì hiểu đời như thế nên có thái độ như thế.

Do đó, có thể tìm thấy triết-lý trong nụ cười, cái nhìn, lời nói, cử chỉ yêu đương giận ghét, trong những lễ-nghi, tập-tục xã-hội, tác - phẩm văn-chương, và triết-học chẳng qua chỉ là thái-độ sống bao hàm ý-nghĩa triết-lý được diễn tả bằng tư-tưởng trong một hệ-thống mạch lạc. Trong viễn tượng đó, không phải mọi người, mọi dân - tộc đều có triết-học, nhưng không có người nào, dù là bán khai, một dân tộc nào, dù là chậm tiến, không có triết-lý.

Nhưng triết-học, ở những nơi có tư tưởng hệ-thống, đã trở thành một tri-thức tách khỏi cuộc đời. Triết-học đi từ cuộc đời nhưng dễ chối bỏ nó, vì triết-học chỉ nhằm đạt tới cái tổng quát, phổ biến, vĩnh cửu, không phải bằng cách giữ lại cái cá biệt, riêng tư, cụ thể, biến dịch trong cái tổng quát, phổ biến, vĩnh cửu, mà bằng cách xóa bỏ chúng. Do đó, trước mắt nhà triết-học, những cái tầm thường bé nhỏ, cụ thể của đời sống hằng ngày, hay những vấn đề thiết thực như cơm áo, nhà cửa, vợ con... không phải là điều quan trọng và triết lý là làm sao vượt qua bằng cách chối bỏ những cái đó để vươn mình lên những miền thanh cao xa xôi của lý giới tuyệt đối, yếu tính, bất biến,..., kết quả là nhà triết-học thoát ly khỏi thân-phận làm người, là thân phận chìm đắm trong những cái tầm thường, vô nghĩa, nhỏ nhoi của đời sống cụ-thể, đời sống hằng ngày.

Đã hẳn phải gạt bỏ quan-niệm triết học trên. Vấn đề suy tưởng triết lý hiện nay vẫn là nhằm vươn tới cái toàn thê, phổ biến, nhưng từ những cái cụ thể, nhỏ bé, tầm thường mà chúng ta không bao giờ thoát khỏi. Không phải những biến cố lớn lao, những sự kiện vĩ đại gây sự thức tỉnh triết lý, nghĩa là đưa vào tra hỏi ý nghĩa cuộc đời, nhưng là chính những sự kiện tầm thường, vô nghĩa của đời sống hằng ngày. Tại sao cuộc đời lại dật bằng những cái tầm thường nhỏ bé, đều đặn? Cuộc đời một người công chức, trôi qua, ngày lại ngày đều đặn, mực thước, như chẳng có gì đáng thắc mắc, suy nghĩ. Nhưng chính sự đều đặn đó mới là điều đáng thắc mắc, khi một ngày nào đó, người công chức giật mình tự hỏi: tại sao? Do đó triết học ngày nay bám sát vào cuộc đời trước mặt và biến nó thành tư-tưởng sống động.

Trong viễn-tượng đó, có thể suy tưởng triết lý từ bất cứ một khía cạnh, phương diện nào của thực-tại cuộc sống trước mặt, từ những vấn đề muôn thuở gắn liền với thân phận làm người, nhưng mang những bộ mặt thời đại, như câu chuyện yêu đương, ghen ghét, câu chuyện làm ăn, giải trí, đến những vấn đề riêng biệt của thời đại: hiện tượng bán giấy chủ nghĩa, nền văn minh cơ giới kỹ thuật, chiến tranh hạt nhân, hiện tượng bạo động trong những thê-chế chính trị hiện đại, trong những phương tiện tuyên truyền bằng sách báo, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, trong kỹ thuật quảng cáo thương mại, hiện tượng vong thân trong mọi sinh hoạt của con người hiện đại,...

Những vấn đề trên không phải là

thuần túy triết lý, vì trước hết là vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý, nhưng không thể không đưa tới triết lý, và đòi hỏi một suy tưởng triết lý. Do đó, nhà triết học suy tưởng những vấn đề đó sau những nhà chuyên môn về kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý, và cùng với họ trong một ý hướng chung nhằm lãnh hội ý nghĩa toàn diện và đích thực của sự kiện. Triết học hiện đại có một số phạm-trù, một ngôn ngữ thích hợp để tìm hiểu phân tách những vấn đề của thời-đại ta. Chẳng hạn từ ngữ: vong thân, huyền thoại,...

Vong thân là một khái niệm triết học của Hegel chỉ thị hiện-tượng con người đánh mất bản-ngã của mình, biến nó thành một thực tại ở ngoài mình và trở thành xa lạ, đối lập với mình. Đến Marx, khái niệm này mặc một nội dung cụ thể, không còn phải tinh thần trừu tượng bị vong thân như Hegel hiểu, nhưng là con người cụ thể, thuộc về một tầng lớp nhất định, ở trong một hoàn cảnh xã hội nhất định. Vong thân xuất hiện dưới nhiều hình thức: tôn giáo, chính trị, pháp lý, triết lý... nhưng tất cả những vong thân tôn giáo chính trị, pháp lý... đều bắt nguồn từ vong thân kinh tế của con người lao động, sản xuất. Đáng lẽ hoạt động sản xuất hướng về sự phát triển con người thì trong những chế độ bóc lột, lại làm cho con người nghèo nàn đi, vì bị tước đoạt công lao, sản phẩm, sự làm việc của mình. Kết quả là con người bị ném vào tình cảnh xa lạ, thù địch với người khác, với thiên nhiên, với chính mình. Khái niệm vong thân, theo Marx, bao hàm những đòi hỏi luân lý, nhân bản, và sự tự giác, thức tỉnh về tình cảnh vong

thân là khởi điểm của một hành động cách mạng nhằm xóa bỏ vong thân, thực hiện sự hòa hợp giữa người với người, giữa con người với chính mình.

Sau Marx, từ ngữ vong thân mặc một nghĩa thật bao quát vì nó dùng để chỉ thị mọi hình thức vong thân trong xã hội hiện đại. Chẳng hạn, vong thân kỹ thuật : tình cảnh con người tạo ra cơ khí, kỹ thuật, rồi lại bị chính guồng máy, tổ chức kỹ thuật, bản giấy chủ nghĩa chi phối đè bẹp. Thế giới kỹ thuật trở thành vô ngã, vô danh, vô hồn, đồng thời cũng biến con người lạc lõng chìm đắm trong guồng máy thành vô ngã, vô hồn, vô danh.

Vong thân xã hội : tình cảnh cá nhân mất bản ngã trong đám đông, quần chúng (khi đi biểu tình...), trong nền văn minh tiêu thụ (cùng nhu cầu, cùng một đồ dùng, nên cùng có phản ứng giống nhau, trong kỹ thuật quảng cáo thương mại...)

Vong thân thuộc địa : với Marx, vong thân chỉ cốt yếu ở tại chức-năng sản xuất, nhưng tình cảnh người dân thuộc địa, bị ngoại bang đô hộ, bóc lột, không những chỉ mất bản-ngã về phương diện làm ăn, mà còn mất bản ngã, nhân phẩm trong hoàn cảnh sinh sống nền tảng của mình, như một đất đứng (chủ quyền, lịch sử, ngôn ngữ, phong tục, văn hóa, màu da...)

Vong thân của người thành thị : thành phố hiện nay, vâng theo những quy luật tổ chức kiến thiết, mở mang về phương diện dân số, kiến trúc, kỹ nghệ... đã trở thành một thứ nhà tù lớn trong đó đời sống hầu như hoàn toàn là giả tạo. Con người thành thị mất khung cảnh tự nhiên sinh sống ; nhiều bệnh tật, hiện tượng xã hội, tâm lý không thấy

ở nông thôn, bắt nguồn từ tình cảnh trên ; hiện tượng đồ xô về thôn quê, rừng núi chiều thứ bảy, chủ nhật, kỳ nghỉ lễ, nghỉ hè ở các thành phố lớn hiện nay, bày tỏ nhu cầu thoát ly khỏi đời sống ngột ngạt của thành thị để tìm lại sự thoải mái, thanh bình trong khung cảnh thiên nhiên của thôn quê, rừng núi.

Vong thân của con người hiện đại : chẳng hạn của người lính đánh thuê, người đi ở, người gái điếm, người đàn bà, người minh-tinh màn bạc, của trẻ con,... Vong thân chỉ thị tất cả những hình thức sa đọa, thiếu sót, lệ thuộc của con người đối với một thực-tại bên ngoài (thiên nhiên, sự vật, người khác, Thượng đế...)

Danh từ huyền-thoại không còn phải của riêng khoa dân-tộc học chỉ thị những câu chuyện kể có tính cách thần linh, huyền hoặc, của các dân tộc sơ khai thời tiền-sử, liên quan đến vấn đề : nguồn gốc vũ trụ, loài người, h ặc những sinh hoạt của con người, và ngày nay, bước sang thời kỳ lịch sử, không còn thần thoại, huyền thoại. Nhưng nếu hiểu huyền thoại về phương diện thái độ, và thái độ huyền thoại, là thái độ tin ở một điều gì được coi là chân lý hiển nhiên một cách thành kính, mà không dựa trên một nền tảng kiểm chứng nào, thì thái độ huyền thoại gắn liền với con người của mọi thời đại. Do đó không phải bước vào thời kỳ lịch sử là hết thần thoại, huyền thoại; thái độ huyền thoại vẫn còn và cái thay đổi chỉ là những câu chuyện kể. Nói cách khác, chúng ta có những thần thoại, huyền thoại mới. Hơn nữa còn có thể nói: không những tư tưởng huyền thoại không tan biến khi có tư tưởng lịch sử, triết học, khoa học, mà chính tư-tưởng

lịch sử, triết học, khoa học chẳng qua cũng chỉ là những hình thức mới của thái độ huyền thoại. Ngay cả những nỗ lực phê bình huyền-thoại cũng không tránh khỏi phải dựa vào một huyền thoại phê bình.

Có thể dùng khái niệm huyền thoại theo nghĩa trên để tìm hiểu nhiều thái độ của con người hiện đại về phương diện trí thức, văn hóa, chính trị. Có huyền thoại khoa học, huyền thoại cách mạng, huyền thoại người lớn, huyền thoại tình yêu...

Vượt khỏi giới hạn dân-tộc học, huyền thoại trở thành một từ thông dụng của ngôn ngữ chính trị, văn hóa, có khả năng tổ cáo những niềm tin chỉ là ảo tưởng đã huyền diệu, đánh lừa chúng ta. Nhưng vấn đề sẽ là có tránh được thái độ huyền thoại không, hay chỉ là từ bỏ huyền thoại này để lại rơi vào một huyền thoại khác. Nói cách khác, có tránh được sống không niềm tin hay không, một niềm tin bây giờ được coi là chân lý, nhưng có thể sẽ là huyền thoại sau này. Với những khái niệm, suy tưởng như thế, đụng chạm đến những gì sâu xa và thâm kín nhất của con người, làm sao có thể chối cãi triết học không có khả năng ném chúng ta vào suy tư, đảo lộn cuộc đời chúng ta vì triết học đã gắn liền với cuộc sống hiện đại.

Một quan-niệm về giáo-dục

Chế độ nhà trường hiện nay dựa trên một quan niệm giáo dục tách khỏi đời sống thực tế cả về tinh thần lẫn nội dung giảng dạy. Hoặc là học những cái không thiết thực, từ chương, hoặc là học những cái thiết thực, nhưng lại trừu tượng, hình thức; về mục đích, học có vẻ nhằm một mục tiêu thiết thực: để đi thi, nhưng chính bằng cấp lại không thiết thực vì chẳng đi đến đâu. Tú tài

xong, làm được gì với một vốn kiến thức tổng quát, lý thuyết; đậu cử nhân xong, cũng không hẳn có công ăn việc làm. Chẳng hạn cử nhân văn khoa. Nếu chuyên về sinh ngữ, thì việc học những văn chương Anh Pháp cao xa ở trường Đại học không thiết thực bằng đi học ở hội Việt Mỹ hay sở Văn hóa Pháp. Chữ nôm, chữ Hán, nhân chủng... chẳng biết để làm gì. Học triết, viết văn, chỉ có thể đi dạy học, mà cũng chật vật, vì đã có trường Đại học Sư phạm.

Nền học-chính hiện nay không thực sự sửa soạn vào đời cho thanh thiếu niên. Bậc Trung học chỉ nhằm sửa soạn vào Đại học, rồi bậc Đại học lại chỉ nhằm sửa soạn dạy Trung học. Học để dạy học. Nhà trường là một vũ-trụ khép kín mà việc chuyển dịch lớp bậc theo một vòng lẩn quẩn.

Vậy phải thay đổi quan niệm tách nhà trường khỏi thực tế, và phải coi nhà trường như một sửa soạn vào đời. Tuy nhiên cần tránh một sai lầm khác: coi nhà trường là xã hội, là đời. Nhà trường sửa soạn vào đời nhưng không phải nhà trường đã là đời sống như ở ngoài xã hội. Nói cách khác, nếu có sự cách biệt nhà trường và xã hội, thì không phải vì nhà trường xa rời xã hội, mà vì sự cách biệt ở trong chính nhà trường. Tại một lối giảng dạy, một chương trình giảng dạy xa cách cuộc đời, chứ không phải tại chính nhà trường xa cách xã hội. Do đó, đem đời vào trong nhà trường không phải là biến nhà trường thành một xã hội, như xã hội bên ngoài, nhưng là coi những vấn đề của đời như là một đề-tài suy tưởng học hỏi.

Trong viễn tượng đó, có thể đề cập

mọi vấn đề ngoài đời trước mặt ở nhà trường, ngay cả vấn đề chính trị, nhưng là nói với một tinh thần suy tưởng, nghiên cứu và với thái độ tôn trọng tự do của học sinh, sinh viên. Nhà trường là nơi nói về chính trị như một công trình biên khảo, tìm hiểu, không phải là nơi làm chính trị. Nói cách khác, phải đem chính trị vào học đường, nhưng không được chính-trị-hóa học đường; không được biến nhà trường, học sinh, sinh viên thành một công cụ chính trị, một lực lượng chính trị, nhất là chính trị cá nhân, bè phái. Phải tôn trọng tuổi trẻ, và nhìn nhận có một nơi phải được đặt ở ngoài mọi tranh chấp vì quyền lợi—ở chính trường, thương trường — là nhà trường nơi đào tạo, sửa soạn tương lai quốc gia dân tộc.

Trong một hệ thống giáo dục gắn liền việc giảng dạy ở nhà trường với những đòi hỏi, những vấn đề của thời đại, phải quan niệm việc dạy Triết ở nhà trường như thế nào?

1.— Ở bậc trung học : nên giữ lại một số giờ triết chung cho tất cả các lớp đệ nhất, nhưng có thể dạy ngay từ đệ nhị đề chương trình đệ nhất bớt nặng nề. Đối với các lớp Toán, Khoa học, nhấn mạnh vào phần phương-pháp-luận và triết lý khoa học. Đặt vấn đề triết học từ một số trường hợp khoa học nhất định. Đối với lớp Văn chương, nhấn mạnh vào phần phương-pháp-luận các khoa học xã-hội, nhân-văn (tâm-lý học, xã-hội học, sử địa, văn-học). Nhất là văn học. Đặt vấn đề triết học từ những thực-tại cụ-thể ngoài đời sống về phương diện chính trị, xã hội, văn hóa. Mục đích nhằm kêu gọi suy tưởng triết lý, tập cho biết lý luận triết học từ thực-tế hơn là học những hệ-

thống triết-học theo viễn-tượng lịch-sử.

2.— Ở bậc đại-học : thiết lập một số giờ triết ở tất cả các phân-khoa về triết lý chính trị, triết lý pháp lý, triết lý kinh tế, triết lý khoa học, kỹ thuật, nhằm đặt những tương quan giữa các ngành chuyên môn với toàn thể nhận thức, và với những thực-tại xã-hội, chính trị trong một viễn-tượng nhân bản. Càng đi vào chuyên môn đề đào sâu, càng thu hẹp lãnh vực nghiên cứu, và do đó càng khó có cái nhìn toàn thể. Nhưng không thể không có cái nhìn toàn thể để xác định ý nghĩa, mục đích của chuyên môn trong toàn thể nhận thức, và toàn thể cuộc sống. Không thể nói : tôi chỉ biết chuyên môn, không cần đặt vấn đề chế độ học-chính, chế độ chính trị, vì chế độ nào cũng cần chuyên viên, thầy thuốc. Nhưng người chuyên viên cần xác định ý nghĩa chính trị, nhân loại của ngành chuyên môn của mình, để biết rõ mình phải phục vụ ai, và dưới chế độ nào.

Việc giảng dạy những vấn đề triết học liên quan đến các ngành chuyên-môn khoa-học, kỹ-thuật, nếu do chính những người chuyên môn, có khả năng thực sự về các ngành đó đảm nhiệm, thì hay hơn cả.

Ở Đại học Văn khoa hay Sư phạm : một số giờ triết về phương-pháp-luận liên quan đến những vấn đề nền tảng, phải được gắn liền với chương trình các môn như Sử, Văn, Nhân chủng; chẳng hạn không thể tìm hiểu đến nơi đến chốn vấn đề phê-bình văn-học không đặt vấn đề một cách triệt để : có thể có phê bình được không ? Đặt vấn đề một cách triệt-để là đặt vấn đề tận nền tảng : nền

tăng của phê-bình văn học là có thể hiểu người khác được không? Nói cách khác có sự thông cảm giữa người với người hay không? Vấn-đề này là vấn đề triết học, và triết học chẳng qua chỉ là đặt vấn đề tận tằn-tàng.

Riêng về ngành Triết, thiết tưởng phải quan niệm lại toàn bộ chương trình, nhưng chứng chỉ hiện nay quá bình thức và không liên lạc gì với nhau. Việc phân chia thành năm học để thực hiện một chương-trình học trong đó các vấn-đề học liên quan với nhau một cách chặt chẽ, hợp lý hơn là phân chia thành chứng chỉ. Về hướng dạy, nên trình bày những vấn-đề không phải chỉ trên phương-diện lịch-sử, mà cả trên phương diện hiện tại: lấy những sự-khiến xảy ra trong cuộc sống trước mắt làm con đường đưa vào suy tưởng triết học. Trong tinh thần đó, chương trình học sẽ dành một phần lớn vào triết học chính trị (vấn đề quyền bính, vấn đề nhà nước, vấn đề bạo động chính trị . . .), triết học cần lao (vấn đề sản xuất vật chất, nhu cầu, vấn đề thăng-tiến xã-hội . . .), triết học văn hóa (triết sử quan, thẩm mỹ học . . .). Đặt những vấn đề trên không phải một cách lý thuyết, nhưng từ những hoàn cảnh cụ-thể của đất nước, thời-đại mình (chẳng hạn vấn đề quyền-bính chính trị ở một nước chậm tiến). Đại-học không phải chỉ dạy những kiến thức đã có, mà còn phải là một trung tâm nghiên cứu, sáng tạo kiến-thức mới, nhất là những kiến-thức thích hợp với hoàn cảnh cụ-thể trước mắt.

Nhưng gắn liền triết học với các bộ-môn học, thì đó là triết học nào? Thực ra không có triết học mà chỉ có những triết học. Hay nói cho đúng, triết

học là ý hướng về những vấn đề toàn-thể, nền tảng, và kết quả là những triết học, những quan niệm triết lý khác nhau về những vấn đề trên. Vậy phải lựa chọn một triết-học chi phối hướng dẫn những tìm kiếm giảng dạy triết học ở nhà trường, một triết học trở thành ý-thức-hệ, không những chi-phối việc giảng dạy mà tất cả mọi sinh hoạt, thể-chế quốc-gia do nhà nước chỉ-định.

Đừng vội la hoảng như thế là chính-trị-hóa giáo-dục, và hơn nữa, chính-trị-hóa theo một chiều hướng độc-tài. Nếu hiểu ý-thức-hệ là một tư-tưởng lãnh-đạo của một chế-độ xã-hội, không có chế-độ xã-hội nào không có ý-thức-hệ, hoặc được bày tỏ một cách công khai thành lý-thuyết, hệ-thống rõ rệt, hoặc bao hàm trong những thể-chế, tổ chức của chế-độ và không được hệ-thống-hóa rõ rệt. Tư-tưởng lãnh-đạo công khai hoặc ẩn dấu là ý-thức-hệ cũng luôn luôn gắn liền với những thể-lực kinh-tế tài chánh, chính-trị nắm giữ quyền bính lãnh đạo. Quyền bính lãnh đạo này có thể do một người, một dòng họ hay một tầng lớp đảm nhiệm. Và ý-thức-hệ xuất phát từ những thể-lực kinh-tài, chính trị của một người, một dòng họ, một tầng lớp lãnh đạo có tác dụng nhằm biện-hộ và duy trì sự thống-trị của quyền bính lãnh-đạo.

Trên phương diện văn-hóa, giáo-dục, ý-thức-hệ của những chế-độ xã-hội từ xưa đến nay, từ nô lệ, phong kiến đến tư bản, cộng sản... đều biện hộ và duy trì những chế-độ đó, chỉ khác nhau về cách bày tỏ và biện hộ, duy trì. Có chế-độ bày tỏ công khai ý-thức-hệ của mình và chi phối mọi sinh-hoạt văn-hóa, giáo-dục theo một chiều độc tôn; có

chế-độ lại *che dấu* ý-thức-hệ của mình, nói cho đúng hơn, che dấu sự thống trị độc quyền của chế-độ về phương-diện kinh-tế, nhưng bày tỏ một quan niệm tự-do trên phương-diện văn-hóa, giáo dục. Cách che dấu ý-thức-hệ tinh vi hơn nhưng cũng nguy hiểm hơn vì nó dễ dàng lừa bịp hơn. Thực ra dưới chiêu bài tự do, chế độ tư bản vẫn độc quyền thống trị những sinh hoạt kinh tài, do đó chi phối gắt gao những thể chế, cơ-cấu xã-hội, chính-trị... Nhưng trên bình-diện văn-hóa, giáo-dục, lại chủ trương như thể xã-hội là tự-do, không bị chi phối bởi một thể-lực kinh-tài nào, bởi một tầng lớp nào... Làm như thế, chế-độ tư-bản vừa không sợ nguy hại gì mà còn có lợi. Về văn-hóa, giáo-dục, cho tha hồ chủ-trương mọi lý-thuyết, tự do giảng dạy mọi triết-thuyết, chẳng có gì đáng lo ngại vì *chỉ* là lý-thuyết, không đụng chạm gì đến cơ-sở chế-độ là những thể-lực kinh-tài, đồng thời còn có lợi vì có thể tạo những ảo-tưởng được tự do tư tưởng, ngôu luận, và do đó sự tự do hình thức về giáo dục, văn hóa có tác dụng biện-hộ cho sự thống trị, chi phối thực sự về kinh-tế, tài-chánh.

Vậy vấn đề không phải là gạt mọi ý-thức-hệ ra khỏi văn-hóa, giáo-dục, vì văn hóa, giáo dục không thể tránh được sự chi-phối bởi một ý-thức-hệ nào đó. Vấn-đề sẽ chỉ là tìm ra một ý-thức-hệ thích đáng và hợp lý. Vì ý-thức-hệ tùy thuộc chế-độ xã-hội, nên điều cần trước tiên là tìm ra một chế-độ thích hợp với hoàn cảnh đất nước. Hoàn cảnh đất nước của một dân tộc chậm tiến, còn quá nhiều những chênh lệch giai-cấp do thống trị ngoại bang và thiếu số trong nước gây ra, đòi hỏi một chế-độ xã-hội nào c. Thiết tưởng đó là một chế-độ thực hiện được sự phát-triển quốc-gia. Muốn thực hiện được phát-triển quốc-gia, thiết tưởng hiện nay không có đường lối nào khác ngoài con đường theo chủ - nghĩa xã-hội, hiểu như một nỗ lực hợp-ly-hóa theo kế-hoạch sinh-hoạt kinh-tế tài-chánh và như một thăng-tiến xã-hội

những tầng lớp nghèo cực, khổn khổ nhất dưới chế-độ phong-kiến, thực-dân cũ.

Những yếu-tố chính bao hàm trong ý-thức-hệ của chủ-nghĩa xã-hội là : quyền chiếm-hữu những phương-tiện sản-xuất là tập-thể, công bằng xã hội, phát triển hợp-ly, khoa-học kỹ-thuật, dân tộc khai phóng. Một triết-ly nhằm bày tỏ và hệ-thống-hóa ý-thức-hệ của chủ-nghĩa xã-hội có thể thiết lập trên cái vốn những tư-tưởng xã-hội rút ra từ những học-thuyết, đạo-giáo xưa nay, nhất là từ những học-thuyết của các nhà xã-hội tể kỷ XIX và XX, và từ những nhận xét, suy tưởng gắn liền với hoàn cảnh đặc-biệt của đất nước.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Trưởng ban Triết học Tây phương
Đại Học Văn Khoa Saigon

Trưởng ban tổ chức Hội nghị
về giảng dạy Triết học tham luận...

— **Hôn-nhân trong ánh-sáng công - đồng**, nguyên tác của L.M Bernard Haring, bản dịch của L.M. Hồ-Đĩnh, do Trao đổi xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 220 trang.
Giá 75 đ.

— **Chân cầu sóng vỗ tập thơ đầu tay của Hà - nguyên - Thạch** do Ngưỡng Cửa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 100 trang gồm trên 40 bài thơ, bìa của Nguyễn-Khai. phụ bản của Nguyễn Khai, Nguyễn-Quỳnh, Hoàng - ngọc - Biên. Bản quý không đề giá.

— **Lòng chưa dâu biểu, tập thơ của Huy-Trâm** do Văn-Học xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 74 trang, gồm 47 bài thơ
Giá 45 đ.

KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI...

VĂN - NGHỆ MIỀN NAM NHÌN TỪ MIỀN TRUNG (2)

Văn-học Miền Nam

căn - bản là Nói và Trình diễn

Văn chương Miền Nam-Hà đã gần như có hẳn những phương pháp, những qui luật, một cá tính tách biệt hẳn sự phát triển của văn chương Bắc-Hà từ ngả rẽ Nguyễn-Hoàng Ấy là văn chương Đang ngoài tuần tự mà rất chắc chắn tách hẳn làm hai trên con đường phát triển, như hai con tuấn mã song hành tức văn chương bác học và bình dân. Sự phát triển ấy trở thành truyền thống rõ ràng qua thế kỷ XV, II, XIX, XX, bao giờ cũng lấy đối tượng trí thức làm căn bản. Ngược lại, văn chương Miền Nam bao giờ cũng cố gắng bình dân hóa, và đối tượng lại là đại quần chúng lao động. Trên căn bản ấy, phương pháp của văn chương miền Bắc nặng về xem, tức là độc giả có thể cầm tác phẩm tự mình đọc thầm để suy tư và cái hay chính nằm trong lối xem và suy tư đó; văn chương miền Nam nặng về Nói và trình diễn, tức là độc giả thường chỉ thấy hay trong lối đọc to để tự mình

nghe và để cho kẻ khác cùng nghe với mình và cái hay cũng nằm trong lối nghe để rung cảm đó. Tất nhiên, không phải phương thức đó bao giờ cũng đúng, nhưng đại-cương thì không sai. Ngay như thể thơ thất ngôn bát cú là thể duy nhất còn sót lại của Trung Hoa qua các thời gạn lọc và người Bắc thích dùng nó như người Trung Hoa vẫn dùng: mô tả tâm sự, bày tỏ những mối thương thầm xót vầy, yêu thiên nhiên... Rõ ràng là lối thơ càng xem riêng lẻ chừng nào càng hay chừng đó. Qua thơ Nguyễn bỉnh Khiêm, Phạm Thái, bà huyện Thanh Quan... ta nhận thấy điều ấy dễ dàng. Thế mà khi vào đến Trung, phần lớn thơ ấy cũng từ già Đường tính để trở thành một phương pháp tuyên truyền, nghị luận, bút chiến... mà dẫu có tâm sự, có thương thầm xót vầy thì cũng bằng một giọng "cộc", hùng biện, ít khi thấy giọng êm nhẹ, đầy nghệ thuật ngay ở thế kỷ XVI của Nguyễn bỉnh Khiêm;

*Hoa mai bạc vì trăng tỏ
Bóng trúc thưa bởi gió lay.
Ưu ái chẳng quên niềm trước
Thị phi biếng nói sự nay*

Đọc bài thơ ấy, so sánh với những bài tinh tế nhất của Tôn Thọ Tường, thi sĩ có thiên tài về lối thơ này, ta cũng thấy thời họ Tôn không bao giờ viết đề cho mình mà chính là cho người, không phải đề xem riêng mà đề đọc, không phải đề một người mà nhiều người cùng chuyển tay nhau... Lại nhất là thơ thất ngôn bát cú Miền Nam còn có thể đem đọc vanh vách trước công chúng và họ cũng có thể nghe hiểu được, bởi chính tác giả không mang tinh thần vị kỷ mà rất vị tha trong khi sáng tác.

Hình thức bác học nhất còn chịu sự « dày vò » đó, hướng chỉ các hình thức vốn dĩ rất bình dân !

○○○

Văn nghệ Miền Nam có đặc điểm phổ biến sâu rộng trong dân chúng, tựu trung có thể thấy ba loại sau đây là căn bản :

— Hò vè.

— Truyện và các thể thơ (không kể truyện cổ tích, truyện tiểu lâm khá đặc sắc).

— Tuồng.

(Vi căn bản là nói, nên người Miền Nam khi nghe trình diễn, đọc tấu, đọc diễn các loại trên — ngoại trừ hò và hát bộ — là nói vè, nói tuồng, nói thơ, nói truyện, nói tiểu lâm).

Hò vè là loại thuần bình dân. Lẽ dĩ nhiên, tất cả bộ môn bình dân nào cũng có trí thức xen vào. Nhưng họ chỉ xen vào với tinh thần bình dân. Nó thuộc loại

khẩu chiếm cho dầu có nhiều bài về được viết và bổ cục công phu. Vi căn bản loại này là đề nói thao thao vanh vách (không bao giờ cầm tài liệu theo) cốt gây ảnh hưởng trực tiếp cho thính giả. Hạng nói vè, đọc vè vừa có tính cách thi sĩ khẩu chiếm (poète oral) vừa là ký giả : xếp vào hạng ký giả vì họ chỉ chuyên lối văn văn, mô tả cụ thể, linh hoạt, xác thực những sự việc thường là nóng hổi mới xảy ra, « đương sự » còn sống sờ sờ và nhiều khi đang lừng lẫy, đầy uy quyền. Về cũng phê phán hành vi của họ và thường phải theo quan điểm quần chúng, nếu không sẽ không dễ gì được chấp nhận. Văn vè rất linh hoạt. Chẳng hạn trong một bài về chữa hoang tác giả khéo tả hình dung đứa bé mà người mẹ hoài thai không có xuất xứ rõ ràng, cả làng nô nức chờ chín tháng mười ngày đẻ ra :

... xem thử giống ai ?

Cái đầu nó giống ông cai

Cái lưng ông xã, cái vai ông trùm.

Và rất táo bạo, cũng tác giả đó, không ngần ngại bày một phương kế « quốc cấm » tức phương pháp phá thai rất công khai đầy mỉa mai trào phúng.

Lá ớt em uống đã rồi

*Uống không lay chuyển thì bồi thầu
đâu. (1)*

Và được quảng bá bởi bọn ăn không ngồi rồi, bọn thích hò hát, đa số là trẻ con chăn trâu, chăn bò đi rảo khắp làng trên xã dưới nghêu ngao đọc to. Nhiều người bị tấn công lập tức phản ứng lại đặt bài vè đối đáp và thuê người

(1) Nấu keo rất đắng, thời chiến tranh 1939-1945 tù chính trị dùng chữa sốt rét rừng,

đi đọc khắp vùng, gây nên những cuộc khẩu chiến sôi nổi có khi kéo dài cả tháng.

Người miền Trung khi nói về thường không quên hò. "Hò vè" là hai danh từ đi đôi, chỉ thị một nền văn nghệ quan trọng bậc nhất của nông dân. Loại vè thay cho sinh hoạt báo chí, nghị luận, loại hò là phương pháp đề cời mở tâm tình, giao hòa, yêu đương, nặng tình cảm cũng như loại trên nặng lý-trí.

Hò đi đôi với hổ. Hò hát giọng dài dành cho các động tác khoan thai, chậm chạp: hò đạp xe, hò mái đày, mái nhì. Hổ dành cho các động tác nhanh, gấp: hổ giã vôi... Đôi khi người ta lẫn lộn danh từ nhưng không quan hệ. Hò dùng cho rất nhiều trường hợp, riêng ở Huế nó đã kết hợp với âm nhạc, nâng lên thành một loại ca hát nhà nghề. Cái thú vị, cái lớn lao đáng kinh ngạc của ngành này đã khiến cho người ta say mê nó hằng bao nhiêu năm trời, nâng hẳn nó thành một bộ môn sân khấu nhân dân chính là những cuộc hát đối đáp. Lời hát này không theo những câu đã có sẵn trong ca dao, mà tự diễn viên phải đặt ra theo hoàn cảnh, trường hợp và nhân vật đối thoại. Cũng như ta gọi tuồng cương bấy giờ. Trong vở tuồng cương ấy, bắt đầu phần trình bày là sự giới thiệu nhân vật trai và gái (2) những diễn tiến của cuộc hội ngộ, những tình tiết bất ngờ do những đệ - tam nhân vật đột nhiên xuất hiện hoặc đóng vai mai dong, hoặc làm người cha khó tính, hoặc làm kẻ phá đám... Như thế, các diễn viên phải theo sát cuộc đối thoại bằng văn vần đó, kết cấu thế nào cho các tình tiết tiến triển hợp tình hợp lý. Sân khấu nhân dân này có cái đặc sắc của nó là không phải bao giờ đoạn kết cũng "có hậu" cả.

Những buổi trình diễn khẩu chiến dưới trăng ấy đã lôi kéo hàng trăm khán giả từ đêm này qua đêm khác đã tạo cho văn nghệ nông thôn có sinh khí lạ lùng và đã nâng cao nền văn nghệ do lên đến tột điểm với những diễn viên rất linh hoạt, thông minh mà tình tứ. Khó mà hy vọng trong khoảng thời gian gần đây, lại có thể phát khởi được những bộ môn sinh động và đại chúng như thế.

Đã có loại hát hò, nói vè theo qui mô ấy, tất nhiên phải có loại truyện, thơ. Theo tiếng miền trong này thì truyện hay thơ đều chỉ chung các loại lấy căn bản yếu vận. cụ thể là thơ lục bát để trình bày. Nhiều trường hợp, người ta cũng có thể dùng các lối nói hay vài hình thức hát bội. Thơ là một danh từ đôi khi lẫn lộn với truyện và vè. Người ta có thể gọi vè mụ Đội, vè Thông tằm mà cũng có thể gọi là thơ, trong khi một đôi tác phẩm này lại chính là truyện. Sở dĩ có sự lẫn lộn là vì cả ba cùng dùng để đọc lên cho kẻ khác nghe mà nhiều khi vì trong đó có đối thoại mà người ta lầm lẫn là có hành động, có tình tiết nên gọi lầm là truyện hoặc vì nghe nhiều đoạn chỉ toàn lời dạy dỗ, đạo lý nên lại lầm là thơ. Ta có thể định nghĩa mỗi loại như sau:

Thơ dành cho những bài không có mục đích nào khác hơn là truyền lại cho những kinh nghiệm, những lời khuyên răn, dạy bảo, mô tả những tâm trạng (đứng lăm danh-từ này với thơ như thơ Đường). Ở miền Trung, phần lớn đàn bà con gái đều thuộc qua một tập thơ dài rất nổi tiếng tên là thơ hay vè Tam khôi, trong đó có nhiều câu đã đi hẳn vào ca dao tục ngữ và được truyền tụng như những bài luân lý thực hành:

(2) Quảng Nam gọi là hát nhân ngãi (tức trai gái bày tỏ tình yêu với nhau).

Mình là con gái trong nhà,
 Hình dung yếu điệu nét na điệu dàng
 Khi ăn khi nói chừng chàng
 Khi ngồi khi đứng bẻ bàng dưng nghi

Ngoài ra, một bài thơ khác rất nổi tiếng (hường gọi là về đi biển) mà những nhà buôn, he, những tay lái thuyền hàng hải đều thuộc nằm lòng. Bài thơ ấy chỉ rõ tất cả những chi tiết về bờ biển, hải cảng, đảo, nghề nghiệp dọc theo duyên hải Việt-Nam. Chẳng hạn về vùng Cửa Đại :

... chuyên nghề lưới dăng
 Ngó ra lỗ xoắn lỗ xoang

Hòn Nồm nằm dưới mồi cội một mình

Bài thơ ấy cũng chính là kim chỉ Nam đã giúp rất nhiều cho ngành hàng hải trong việc xác định vị trí các đảo, hải cảng trong cuộc hành trình, nhất là lúc khi gặp sóng to, bão lớn. Đó có lẽ cũng là bài học địa lý phổ thông rộng rãi nhất của nước ta.

Về, như ta đã biết, có tính cách thời sự. Nhưng gặp những trường hợp câu chuyện dài, quá rắc rối, tình tiết éo le ly kỳ, lại dẫn đến những hậu quả rõ ràng thì loại về ấy đã tiến lên gặp truyện. Chẳng hạn về Thông Tầm cách đây ba mươi năm, xuất phát từ Bình Định (tỉnh duy nhất ở miền Nam Trung rất có khả năng về thơ ca) đã phổ biến khắp nơi. Chính vì loại về lục bát này mà tôi nghi căn bản xuất phát các loại truyện lục bát miền Nam chưa hẳn phát nguyên từ Bắc, mà rất có thể từ chính các loại về đó được sửa đổi lại khi tính cách thời sự tan biến trong giòng thời gian. Tuy nhiên, cụ thể mà phân biệt, về vẫn chỉ các tác phẩm đủ ngắn hay dài, nặng về thời sự, tức những chuyện

bản có thật mới xảy ra. Truyện là những văn dài, sau này viết theo hẳn lục bát, trong đó có nhân vật, có hành động có tình tiết và kết luận. Loại truyện, theo lối định nghĩa bây giờ, thuộc văn chương tưởng tượng như tiểu thuyết, còn về thuộc văn phóng sự, thời đàm, loại và dài như Thông Tầm thì có thể liệt vào bộ môn của Âu Mỹ: tiểu sử (biographie), phóng sự.

Hiện còn hai tài liệu tương đối xưa hơn hết ở miền Trung để thấy rõ loại Thơ, Truyện, tiểu sử đã thành hình như thế nào để vừa tiến lên loại truyện thực sự (kiểu Lục Vân Tiên) vừa tiến lên loại tuồng hát bộ.

Đó là hai quyển Văn Doan diễn ca và Sải vãi. Văn Doan diễn ca kể chuyện chàng Lía, một nhân vật rất nổi tiếng, quê ở Bình Định. Loại này khác hẳn tất cả các loại ta đang có hiện còn lưu lại ở miền Bắc về hình thức. Tức là trong câu chuyện kể toàn bằng lục bát (xướng viết), tác giả có chen vào những thể thức của hát bộ như tán (câu phụ, bằng văn nói lối) vầu (câu hát tiếp với câu nói) loạn (câu thơ phú để bổ ý hoặc thi hành câu nói). Tôi thử trích một đoạn trong tập truyện đặc sắc này (chàng Lía, sau khi thi hành mưu kế đốt nhà người, bắt lại những con trâu đã mất đem về cho chủ cũ là Lục Tường).

SÁCH MỚI

Thời nhỏ trong gia đình Luvers
 của Boris Pasternak, bản dịch của
 Mặc Đỗ, do Văn xuất bản và gửi
 tặng. Sách dày 120 trang.

Giá nhất định 30 \$

Xướng viết :

*Lục Tường nghe nói lắc đầu,
Trâu tao đã mất may đâu lại còn.
Giả ơn chú Lía mưu khôn,
Hết lòng với chủ mới tròn công tôi.*

*Thằng Lía bèn nói một lời :
Tôi xin thôi ở về nuôi mẹ già*

Tán viết : *Cúi đầu bái biệt chủ gia,
bắt mắt quê xưa trở lại.*

Văn viết : *Bắt mắt quê xưa trở lại ;
cúi đầu từ một lay đời chân.*

Tán viết : *Ấu là kíp trở lại thảo
trang, ngõ báo lai từ mẫu (a).*

Loạn viết : *Diêu vọng sơn xuyên bộ bộ
khinh ; bốn ba đoạt lộ khoái ngô tình.*

Xướng viết :

*Về nhà thừa lại mẹ hay
Tôi chẵn trâu rày thế sự dễ duôi.
Con xin đi học mà thôi,*

Họa may văn võ nên người ngày sau.

.....

.....

Câu chuyện cứ như thế tiếp diễn.

Qua đoạn trên, ta thấy điểm căn bản của truyện này là không phải để xem, chủ yếu tác giả viết ra là để *Kể Lại*. Nhưng kể bằng lối gì ? Hầu hết quyền truyện là văn lục bát (xướng viết) thì chắc người kể chính ngồi ngâm nga đọc lại, có thể có thêm bộ tịch như kiêu ca ra bộ khởi đầu cho cải lương (biết đâu loại này vốn chẳng phải khởi đầu cho hát bộ ?) Còn những đoạn đối thoại, có pha thêm phần hát Nam (văn) hát Bắc (loạn) nói lối (tán) thì, hoặc vai chính tự đóng hoặc khi gặp vai trò của ai, kẻ đó sẽ đóng hẳn lấy ? Như kiêu nói tuồng ngày xưa : một người dong trống lên

rồi tự mình vừa đọc bản tuồng vừa đóng các vai ; hoặc các vai ngồi quanh người đánh trống rồi tự đóng vai của mình (và vẫn ngồi, chứ không đi đứng, chỉ làm cử động tay chân và nét mặt nên gọi *Nói tuồng*). Dù sao, cũng phải nhìn nhận loại này là loại *kể chuyện* thú vị nhất trong tất cả những thể truyện mà ta đã có từ trước đến nay khi người xem còn là *khán và thính giả*, chứ không phải là *độc giả*. (Mà có lẽ hồi đó, họa hoằn mới có nổi một *độc giả* !)

Văn trong Văn Doan diễn ca thật hết sức linh hoạt, thời gian và động tác của truyện đầy tới một cách rất nhanh chóng trong khi bối cảnh thay đổi từng phút một (gần như phim chiếu bóng ngày nay) tạo nên một không khí náo nhiệt, đa dạng, hấp dẫn lạ lùng. Và cá tính của nhân vật chính cũng nổi bật như chưa hề thấy !

Sãi vãi, một tập văn vần đối thoại rất thú vị, nhiều người biết tiếng, của Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) có thể nói đáng lẽ phải là văn phẩm cơ sở để chúng ta có quyền có một nền thoại kịch vững vàng rồi. Đó là một tập văn vần thể nói lối không có cốt chuyện do đó không có động tác, nhưng bày ra một hoạt cảnh lấy đối thoại làm phương tiện diễn giảng ý nghĩa hai chữ tu hành chân chính, giữa một ông sãi và bà vãi. Đặc điểm giọng văn không nhất thiết hùng biện, đạo lý mà có pha giọng hài hước rất tự nhiên : (Sãi nói) :

Sãi yếu vì đạo, (3)

Sãi dẫu vì duyên ;

(3) Nhiều bản in chép hai câu chập một, nhưng tôi nghĩ chép từng câu mới đúng theo lối nói lối,

*Thấy mặt vãi nhan sắc có hơn
Sãi theo với tu hành kẻ thiệt.*

*.
Sãi cũng muốn tu trì,
Khốn thiếu đồ khí dụng.
Thiếu chuông thiếu trống ;
Thiếu kệ thiếu kinh ;
Thiếu sửa thiếu sinh,
Thiếu tiêu, thiếu bát ;
Thiếu bình, thiếu bát ;
Thiếu đậu, thiếu tương*

*.
.*

Đối thoại rất dễ dàng, mô tả cho thấy những quan niệm thời ấy về nhiều phương diện, nhất là trong việc tu hành, đạo lý, cũng như mô tả đại khái sự trang sức, vẻ đẹp, tiện nghi vv... của một thời cách đây mấy trăm năm. Sự thành công về mặt trình diễn của Sãi vãi chính nhờ ở cái giọng pha trò lai rai như thế làm cho sự lý bất tính cách máy móc, khô khan và người nghe dễ thuộc lòng dù nhiều đoạn giáo-điều hơi cao.

Nói chung lại, cả hai bản văn này cho chúng ta nhận-thức thêm sinh hoạt văn-nghệ một thời thật xa xôi đối với những ai muốn nghiên cứu văn-nghệ mà không đường lui về bằng tài liệu. Riêng Văn Doan diễn ca (không rõ phát sinh thời nào, nhưng có trước khi người Pháp chiếm Nam kỳ khá lâu, (4)) mà nhiều danh tánh, sự tích đã đi vào ca dao tục ngữ Việt Nam, giúp cho chúng ta thấy một loại truyện kể vừa dẫn tới những loại văn vần thuần túy lục bát kiểu Lục Vân Tiên vừa dẫn tới các tuồng hát bộ. Sãi vãi cho thấy căn bản của văn xuôi Việt Nam thuở trước thì dù Bắc dù Nam cũng là văn nói lối. Riêng ở Trung Việt, loại nói lối không chỉ dẫn tới những bài Vè, làm xương sống cho các tuồng hát bộ mà trong các loại *tuồng đề* (tức tuồng trào phúng của hát bộ) thì văn này được xem như phương tiện diễn tả chính của cả vở tuồng.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(4) Bản do tạp chí Nhân loại công bố, đề in lần thứ nhì, năm 1898. Truyện xảy vào thời chúa Nguyễn minh Vương (theo Sehreiner).

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cúm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

Chúa Yêsu

trước quyền chính-trị

(Xin xem BK.TĐ. từ số 253)

CUỘC ĐỐI-THOẠI CĂN-BẢN VỀ QUYỀN-HÀNH TRẦN-THẾ

Trong đời công-vụ của Chúa Yêsu có một lần Ngài đã nói khá rõ về . . . lập trường của Ngài trước quyền chính trị. Thực ra, phải nói là Ngài bị dồn vào thế phải nói rõ lập-trường của Ngài. Đó là lần Ngài tranh-luận với bọn người đồ-kỵ và thù ghét Ngài về vấn-đề nộp thuế thân.

Thánh sử Marcô thuật lại biến cố này như sau :

Rồi họ sai đến cùng Ngài một nhóm gồm có Biệt-phái và phe cánh Hêrôđê đề sẵn đón bắt Ngài trong lời nói. Các người ấy đến và nói với Ngài : «Thưa Thầy, chúng tôi từng biết : Thầy là người ngay chính, không bận tâm vì lẽ người này, người nọ, vì Thầy không có thói coi mặt đặt tên, nhưng cứ chiếu theo sự thật mà Thầy chỉ dạy cho biết đường lối của Thiên Chúa Vậy có được phép nộp thuế cho Hoàng-đế hay không ? chúng tôi phải nộp hay không được nộp ? Nhưng Ngài đã thấu suốt được lối giả-hình của họ và Ngài bảo họ : « Các ông đánh cạm tôi làm gì ? Hãy đem cho tôi một

đồng quan để tôi xem thử.» Họ đem đến và Ngài hỏi họ : «Của ai đây, hình và nhãn đề này ? » Họ đáp : «của Hoàng-đế». Yêsu mới bảo họ ;

« Của Hoàng - đế, thì hãy trả cho Hoàng-đế và Của Thiên-Chúa thì trả cho Thiên-Chúa.» (Mc. 12. 13-17)

Bối-cảnh của cuộc tranh-luận này thật là rắc-rối. Việc trả thuế thân cho Hoàng-đế La-Mã gây cho lương-tâm những người Do-Thái tế-nhị-một nỗi khủng-hoảng, thắc-mắc khó giải quyết. Vì muốn trả thuế thân phải dùng đồng quan bạc của La-Mã, và đồng quan này lại mang hình và nhãn-đề của Hoàng-đế. Như thế là mặc nhiên công-nhận quyền tối-thượng của Hoàng-đế ngoại giáo mất rồi. Người Do-thái không phân-biệt đạo đời. Họ chỉ nhìn nhận Thiên-Chúa là Vua độc - nhất và độc - tôn của « Dân thánh ». Trong hoàn-cảnh, đó, trả thuế và nhìn-nhận quyền tối-thượng của Hoàng-đế ngoại-đạo là như đã bắt đầu « chối đạo » rồi. Phong - trào « Nhiệt Thành » nhất-định không chịu

nộp thuế thân. Những người biệt-phái chỉ miễn-cưỡng thi-hành : họ dùng tài lý luận chuyên môn của các nhà giáo-luật, đề chước chuẩn cho mình đi đến một hành-động không hoàn-toàn phù-hợp với lý-tưởng đạo-giáo nghiêm-khắc của mình. Họ dựa vào lời tiên-tri Đanien (2, 21) đề tự nhủ rằng vua nào thì cũng là do Thiên-Chúa đặt lên và hạ xuống.

Chính vì là một vấn-đề nan giải như thế, mà cả những người đã cộng-tác với chính quyền La-Mã (phe cánh Hêrôđê), cả những người đã từng rêu rao là trung-thành với luật thánh, đều hiệp nhau để đón bắt Chúa Yêsu trong lời nói. Nếu Ngài nói : « Đừng trả ! » thì phe cộng-tác với La-mã sẽ tố-cáo Ngài là phản-loạn. — Nếu Ngài nói : « Cứ trả ! » thì phe bảo-vệ luật thánh sẽ rỉ tai tuyên-truyền là Ngài đã phản-bội lý-tưởng đạo giáo của dân tộc.

Chúa Yêsu đã lái vấn-đề ra khỏi đoạn đường khúc-mắc đó. Ngài đã đặt vấn đề đúng trong bình-diện tôn-giáo để nói rõ lên chủ ý của Ngài.

Trước tiên, Chúa Yêsu nói thẳng ý-tưởng của Ngài là phải trả thuế. Ngài dùng chính hành-động của đối phương để đánh bại âm mưu tằm tối của họ: khi họ xử dụng đồng quan mang hình Hoàng đế để buôn bán, để sinh sống, khi họ thụ-hưởng tổ-chức kinh-tế và hành-chính của La mã, thì họ vẫn nhận là đồng quan La mã có giá-trị. Họ mặc nhiên chấp nhận quyền đúc tiền của Hoàng đế. Theo quan-niệm thời đó, ai có quyền đúc tiền thì người đó cũng có quyền tối thượng. Nhận tiêu tiền của ai thì đồng thời cũng à công-nhận quyền tối-thượng của người ấy. Và đã nhận quyền tối thượng của

ai rồi, thì tất nhiên phải nộp thuế, phải chu-toàn nghĩa-vụ thần-dân đối với người ấy.

Sau khi đã dồn họ đến chỗ phải tự công-nhận điều đó. Chúa Yêsu đã thêm một lời quan trọng: *Của Thiên Chúa thì trả cho Thiên Chúa.* Đó là tầm ý-ngĩa tôn-giáo quan trọng cuộc tranh luận này. Ngài muốn nhấn mạnh đến nghĩa vụ của con người đối với Thiên Chúa. Nghĩa vụ này cũng quan-trọng bằng, quan-trọng hơn nhiều nghĩa vụ của thần-dân đối với quyền Hoàng đế. Quốc gia có quyền đòi hỏi những gì cần-thiết cho việc trường-tồn của mình. Còn Thiên-Chúa, Ngài đòi hỏi tất cả con người. Mỗi người luôn có phận sự phải hiến chính bản thân mình cho Thiên-Chúa.

Trải qua lịch-sử, lời nói của Chúa Yêsu này đã được giải-thích mỗi thời một khác. Mỗi chính-thể cũng tìm một kiểu giải-thích khác nhau. Những người chỉ muốn suy-tôn « quyền Đạo » thì coi lời « *Của Hoàng-đế thì trả cho Hoàng-đế* » như một lời mai-mĩa, một lời « ừ thì thì cho đó ! » Chính quyền đòi gì thì cứ cho đi, sức mảy mà đòi nhiều ! Chỉ có Thiên-Chúa mới có thể đòi cả thân-xác, cả linh-hồn, cả sự sống thôi ! Tương-tự như thế, có người còn cho các nghĩa-vụ công-dân chỉ là thứ-yếu, tẹp-nhẹp, chóng qua. Chỉ có nghĩa-vụ đối với Thiên-Chúa mới thật là quan-trọng thôi. — Trái lại, những người theo chủ-nghĩa đối-lập thì sẽ cắt nghĩa là cả hai bình-diện đều hợp-pháp như nhau. Chúa Yêsu coi quyền Hoàng-đế, quyền chính-trị nói chung, như do chính Thiên-Chúa thiết-lập, và, vì thế, đã là công-dân thì phải tuyệt-đối tuân-phục chính-quyền. Mỗi kiểu cắt-nghĩa đều mang nặng hậu-quả và đã gây ra nhiều

mùa máu lửa trong vụ tranh-chấp giữa giáo-quyền và thế-quyền ở Âu-Châu vào thời Trung-cũ.

Độc kỹ ý của Chúa Yêsu trong đoạn này và lưu-ý đến sự liên-tục của hai vế câu, cũng như tính-cách thường được nhấn mạnh đến hơn, khi được đặt ở vế thứ hai. Chúng ta có thể khách-quan mà hiểu nghĩa đoạn này như sau : tuân-phục chính-quyền là một nghĩa-vụ chứ không phải chỉ là « chuyện nhượng-bộ, một cách xử sự khôn ngoan ». Nhưng tuân-phục Thiên-Chúa quan-trọng và đòi buộc hơn. Quyền của Thiên-Chúa cũng như quyền chính-trị là hai quyền thực-sự, ở vào hai bình-diện khác nhau.

Nếu chúng ta đặt đoạn này vào mạch-lạc chung trong giáo-thuyết của Chúa Yêsu, và dựa vào những diễn-giải của các môn-đồ tiên-khởi của Ngài, thì chúng ta có thể rút ra những kết-luận cụ-thể sau đây.

1. Chúa Yêsu nhìn-nhận chính-quyền có quyền-hành trên lãnh-vực của mình và đòi hỏi các công-dân phải tuân-phục quyền-hành ấy. — Nhưng Ngài không mặc cho quyền-hành này một tính-cách tuyệt-đối, như là do chính Thiên-Chúa trực-tiếp thiết-lập nên. (Nếu không thế, thì Ngài đã chẳng phải đối-lập quyền của Hoàng-đế với quyền của Thiên-Chúa, vì khi đó cả hai chỉ còn là một.)

2. Trong lãnh-vực của mình, chính quyền, cho dù là chính-quyền không chính-thức nhìn nhận Thiên-Chúa đi nữa, cũng vẫn có tầm quan-trọng và hữu-ích của nó, (tổ-chức kinh-tế, trật-tự xã hội, phát-triển công ích...)

3. Khi đặt nghĩa-vụ đối với Thiên-Chúa vào hàng cao-trọng nhất, Chúa

Yêsu đã gián-tiếp giới-hạn quyền-hành chính - trị : quyền - hành này không được phép xâm-phạm đến vinh-quang của Thiên-Chúa, không được cấm-đoán việc tôn thờ và giữ luật Thiên Chúa. Nói tóm, không được xâm-phạm đến quyền-lợi đại-đồng của Thiên-Chúa trên con người.

4. Thực ra, Chúa Yêsu không minh-định giới-hạn và sự tùy-thuộc của quyền chính trị, nhưng qua cách xử-sự của Ngài, Ngài cho ta thấy quyền chính-trị phải tùy thuộc ý-muốn và quyền lực của Thiên-Chúa.

Về cách xử-sự của Ngài, Thánh Luca đã thuật lại một chuyện tiêu-biểu :

Nhằm ngay lúc đó, có những người Biệt-phái đến gặp Ngài và nói : « Ông hãy bỏ đây mà đi, vì Hêrôđê muốn giết ông đó. » Nhưng Ngài bảo họ : « Các ông hãy đi và nói với con cáo ấy rằng : Nay ! ta cứ trừ quỷ cùng hoàn-tất các việc, chữa lành bệnh hoạn, hôm nay và ngày mai, và đến ngày thứ ba tức là đã chu toàn phận ta.. (Lc. 13,31-32)

Hêrôđê Antipas là người theo La-Mã, được quyền La-Mã đặt làm vua miền Galilê, tức là quê hương của Chúa Yêsu. Chắc ông muốn dùng biện pháp bắn tin dọa khéo để đẩy vì tiên-tri ra khỏi miền mình cai-trị . . Nhà vua đã kinh-nghiệm khó có thể tránh được xáo-trộn, một khi tinh-thần tôn giáo bột-phát mạnh. Chúa Yêsu đã từ chối thẳng, vì theo sứ mệnh Ngài đã nhận được từ Thiên-Chúa, Ngài còn phải hành động tại đây một thời-gian nữa.

Trước chính quyền La-Mã, được tượng-trưng trong Philatô, Chúa Yêsu cũng đã công-bố rõ-rệt :

Ông chẳng có quyền gì trên tôi, nếu từ Trên không ban xuống cho. (Yo. 19-11)

Nếu đem so sánh cái chết của Chúa Yêsu với cái chết của Sokratès thì ta càng thấy rõ mối quan-hệ của hai cấp bậc quyền hành : mặc dầu biết mình vô tội, Sokratès đã không trốn chạy, mà vui lòng uống chén độc được đề thọ hình vì không muốn làm cho trật-tự và lệ-luật của Đất nước phải đảo lộn. Còn Chúa Yêsu, Ngài đã chết vì đó là ý muốn của Cha Ngài, Ngài đã chết để vâng-phục và chứng tỏ tình yêu của Ngài với Thiên Chúa, cha Ngài.

Phần II. TRƯỚC TÒA ÁN PHILATÔ hay CHÍNH QUYỀN TRONG NHÃN GIỚI KITÔ GIÁO.

Những người tín-hữu Kitô giáo tiên-khởi coi những người đã âm-mưu thủ-tiêu Chúa Yêsu như những tay sai của một quyền-lực tăm-tối vô-hình. Một sức mạnh mà người Kitô hữu gọi là « *Đầu mục tăm tối, Đầu mục thế-gian* » đã nhập vào bọn người âm-mưu ấy, chi phối và thúc-dẩy họ thủ tiêu Con Thiên-Chúa làm người. Bên ngoài xem ra chính họ chủ mưu, bàn luận và hành-động, nhưng thực ra họ chỉ là tay sai của quyền-lực Tăm Tối. Chính Chúa Yêsu trước khi bị bắt cũng đã nói với các môn đồ Ngài : *Ta không còn nói nhiều nữa cùng các ngươi, vì kìa Đầu-mục thế-gian đến.* (Yo. 14,30). Và khi Ngài bị bắt, Ngài nói với những người đến bắt Ngài : « *Này là giờ của các ông và Tăm Tối được quyền-hành* » (Lc. 22,53)

Thánh-sử Yoan trong đoạn 18 và 19 của Tin Mừng ông viết lại, đã trình-bày

Như thế, Chúa Yêsu đã đặt Thiên Chúa trên chính-quyền theo hai nghĩa : Thiên-chúa có quyền tuyệt-đối đòi hỏi nhiều hơn chính-quyền ; — Thiên-Chúa có quyền ban hoặc cất quyền của một quyền-lực trần-thế.

Đó là lập-trường căn-bản của Ngài. Còn thái-độ phải có trước chính-quyền, và ý-nghĩa của chính-quyền ở trần-gian, cũng như sức tăm-tối luôn rình-rập chính-quyền,... thì việc Ngài ra trước tòa-án Philatô có thể giúp ta lãnh-hội được ý-tưởng của Ngài.

vụ xử-án Chúa Yêsu như gồm có ba nhân vật chính :

- Chúa Yêsu
- Quyền chính-trị (được tượng-trưng trong Philatô, tổng-trấn La-mã)
- Quyền lực Tăm Tối (được tượng-trưng bởi giáo-quyền và một nhóm thủ-lãnh Do-Thái).

Sau khi bắt được Chúa Yêsu, nhóm thủ-lãnh Do-Thái, dưới sự chi-phối của quyền-lực Tăm-Tối, đã nhóm gặp một phiên-họp đặt dưới quyền chủ-tọa của cựu thượng-tể Anna, và đã quyết định xử-tử Ngài. Như thế là họ đã quyết-định hành-động theo quyền Tăm-Tối, làm tượng-trưng cho quyền Tăm-Tối. Rồi họ điệu Ngài đến trước quyền chính trị, đến trước tổng-trấn Philatô, thẩm-quyền tối cao tại miền này. Người Do-Thái đã mặc nhiên nhận quyền sinh-tử của ông trên mọi người. Và vụ kiện bắt đầu.

Màn 1 : QUYỀN CHÍNH-TRỊ CHỐNG LẠI QUYỀN TĂM-TỐI

Đầu tiên Philatô, theo lương-tâm chức nghiệp của mình, đã muốn xử-án nghiêm

minh, và xem ra ông đã chống lại nhóm thủ-lãnh Do-Thái.

Ông hỏi họ : « Các ông tố cáo người này về tội gì ? »

Trước câu hỏi tất nhiên của vị thẩm-phán, đoàn người tố cáo đâm lúng túng, họ trả lời lờ mờ và thách thức : « Nếu tén này không làm gì ác, thì chúng tôi đã không nộp cho ngài rồi ! ». Câu trả lời này thực ra chẳng trả lời gì cả. Philatô hơi bực mình, bảo họ nếu có tội gì thì đem về mà xử theo Luật của họ, ông không hơi đâu nhúng tay vào những chuyện xích mích lằng nhằng của họ . . . Bị đẩy lui, đoàn người tố-cáo đành phải nói toạc ra là họ đã xét xử rồi, đã lên án tử hình rồi, giờ đây họ chỉ muốn dùng đến quyền chính trị của ông để thi hành bản án tử này thôi : « Chúng tôi không có quyền xử ai cả ! »

Philatô đã phản ứng ra sao ? — Ông nhất định không nhượng bộ ngay và muốn điều tra cặn kẽ vụ này. Ông vào phủ-đường hỏi Chúa Yêsu một câu khá bất ngờ : « Ông có phải là vua người Do-Thái không ? »

Nhưng người Do-Thái muốn đứng trên bình-diện chính-trị để tố cáo Yêsu là phản-loạn và Philatô cũng chỉ muốn đứng trên bình diện này để xét xử Ngài. Nhưng Chúa Yêsu đã trả lời bằng một câu hỏi, đẩy Philatô đến chỗ ý thức được địa vị của ông theo chiều sâu : « Tự mình ông, ông nói thế hay đã có ai khác nói với ông về tôi ? »

Trước câu hỏi này, Philatô đã phải thú nhận rằng vai trò thẩm-phán chính-trị trong vụ này, không phải ông tự mình muốn thi-hành, nhưng chính Quyền Tăm Tối đồn ông vào thế phải thi hành : « Há tôi là người Do-Thái hay sao ? Dân-tộc ông cùng các thượng-tể đã nộp ông cho tôi. »

Mặc dầu ý-thức đây là một nghĩa-vụ

cưỡng-bách, Philatô vẫn tiếp-tục điều-tra cặn kẽ « Ông đã làm gì ? » Chúa Yêsu đã trả lời ông với một cung-giọng mang tính cách trang-trọng của một chứng-từ, Ngài nói với ông về con người và sứ mạng sâu-thẳm của Ngài :

« Nước tôi không thuộc thế-gian này.
Nước tôi mà thuộc thế-gian này,
ắt tôi đã có bộ-hạ để nghinh-chiến,
không để tôi bị nộp cho người Do-Thái.
Ấy vậy Nước tôi không thuộc chốn này. »

Hắn Philatô phải ngạc-nhiên trước một câu nói khá mâu-nhiệm ấy. Có khi đây là lần đầu tiên ông nghe nói đến một vương-quyền không bắt nguồn từ trần thế, không thuộc về trần thế, không dùng đến những phương-thế trần-gian để bắt trần gian phải chấp nhận mình. Như thế nghĩa là cạnh quyền tối-thượng của Hoàng-đế, còn có một quyền tối-thượng nữa, ở trên trần-gian này. Và cạnh quyền chính-trị hợp pháp của Philatô, còn có một quyền siêu-việt khác mà bị cáo Yêsu lại tự dành lấy cho mình. Nhưng quyền này không tranh dành gì với quyền trần-thế vì ở một cấp-bậc khác hẳn cấp-bậc trần-thế.

Philatô không chú-trọng gì lắm đến vương-quyền siêu-việt này. Nó có ý-nghĩa gì đâu trong vụ-kiện mà ông phải xét-xử. Ông chỉ muốn đứng trên bình-diện chính-trị thực-tế thôi. Ông cặn-kẽ hỏi lại lần nữa : « Vậy thì ông là vua sao ? Lần này Chúa Yêsu trả lời minh-bạch :

ông nói phải : tôi là vua.
Chính vì lẽ này mà tôi đã sinh ra,
và tôi đến trong thế-gian cũng vì để
làm chứng cho sự thật.
Ai thuộc về sự-thật thì nghe tiếng tôi.

Lời chủ-chốt của vụ-kiện này đã được nói ra : SỰ THẬT. Chúa Yêsu đến để làm chứng cho sự-thật. Sự-thật chính là Tình Yêu, là Quyền-Lực của Thiên-Chúa đến soi sáng và giải-phóng con người khỏi vòng cương-tỏa của Quyền-lực Tăm Tối. Sự-thật đến để con người được sống tự-do, sống xứng-đáng là con người và cũng là con Thiên-Chúa. Và Chúa Yêsu chính là người mang sự-thật ấy đến trong thế-gian. Ngài đã có lần tuyên-bố Ngài là sự-thật. Giờ đây chính Ngài là người mang sự-thật giải-phóng đến cho Philatô, đến cho quyền chính-trị, để quyền chính-trị có thể thắng được quyền Tăm-Tối. Philatô là người mà Ngài trực-tiếp nhắm tới khi ngài nói : «Ai thuộc về sự-thật thì nghe tiếng tôi ».

Ngài muốn nói : Nếu người thừa-hành của quyền chính-trị muốn hoàn-thành sứ mệnh của mình một cách quang-minh chính-trực, thì trước tiên phải đặt mình về phía Sự-Thật và phải quyết-định dõ theo Sự-Thật giải-phóng. Quyền tối-thượng của Sự-Thật còn ở trên cả quyền chính-trị.

Quyền chính-trị có thể tự bảo tồn khi biết tôn trọng Sự-Thật. Quyền chính-trị chỉ có thể tự bảo tồn khi quyết chí chống lại sức mạnh Tăm Tối, không để cho sức mạnh này siết chặt lấy mình và sử dụng mình chống lại Sự-Thật. Quyền chính-trị không phải là quyền có thể làm

đích cho chính mình, tự làm tiêu-chuẩn cho chính mình. Quyền đó không có quyền hy-sinh tất cả, kể cả Sự-Thật, để tự duy-trì. Nhưng chỉ có thể tự tồn nếu biết nhìn-nhận quyền tối-thượng của Sự-Thật, của Thiên-Chúa.

Nhưng Philatô đã tránh né vấn-đề. Ông chẳng thấy Sự-Thật có vai trò đặc biệt gì trong vụ-kiện pha lẫn tôn-giáo với chính-trị này. Vấn đề của ông là phải khôn khéo, phải mánh khéo cư-xử làm sao, để duy trì uy-tín của luật-pháp và bảo tồn địa-vị của ông. Ông buột miệng hỏi lại : «Sự thật là cái gì ?»

Ông muốn đứng trên thực-tế. Ông không muốn bận tâm vì Sự-Thật. Ông không theo cũng không chống Sự-Thật. Ông đứng trung lập. Ông đang cân nhắc đến những sự kiện chính-trị những hậu quả chính-trị của vụ này. Và chỉ nghĩ đến chính-trị thôi.

Có điều là Philatô, cũng như những người kế-tiếp ông trong các chức vụ chính-trị sau này, không nhận ra khi thích thời là Trung lập với Sự-Thật bao giờ cũng đi đến việc gạt bỏ Sự-Thật. Chính quyền chỉ có thể chống lại sức chi phối mãnh liệt của Tăm-Tối khi biết cương-quyết dựa vào Sự-Thật.

L.M. HỒ ĐÌNH

Kỳ tới : Màn II : Quyền chính-trị yếu trước sức tấn công của quyền Tăm-Tối.

Du khách thăm Dalat nên dùng :
áo len đẹp, rẻ, bền, và hợp thời trang

của **TRANG NHÀ**

32, Duy Tân — DALAT

ĐẠI-HỌC

và phát triển quốc-gia

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG

ĐẠI-HỌC VÀ PHÁT-TRIỂN

(Xin xem B.K T.Đ từ số 253)

Cần phải cách mạng, chỉnh đốn lại nền đại học hiện nay; dựa trên mấy nguyên tắc căn bản sau đây.

1.— Đặt đại-học trong kế hoạch phát-triển quốc-gia

Đại học nhằm phục vụ những nhu cầu quốc gia trong một hoàn cảnh xã hội nhất định. Do đó nhu cầu quốc gia sẽ là tiêu chuẩn để bãi bỏ những trường hiện đang có hay mở thêm những trường chưa có, không phải vì tự ái địa phương, tự ái tôn giáo, hay tự ái chế độ.

Biện-pháp :

Lập một bộ đại học. Bộ này có mục đích đề ra kế hoạch đường lối cho tất cả các trường đại học trong nước phù hợp với kế hoạch tổng quát phát triển quốc gia. Đó là cơ quan lãnh đạo tối cao của đại học.

Một cách cụ thể, bộ này sẽ nghiên cứu cấp bách việc chỉnh lý những đại học hiện có (đại học Saigon, và các tỉnh Huế, Cần Thơ, Đà Lạt).

Chẳng hạn cứ xét có nên bỏ các trường Luật, Khoa học, Văn khoa ở Huế, Cần Thơ, Đà Lạt, hay chỉ mở một, hai năm đầu, và thay thế bằng những trường thích hợp với khả năng địa phương và nhu cầu quốc gia hơn.

2.— Thực hiện đầy đủ những vai trò và sứ mệnh của Đại học.

Đại học có ba vai trò :

— đào tạo nhân viên giảng huấn (trung và đại học)

— đào tạo chuyên viên, sửa soạn nghề nghiệp hướng về sản xuất (phát triển kinh tế)

— Phát huy văn hóa, nghiên cứu khoa học.

Và ba sứ mệnh :

— phục vụ một giáo dục cho đa số (enseignement de masse)

— phục vụ một giáo dục cho thiểu số chọn lọc (enseignement d'élite)

— phục vụ một giáo dục thường xuyên (enseignement permanent).

Những vai trò và sứ mệnh trên của đại học qui định việc tổ chức đại học. Ba vai trò đào tạo nhân viên giảng huấn, chuyên viên, phát huy văn hóa qui định ba thứ đại học : đại học sư phạm, đại học bách nghệ, và đại học tổng hợp (gồm các phân khoa cũ, trừ Y, Dược khoa).

Ba sứ mệnh phục vụ xác định ba tính chất căn bản của nền giáo dục đại học :

— 1) Giáo dục đại học không thể là một giáo dục quý phái, dành cho một thiểu số ưu đãi về điều kiện xã hội (con nhà giàu) Đại học phải mở rộng cửa cho

tất cả, không phải một cách hình thức như hiện nay (ai có tú tài đều được vào đại học, không phân biệt giàu nghèo) nhưng trong thực tế, đại học chỉ mở rộng cửa cho một thiểu số có điều kiện vật chất, xã hội. Do đó, đại học cũng phải được dân chủ hóa như trung học, nghĩa là thiết thực tạo điều kiện cho những người không có điều kiện vật chất có thể theo học đại học (con nhà nghèo). Đại học sẽ có tính cách đại chúng, cho đa số, nhưng không phải vì thế mà giảm giá trị đại học vì :

— b) Giáo dục đại học cũng còn nhằm phục vụ cho một thiểu số ưu đãi, không phải về điều kiện xã hội, vật chất, nhưng về điều kiện tinh thần, khả năng trí tuệ. Đại học có bổn phận tìm kiếm và phát huy những thiên tài, những trí tuệ hơn người của đất nước vì quyền lợi quốc gia.

Muốn thế, phải chọn lọc, và sự chọn lọc đó không mâu thuẫn với đòi hỏi dân chủ hóa ở trên.

Một cách cụ thể, đại học cho đa số, (đa số đây không những hiểu về phương diện từng lớp xã hội, mà còn hiểu về phương diện mức độ trí tuệ, nghĩa là cho đa số những khối óc trung bình) là đại học hướng về sửa soạn nghề nghiệp. Đại học chuyên nghiệp, bách khoa phải có khả năng thu nhận nhiều sinh viên và việc học vẫn tương đối dễ.

Còn đại học tổng hợp nhất là ở cấp cuối cùng hướng về nghiên cứu, trừu tượng dành cho những sinh viên có khả năng trí tuệ hơn người. Đại học này sẽ thu nhận ít sinh viên hơn các đại học bách nghệ và việc học hành cũng khó hơn.

Đó là điều trái ngược với hiện tình

của đại học. Đại học các phân khoa quá đông, đại học bách khoa (các trường kỹ thuật chuyên nghiệp) quá ít và việc thi nhập học lại khó khăn hơn vào các phân khoa. Hiện tình đó là một điều không hợp lý. Đại học văn khoa đáng lẽ chỉ nên có độ 500 sinh viên, thì đã có đến hơn một vạn.

Sự lựa chọn gắt gao vào đại tổng hợp là điều hợp lý vì ngành học khó hơn. Ở Liên-sô, chỉ có 1/3 tổng số sinh viên có tú tài được vào các trường đại học tổng hợp (1).

Sự tuyển lựa nhằm phục vụ thiểu số chọn lọc (élite) không những phải được thực hiện theo loại đại học (đại học bách nghệ (đại học bách khoa), đại học tổng hợp) mà còn phải thực hiện ngay trong chính mỗi loại đại học bằng cách chia thời gian học thành những cấp (cycle). Chẳng hạn Đại học Y được, có thể chia thành ba cấp :

Cấp I — độ 2, 3 năm, nhằm đào tạo y sĩ (có thể nhận đông sinh viên)

Cấp II — độ 3, 4 năm, nhằm đào tạo bác sĩ (đã có chọn lọc)

Cấp III — độ 3, 4 năm, nhằm đào tạo giáo sư Y được (đi vào nghiên cứu, giảng dạy).

— c/ Giáo dục đại học sau cùng là một giáo dục thường xuyên.

Việc học không thể chấm dứt sau khi mãn khóa, tốt nghiệp, một bác sĩ, kỹ sư hay giáo sư trung học phải được trau dồi thêm kiến thức sau hai, ba năm phục vụ để theo kịp đà tiến bộ của khoa học tiếp thu kiến thức mới và kỹ thuật

(1) La réforme de l'enseignement supérieur. Bertrand Girod, Le Monde, Selection những số 816, 817, 818 tháng 6-1964.

mới trong nghề ; do đó, đại học phải tổ chức những khóa học sau đại học (session de recyclage) cho những người đã tốt nghiệp.

3. — Đại học dị biệt, liên hệ và linh động.

Vì đại học nhằm thực hiện nhiều mục tiêu khác nhau, nên lẽ lối tổ chức phải dị biệt (différenciation), tránh sự đồng đều, cứng nhắc, ngăn chặn việc phát huy những khả năng, cá tính riêng biệt.

Đại học sẽ dị biệt tổ chức, không những trên phương diện chương trình học (các đại học có thể cùng dạy một môn, nhưng dạy một cách khác nhau, ở mức độ khác nhau, để có thể phát huy khả năng riêng của mỗi trường, và do đó bắt buộc các trường phải thi đua, cạnh tranh phát huy) mà cả trên phương diện điều kiện nhập học, nơi chốn làm việc (débuchés) sau khi tốt nghiệp.

Dị biệt nhưng liên hệ trên phương diện giảng dạy, học vụ. Mỗi môn, mỗi ngành đều có phạm vi riêng của mình và được tổ chức tùy điều kiện, địa phương, khả năng riêng : nhưng các môn, ngành phải liên hệ với nhau để cùng tiến bộ.

Do đó, phải bãi bỏ chế độ chia thành phân khoa theo lẽ lối Pháp, mà chính người Pháp hiện nay cũng đề nghị bỏ (quyết định của hội thảo Caën).

NHỮNG VIỆC LÀM CẤP BÁCH

Trong hoàn cảnh chế độ đại học hiện nay, vấn đề cấp bách nhất là giải tỏa đại học bằng cách thiết lập nhiều trường thuộc đại học bách khoa, và định hướng chỉnh lý lại đại học Y, Dược theo tiêu chuẩn trên.

Dĩ nhiên, việc thiết lập và mở thêm những trường thuộc đại học bách khoa

Hệ thống đại học tương lai sẽ gồm ba đại học :

— Đại học sư phạm

— Đại học bách nghệ (Đại học bách khoa) (hướng về các nghề phục vụ sản xuất) và đại học Y dược.

— Đại học tổng hợp (phối hợp luật, văn khoa, khoa học).

Đại học tổng hợp sẽ gồm hai ngành chính :

— ngành khoa học chính xác (khoa học cũ)

— ngành khoa học nhân văn và xã hội (luật, văn khoa).

Bỏ phân khoa, và thiết lập trong đại học tổng hợp những ban (départements) gồm một số giáo sư cùng dạy một môn, tự họ sẽ quyết định chương trình học và tổ chức việc học.

Việc bãi bỏ phân khoa, tổ chức các ban nhằm xóa bỏ sự phân cách giữa các bộ môn, tuy khác biệt, nhưng liên hệ với nhau.

Linh động. —

Đại học phải được quan niệm theo một kế hoạch chung phù hợp với những đòi hỏi phát triển quốc gia nhưng về điều hành, phải được hoàn toàn tự trị. Tự trị không những trên phương diện tài chính mà cả trên phương diện giảng dạy. Tự trị không phải chỉ ở cấp hội đồng đại học, mà cả ở cấp ban.

gắn liền với kế hoạch Phát triển quốc gia. Tình cảnh chiến tranh và chính trị hỗn loạn hiện nay không thể tạo ra một kế hoạch hay cho phép thực hiện một kế hoạch nào. Đó là nguyên nhân chính của sự bế tắc đại học, vì không thể có một giải pháp hợp lý trong khuôn khổ chế độ đại học hiện nay (với con số quá đông)

Nhưng nếu chưa thực hiện được một cuộc cách mạng triệt-đề đại học ngay tức khắc, ít ra phải tạo điều kiện để sửa soạn cho việc thực hiện trên bằng cách :

1 — Thiết lập một bộ đại học để nghiên cứu toàn thể vấn đề đại học, đề ra kế hoạch hợp lý về đại học.

2 — Bộ đại học đồng thời cũng sẽ xúc tiến thực hiện một cuộc chỉnh lý trong giới giáo chức đại học để chấm dứt những bất công chênh lệch, những lề lối ngăn chặn trong việc tuyển mộ, thăng thưởng; chẳng hạn không chỉ căn cứ vào bằng cấp, vào giá trị đã qua, mà vào giá trị hiện tại của đương sự, vào công trình phục vụ, sáng tạo (một người trẻ có bằng cấp ngoại quốc, về nước, chưa có kinh nghiệm gì, đã có thể nắm giữ vai trò lãnh đạo ngay chỉ vì có bằng cấp cao, trong

khi những người khác ở nhà, không có điều kiện đi, phục vụ hằng 10 năm trời, lại không đáng kể).

Trước khi làm một cách mạng về lối giảng dạy, về tổ chức đại học, có thể làm một chỉnh lý về quy chế giáo chức vì có hợp lý hóa giới giáo chức, mới tạo điều kiện cho những người trẻ tuổi tha thiết ở đại học thi thố khả năng, sáng kiến của mình, bị tê liệt trong chế độ hiện nay.

Chỉ có hai con đường cách mạng đại học: hoặc từ trên xuống, nghĩa là do một chính phủ cách mạng thực sự, hoặc là từ dưới lên, do những người trẻ tuổi, tha thiết ở phía giáo sư hay sinh viên.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

tháng 6-1967

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Giới thiệu sách mới :

« VIETNAM » Les traditions musicales

của TRẦN VĂN KHÊ

nhà xuất bản Buchet / Chastel (1967)



Quyển sách thứ hai của giáo sư Trần văn Khê mới vừa được xuất bản vào mùa xuân năm nay với nhan đề «VIỆT NAM» của loại «những truyền thống

âm nhạc.» (les traditions musicales) dưới sự bảo trợ của Hội-Đồng Quốc-Tế Âm-Nhạc (Conseil International de la Musique).

Xuyên qua bản mục lục, nội dung của quyển sách gồm có ba phần :

Phần thứ nhất với tựa lớn « Âm nhạc Việt Nam là gì » (Qu'est ce que la musique Vietnamienne). (tr. 19-67) với những điểm về chỗ đứng của âm nhạc Việt Nam trong âm nhạc Viễn Đông và Đông Nam Á, khái quát lịch sử âm nhạc Việt Nam và các đặc tính của nó.

Phần thứ nhì : «Những nhạc khí Việt Nam» (Les instruments de musique Vietnamiens) (tr. 73-119). Nhạc khí Việt Nam được xếp ra làm năm loại : 1. nhạc cụ gió (instruments à vent), 2. nhạc cụ dây (instruments à cordes), 3. nhạc

cụ da (instruments à membranes) ; 4. nhạc cụ gõ bằng gỗ và bằng kim khí (instruments à percussion de bois et de métal), 5. nhạc cụ dân gian của dân tộc miền Thượng (instruments populaires des peuples minoritaires).

Phần thứ ba : «Những loại nhạc khác nhau» (Les différents genres musicaux) (tr. 124-209). Tác giả đi từ loại nhã nhạc, lễ nhạc, nhạc thánh phòng, nhạc hát tuồng cho đến nhạc : dân gian.

Trong phần thứ nhất «Âm nhạc Việt Nam là gì ? » (Qu'est ce que la musique Vietnamienne ?), giáo sư Trần văn Khê sắp âm nhạc Việt Nam thuộc đại gia đình âm nhạc theo truyền thống Trung-Quốc gồm các nước Trung-Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Mông Cổ và Việt Nam, vì tất cả năm quốc gia vừa kể trên đều dùng chung một loại nhạc-tự (terminologie musicale), cùng một thứ nhạc-cụ và phương-pháp ký-âm, những thang năm cung không bán cung (échelles pentatoniques anhemitoniques) trong một nhạc-lễ ở triều đình (musique rituelle de Cour) theo kiểu mẫu Trung-Quốc (tr 20).

Nước Việt-Nam nằm giữa hai luồng văn minh Ấn-Độ và Trung Quốc nên chịu ảnh hưởng âm-nhạc của hai xứ này. Ảnh hưởng nhạc Trung-Quốc được thể-

hiện qua nhạc-tự, phương-pháp ký-âm, các loại đàn dây, các thang nhạc (échelles musicales), trong khi ảnh hưởng nhạc Ấn-độ gồm có sự dùng trống *com*, một loại trống giống trống *MRIDANGAM* của Ấn độ miền Nam, sự quan trọng của phần *rao* hay *dào* tùy hứng giống như *Alapa* của nhạc cổ truyền Ấn-độ và sau cùng phương-pháp dạy những công-thức tiết-hệ (formules rythmiques cycliques) (như *ton, táng, cắc, rúp, sậm* vv..) giống như phương pháp *bols* (*dha, dhin, ta, tin, gadigina* vv..) và *thieka* của nhạc Ấn-độ.

Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng sâu đậm của hai luồng nhạc Ấn độ và Trung quốc, dân Việt Nam biết hấp thụ cái hay của nhạc nước ngoài mà biến chế ra thành cái của mình và tự-tạo cho mình một chỗ đứng riêng biệt bằng cách sáng tạo những cây đàn đặc biệt Việt-Nam như đàn độc-huyền khác hẳn với những cây đàn độc-huyền của Trung-quốc (*ichigen-kin* —) của Nhật Bản (*ichigenkin*) của Cao Miên (*sadiou*), của Ấn-độ (*Gopiyantra*) (tr. 21); như cây đàn đáy là sự tổng-hợp của ba cây đàn nguyệt, tỳ bà và đàn tam; như cái sênh-tiền kết hợp một mình nó ba thứ đàn khác nhau: cái *ret ret* (*râcleur*) cái *lục lạc* (*sonnailles*) và *phách* (*cliquettes*).

Đến phần lịch-sử âm-nhạc, tác-giả phác họa sơ qua về nguồn gốc âm nhạc Việt Nam từ thời nguyên-thủy tới nhà Đinh (968-980) trước khi chia lịch-sử âm-nhạc Việt Nam ra làm bốn giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất: (thế kỷ thứ X—thế kỷ XIV). Trong giai đoạn này, nhạc Việt Nam chịu ảnh hưởng của cả Trung Quốc (Đại Nhạc, Tiểu nhạc dưới thời Trần) lẫn Ấn-độ (qua những kỳ xâm lược Chiêm-thành dưới thời Tiền-Lê

(968-1010) và nhà Lý (1010-1200) (1 tr.29) *Giai đoạn thứ nhì* (thế kỷ thứ XV—cuối thế kỷ XVIII) Ảnh hưởng nhạc Trung Quốc rất sâu đậm trong nhạc Việt Nam nhất là từ khi Lương Đăng (1437) dưới thời nhà Hậu Lê phỏng theo mẫu xếp loại nhạc của nhà Minh (1368-1628).

Giai đoạn thứ ba: (đầu thế-kỷ thứ XIX—đầu thế chiến thứ hai 1939) nhạc Việt Nam bắt đầu tìm một lối đi riêng; nhạc thính phòng (musique de divertissement), hát ả đào, hát tuồng, hát bội rất được ưa thích và phổ biến trong quần chúng, đồng thời một luồng nhạc mới tây-phương bắt đầu xuất hiện.

Giai đoạn thứ tư (từ 1945...) Tác giả chỉ cho biết hiện nay nhạc cổ truyền đang đi đến chỗ suy vong, trong khi có những công cuộc tìm cách làm sống lại nhạc cổ Việt Nam. Ngoài ra một loại nhạc theo thể-diệu Tây-Phương rất được phát triển.

Đứng về phương-diện nhạc-ngữ (*langage musical*) tác giả nêu ra những đặc điểm trong nhạc Việt chẳng hạn như nhiều loại thang nhạc 2 cung, 3 cung, 4 cung, và 5 cung khác nhau (*échelles di-tri-tétra-pentatoniques*) (tr. 37) sự quan-hệ của điệu (*mode*) trong âm nhạc bác học (*musique savante*) (tr. 48) sự liên lạc mật thiết giữa sắc-ngữ (*intonation linguistique*) và âm-diệu (*mélodie*) (tr. 57) và sự hiện diện của đa-tiết (*polyrythmie*) (tr. 59) và đa âm (*polyphonie* hay *hétérophonie*) (tr. 62) trong nhạc-lễ, nhạc hát tuồng và nhạc thính-phòng.

Bước sang phần thứ nhì về «nhạc khí Việt Nam» (*Les instruments de musique Vietnamiens*) theo tác-giả, hiện nay trong kho tàng nhạc khí Việt-Nam có 30 cây đàn còn dùng trong nhạc cổ-truyền,

hơn 30 cây được đồng bào miền Thượng xử dụng và hơn 20 cây khác không còn được thông dụng nữa (tr. 71.)

Trong phần chia loại nhạc khí, nhạc học - giả Trần-văn-Khê đã áp dụng phương pháp Âu châu nghĩa là xếp nhạc-cụ theo 4 loại căn bản phỏng theo phương pháp của Curt Sachs (mất 1959) người đi đầu tiên trong phạm vi âm nhạc dân-tộc học. Thời xưa, Việt-Nam bắt chước Trung-quốc chia nhạc cụ ra làm 8 loại :

- 1 — Kim (Biên Chung)
- 2 — Thạch (Biên Khánh)
- 3 — Ty (Đàn tranh, Tỳ bà)
- 4 — Trúc (Sáo)
- 5 — Bào (Sanh hầu)
- 6 — Thờ (Huân)
- 7 — Cách (Trống)
- 8 — Mộc (Chúc, Ngũ)(1)

Trong phần thứ ba về các loại nhạc khác nhau (les différents genres musicaux) (tr. 124-209) tác-giả phân ra làm hai phần rất là rõ-rệt : nhạc bác-học và nhạc dân gian. Nhạc bác-học gồm : nhạc triều đình (musique de cour), nhạc thính phòng (musique de divertissement) và nhạc hát tuồng (musique de théâtre).

Nhạc triều đình rất là phong phú. Dưới thời Lê-thái-Tôn, nhạc triều-đình được định ra làm 8 loại :

- 1 — Giao nhạc
- 2 — Miếu nhạc
- 3 — Ngũ tự nhạc
- 4 — Cửu nhật nguyệt giao trùng nhạc
- 5 — Đại triều nhạc

(1) Nguyễn Đình Lai « Etude sur la musique sino-vietnamienne et les chants populaires du Việt Nam », dans B.S.E.I, bộ mới, t. XXXI, số 1, năm 1956, tr. 13.

- 6 — Thường triều nhạc
- 7 — Đại yến cửu tấu nhạc
- 8 — Cung trung chi nhạc. (tr. 124).

Ngoài ra còn có những đại ban nhạc cụ gồm hơn 40 nhạc công (Đại Nhạc) và những điệu múa như múa văn, múa võ, múa phụng, múa hoa đăng vv... (tr. 134-135).

Nhạc lễ dân gian (musique de cérémonie populaire) bao gồm nhạc đám ma, nhạc Phật-giáo, nhạc Cao-đài, và nhạc đồng bóng (tr. 137).

Loại nhạc thính phòng có ba thể điệu khác nhau tùy theo miền : ở Bắc phần có hát Ả Đào (tr. 146), ở Trung phần có ca Huế (tr 164) và Nam phần có Đàn Tài tử (tr. 168).

Nhạc hát tuồng ở Bắc và hát bội ở Trung và Nam hiện đang đi đến chỗ diệt vong như nhạc : Triều đình Huế. Ngược lại hát chèo ở Bắc phần và hát cải-lương ở Nam phần rất phổ-thông và phát-triển mạnh.

Khi đi đến sang phần nhạc dân gian (musique populaire) tác giả cho chúng ta thấy nước Việt-Nam với hơn 32 triệu dân, gần 65 sắc dân khác nhau, nhạc dân gian nói chung rất dồi dào sức tích về hình thức lẫn nội dung. Ngoài loại nhạc của dân Việt Nam thuộc giống dân Mông Cồ ở đồng bằng, còn có nhạc Thái, Mường, Mán, Mèo, Lolo ở miền Bắc, nhạc Rhadé, Mnong Gar, Sédang, Djarai v.v.. ở thượng du Trung phần và nhạc Chăm.

Riêng về nhạc dân gian của dân Việt Nam ở đồng bằng, tác giả lần lượt trình bày các loại hò, lý (ở Trung, Nam phần) các loại hát hội, hát đối ca (như có lẽ, quan họ, trống quân, ví phường vải, hát

đậm, hát gheo, hát xoan ở Bắc phần), cùng với các loại hát xần, hát chầu văn, hát phù thủy v. v. .

Đến phần kết luận, tác giả có bàn qua ảnh hưởng của nhạc tây-phương trong âm nhạc cải cách hay tân-nhạc và một số tác phẩm soạn cho dương cầm và vĩ cầm hay cho nhạc giao-hưởng. Theo giáo sư Trần-văn-Khê, ông chưa thể khẳng định rằng loại nhạc mới đó sẽ đi tới đâu và hướng đi đó đúng hay sai vì đó chỉ là bước đầu trong việc khai thác tài-nguyên nhạc Việt-Nam.

Sau khi có một cái nhìn toàn thể về nội dung quyển sách, chúng tôi nhận thấy trong tác phẩm này có vài ưu-điểm cần được nêu lên :

Ưu-điểm thứ nhất : tác giả dành một chương để khảo-sát về nhạc dân gian một cách đầy đủ, minh bạch, loại nhạc mà trong quyển luận-án của giáo sư Trần-văn-Khê (1) chúng tôi không thấy đề cập đến. Theo thiên ý của chúng tôi, chỉ có nhạc dân gian mới thật là di-tản quý báu do nhân dân Việt Nam đóng góp một cách dồi dào và liên tục vào kho tàng âm nhạc Việt Nam. Tác giả đã dìu dắt chúng ta đi từ nhạc ru em được nghe từ lúc chúng ta mới lọt lòng mẹ, đến loại nhạc trò chơi (ú tim, chuyền đĩa v.v...). Rồi khi lớn lên giữa đồng ruộng mênh mông, trai gái làm quen nhau trong công việc đồng áng hằng ngày. Những câu hò, câu lý vang dội trong không gian, hay những loại đối ca, quan họ, trống quân, hát ví, hát dặm đều là những cơ-hội tạo ra cho trai gái tổ tình cùng nhau trong khi làm việc hay những khi hội mùa, lễ đám. Đến khi đau ốm, cũng có nhạc phụ giúp (chầu văn, hầu văn, rối bóng) và đến khi lễ trần cũng có nhạc đưa đám tiễn

chúng ta đến mộ huyết (hò đưa linh).

Ưu-điểm thứ hai là phần giới thiệu những nhạc cụ của anh em miền Thượng ở Việt Nam cùng với các nhạc cụ dân gian Việt Nam (tr. 111-120). Từ trước đến nay chưa có quyển sách nào đề cập hay phân loại nhạc của anh em miền Thượng một cách khoa học — Phạm-phúc-Minh ở Bắc phần có thử làm công việc đó (2), những học-giả Pháp như Georges Condominas (Giọt-giờ Công-đô-mi-ná-xơ) về dân Mnong Gar (3), Cha Jacques Dournes (Giắc-cờ Đuột-nờ) về Djarai, Sédang (4), Pierre Huard (Pi-e-rơ Uy-a) về các nhạc khí của nhạc dân Mnong Maa. (5) chỉ nói một cách tổng quát những nhạc cụ có trong vùng họ nghiên cứu chứ chưa có ai nghiên cứu toàn diện tất cả các nhạc khí của anh em miền Thượng ở Việt-Nam. Đó là việc làm trong tương lai cần phải khai thác triệt để. Tác giả đã đặt viên gạch đầu tiên cho việc sắp loại, bổn phận của người đi sau sẽ theo đó mà tiếp tục.

Ưu-điểm thứ ba. Có 30 hình ảnh in rất đẹp. Một số lớn nhạc khí còn dùng

(1) — Trần văn Khê « *La Musique traditionnelle vietnamienne* » (Annales du Musée Guimet t. LXVI P.U.F. Paris, 1962, 384 trang.

(2) — Phạm phúc Minh « *Tìm hiểu dân ca dân gian Việt Nam* », Hà Nội 1960, 48 trang.

(3) Georges Condominas : *Nous avons mangé la forêt* » (Chúng ta đã ăn rừng), nhà xuất bản Mercure de France Paris, 1957, 491 trang.

(4) — Jacques Dournes « *La musique chez les Jôrai* », revue « Objets et Mondes » tome V fasc. 4. Mùa Đông 1965 trang 211-244.

(5) — Pierre Huard « *Les Instruments de Musique chez les Mnong Maa* » Institut indochinois pour l'étude de l'homme, t. II fasc 1-1931.

hơn 30 cây được đồng bào miền Thượng xử dụng và hơn 20 cây khác không còn được thông dụng nữa (tr. 71.)

Trong phần chia loại nhạc khí, nhạc học - giả Trần-văn-Khê đã áp dụng phương pháp Âu châu nghĩa là xếp nhạc-cụ theo 4 loại căn bản phỏng theo phương pháp của Curt Sachs (mất 1959) người đi đầu tiên trong phạm vi âm nhạc dân-tộc học. Thời xưa, Việt-Nam bắt chước Trung-quốc chia nhạc cụ ra làm 8 loại :

- 1 — Kim (Biên Chung)
- 2 — Thạch (Biên Khánh)
- 3 — Ty (Đàn tranh, Tỳ bà)
- 4 — Trúc (Sáo)
- 5 — Bào (Sanh hầu)
- 6 — Thồ (Huân)
- 7 — Cách (Trống)
- 8 — Mộc (Chức, Ngũ) (1)

Trong phần thứ ba về các loại nhạc khác nhau (les différents genres musicaux) (tr. 124-209) tác-giả phân ra làm hai phần rất là rõ-rệt : nhạc bác-học và nhạc dân gian. Nhạc bác-học gồm : nhạc triều đình (musique de cour), nhạc thính phòng (musique de divertissement) và nhạc hát tuồng (musique de théâtre).

Nhạc triều đình rất là phong phú. Dưới thời Lê-thái-Tôn, nhạc triều-đình được định ra làm 8 loại :

- 1 - Giao nhạc
- 2 - Miếu nhạc
- 3 - Ngũ tự nhạc
- 4 - Cửu nhật nguyệt giao trùng nhạc
- 5 - Đại triều nhạc

(1) Nguyễn Đình Lai "Etude sur la musique sino-vietnamienne et les chants populaires du Viet Nam", dans B.S.E.I, bộ mới, t. XXXI, số 1, năm 1956, tr. 13.

- 6 — Thường triều nhạc
- 7 — Đại yến cửu tấu nhạc
- 8 — Cung trung chi nhạc. (tr. 124).

Ngoài ra còn có những đại ban nhạc cụ gồm hơn 40 nhạc công (Đại Nhạc) và những điệu múa như múa văn, múa võ, múa phụng, múa hoa đăng vv... (tr. 134-135).

Nhạc lễ dân gian (musique de cérémonie populaire) bao gồm nhạc đám ma, nhạc Phật-giáo, nhạc Cao-đài, và nhạc đồng bóng (tr. 137).

Loại nhạc thính phòng có ba thể điệu khác nhau tùy theo miền : ở Bắc phần có hát *Ả Đào* (tr. 146), ở Trung phần có ca *Huế* (tr. 164) và Nam phần có *Đàn Tài tử* (tr. 168).

Nhạc hát tuồng ở Bắc và hát bội ở Trung và Nam hiện đang đi đến chỗ diệt vong như nhạc : Triều đình Huế. Ngược lại hát chèo ở Bắc phần và hát cải-lương ở Nam phần rất phổ-thông và phát-triển mạnh.

Khi điềm sang phần nhạc dân gian (musique populaire) tác giả cho chúng ta thấy nước Việt-Nam với hơn 32 triệu dân, gần 65 sắc dân khác nhau, nhạc dân gian nói chung rất dồi dào sức tích về hình thức lẫn nội dung. Ngoài loại nhạc của dân Việt Nam thuộc giống dân Mông Cồ ở đồng bằng, còn có nhạc Thái, Mường, Mán, Mèo, Lolo ở miền Bắc, nhạc Rhadé, Mnong Gar, Sédang, Djarai v.v.. ở thượng du Trung phần và nhạc Chăm.

Riêng về nhạc dân gian của dân Việt Nam ở đồng bằng, tác giả lần lượt trình bày các loại hò, lý (ở Trung, Nam phần) các loại hát hội, hát đối ca (như có lẽ, quan họ, trống quân, ví phường vải, hát

đậm, hát gheo, hát xoan ở Bắc phần), cùng với các loại hát xần, hát chầu văn, hát phù thủy v. v. .

Đến phần kết luận, tác giả có bàn qua ảnh hưởng của nhạc tây-phương trong âm nhạc cải cách hay tân-nhạc và một số tác phẩm soạn cho dương cầm và vi cầm hay cho nhạc giao-hưởng. Theo giáo sư Trần-văn-Khê, ông chưa thể khẳng định rằng loại nhạc mới đó sẽ đi tới đâu và hướng đi đó đúng hay sai vì đó chỉ là bước đầu trong việc khai thác tài-nguyên nhạc Việt-Nam.

Sau khi có một cái nhìn toàn thể về nội dung quyển sách, chúng tôi nhận thấy trong tác phẩm này có vài ưu-điểm cần được nêu lên :

Ưu-điểm thứ nhất : tác giả dành một chương để khảo-sát về nhạc dân gian một cách đầy đủ, minh bạch, loại nhạc mà trong quyển luận-án của giáo sư Trần-văn-Khê (1) chúng tôi không thấy đề cập đến. Theo thiện ý của chúng tôi, chỉ có nhạc dân gian mới thật là di-tản quý báu do nhân dân Việt Nam đóng góp một cách dồi dào và liên tục vào kho tàng âm nhạc Việt Nam. Tác giả đã dìu dắt chúng ta đi từ nhạc ru em được nghe từ lúc chúng ta mới lọt lòng mẹ, đến loại nhạc trò chơi (ú tim, chuyền đĩa v.v...). Rồi khi lớn lên giữa đồng ruộng mênh mông, trai gái làm quen nhau trong công việc đồng áng hằng ngày. Những câu hò, câu lý vang dội trong không gian, hay những loại đối ca, quan họ, trống quân, hát ví, hát dặm đều là những cơ-hội tạo ra cho trai gái tổ tình cùng nhau trong khi làm việc hay những khi hội mùa, lễ đám. Đến khi đau ốm, cũng có nhạc phụ giúp (chầu văn, hầu văn, rỗi bóng) và đến khi lìa trần cũng có nhạc đưa đám tiễn

chúng ta đến mộ huyết (hò đưa linh).

Ưu-điểm thứ hai là phần giới thiệu những nhạc cụ của anh em miền Thượng ở Việt Nam cùng với các nhạc cụ dân gian Việt Nam (tr. 111-120). Từ trước đến nay chưa có quyển sách nào đề cập hay phân loại nhạc của anh em miền Thượng một cách khoa học — Phạm-phúc-Minh ở Bắc phần có thử làm công việc đó (2), những học-giả Pháp như Georges Condominas (Giọt-giờ Công-đô-mi-ná-xô) về dân Mnong Gar (3), Cha Jacques Dournes (Giắc-cờ Đuột-nờ) về Djarai, Sédang (4), Pierre Huard (Pi-e-rơ Uy-a) về các nhạc khí của nhạc dân Mnong Maa. (5) chỉ nói một cách tổng quát những nhạc cụ có trong vùng họ nghiên cứu chứ chưa có ai nghiên cứu toàn diện tất cả các nhạc khí của anh em miền Thượng ở Việt-Nam. Đó là việc làm trong tương lai cần phải khai thác triệt để. Tác giả đã đặt viên gạch đầu tiên cho việc sắp loại, bổn phận của người đi sau sẽ theo đó mà tiếp tục.

Ưu-điểm thứ ba. Có 30 hình ảnh in rất đẹp. Một số lớn nhạc khí còn dùng

(1) — Trần văn Khê « *La Musique traditionnelle vietnamienne* » (Annales du Musée Guimet t. LXVI P.U.F. Paris, 1962, 384 trang.

(2) — Phạm phúc Minh « *Tìm hiểu dân ca dân gian Việt Nam* », Hà Nội 1960, 48 trang.

(3) Georges Condominas : *Nous avons mangé la forêt* » (Chúng ta đã ăn rừng), nhà xuất bản Mercure de France Paris, 1957, 491 trang.

(4) — Jacques Dournes « *La musique chez les Jôsaï*, revue « Objets et Mondes » tome V fasc. 4. Mùa Đông 1965 trang 211-244.

(5) — Pierre Huard « *Les Instruments de Musique chez les Mnong Maa* » Institut indochinois pour l'étude de l'homme, t. II fasc 1-1931.

hiện nay được trình bày rất mỹ thuật và các lối ký âm pháp Việt Nam cũng được chụp lại tỉ mỉ giúp chúng ta có một ý niệm về sự biến chuyển của ký âm Việt-Nam từ thế kỷ thứ 19 tới nay.

Ưu điểm thứ tư : Một số giai thoại về nhạc được tác giả khai thác, chẳng hạn như truyện vợ Trương-Viên lóc thối nuôi mẹ chồng và được bà tiên tặng cho cây đàn độc huyền để sinh nhai trên đường đi tìm chồng (tr 82); như truyện thuyết về cây đàn tranh (tr 85-86) ; như giai thoại Đinh Lễ và cây đàn đáy (tr. 92-93) hấp dẫn người đọc hơn lên mà không làm giảm tính cách nghiên-cứu của nó.

Có ưu điểm, dĩ nhiên cũng có khuyết điểm. Chúng tôi thấy thiếu phần hình vẽ kèm bên cạnh mỗi đoạn tả một nhạc-khí. Hình vẽ giúp rất nhiều trong sự tìm hiểu nhạc khí. Có hình vẽ, người đọc mới biết rõ hình dung của cây đàn ra sao và giúp người nhớ nhiều hơn. Phần hình vẽ ít ra cũng như trong quyển luận án của giáo sư Trần văn Khê được xuất-bản vào năm 1962.

Giáo sư Trần văn Khê là người đầu tiên đã đưa nền nhạc Việt-Nam lên ngang hàng nhạc quốc tế, đã và đang

đem tiếng nói của giáo sư làm cho các nhạc-học-giả trên thế-giới phải khâm phục nhạc Việt-Nam. Công trình của giáo sư rất vĩ đại cho công cuộc gầy dựng lại nhạc cổ truyền Việt-Nam. Từ bấy lâu nay chúng tôi thường tự hỏi bao giờ nước Việt Nam mới có một quyển sách đầy đủ chi tiết về nhạc Việt-Nam bằng tiếng Việt. Hiện nay theo sự hiểu biết của chúng tôi, chưa ai có đủ khả năng và học rộng về nhạc và hiểu thấu đáo nhạc Việt Nam bằng giáo sư để đảm lo phần dịch quyển sách ấy ra tiếng Việt. Chúng tôi mong rằng sau khi đọc bài này xong, giáo sư Trần Văn Khê sẽ nghĩ tới việc viết ra một quyển về nhạc Việt cho người Việt đọc hay ít nữa cũng phiên dịch quyển sách « VIỆT NAM » này ra Việt ngữ để cho đa số con Lạc cháu Hồng có dịp đọc đến mà thức tỉnh, nhớ lại rằng nhạc cổ truyền Việt Nam không phải nghèo nàn lắm đâu và không phải chỉ có «bò xự xang xê cồng» thôi đâu, như giáo sư đã có lần kể cho chúng tôi nghe trong một buổi nói chuyện về nhạc Việt Nam ở Balê.

Ba-lê ngày 8-5-1967

NHÓM NGHIÊN CỨU ÂM
NHẠC BALÊ

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường

ALGAN

KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

KN số 2080-BYT/QGDP

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B P. N° 122



SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Centra
HONG KONG

Téléphones : 54 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique «Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

TRUYỆN DÀI

VÕ HỒNG

GIÓ CUỐN

3 | Mùa Thu năm đó tôi sinh cháu Phước. Thuyền lật đặt chạy đi hỏi thầy bói thầy số về cung mạng của cháu. Thôi thì cả ngày anh cứ loay hoay đoán, diễn, dịch. Anh chép trong một tờ giấy những đoạn thiên-cơ nói về cháu và cứ lò ra cất vào. Khi tôi hơi khỏe thì anh bắt tôi tham-gia ý-kiến.

— Con mình nó sinh như vậy là năm Giáp Thìn, mạng Phúc đăng hỏa. Số của nó sách ghi rằng :

Đoán xem số mạng như là

Giáp Thìn mạng Hỏa số ta như vậy

Anh đọc một đoạn dài. Tôi hết muốn lưu-ý nghe. Có cái gì xác-thực trong những lời tiên-tri đó không ? Thuyền to giọng bắt tôi chú ý :

— Hào tài ta khó giữ xong

Tay làm ra của chịu vòng tồn hao.

Như vậy là thằng này không làm giàu nổi. Nhưng sao ở đoạn dưới Thánh lại dạy :

Ránh rang số đặng hưởng phần

Ít khi khờ cực tẩm thân đó là.

— Tôi nói :

— Như vậy là số nó sướng. Có chỗ nào đó nói rằng nó làm quan mà.

— Ừ. Câu này :

Hoặc là quan chức cũng nên

Nó có thể làm quan chức. Nhưng «hào tài» mà không giữ xong thì coi như vất đi. Vả lại khi tìm cốt thì nó lại nhắm cốt khỉ.

— Nó tuổi Thìn là con rồng chứ sao lại con khỉ ?

— Ừ thì tuổi Thìn con rồng nhưng mà nó là cốt khỉ. Cốt khỉ thì «người khó cầm của».

Mặt Thuyền ngó đăm đăm. Anh có thể tin ở những lời mơ-hồ thế sao ? Tôi nói :

— Nếu số mạng được giải đơn-giản như vậy, nếu tất cả mọi người sinh cùng một năm đều chung chịu một vận-mệnh ghi trong một trang giấy thì ta sẽ có những phát-giác ngộ nghĩnh. Chẳng hạn : lớp học sinh đệ Ngũ toàn quốc năm nay sẽ chẳng ra chi. Lớp đệ Tứ : giàu. Lớp đệ Tam : thuở nhỏ hay đau vặt. Lớp sĩ-quan Thủ-đức khóa 24 đều thăng lên cấp Tướng hết vì có Thái-dương chiếu mệnh Long-thần độ mạng.

Thuyền trừng mắt đăm đăm nhìn tôi.

Số Phúc nó khờ. Sinh được ba tháng thì sữa khan. Mua thể tiếp tế thì hàng tháng mới được 6 hộp mà hộp nào cũ-g đặc quánh lại nặn không ra. Phải lấy đũa mà ngoáy. Nhìn lên hộp sữa thì biết là sữa cũ. Đã nửa năm 65 mà phải uống sữa Đệ-nhị tam-cá-nguyệt năm 64. Ở các hiệu tạp hóa có sữa đệ-tứ tam-cá-nguyệt 64 nhưng phải mua giá chợ đen, bốn mươi đồng một hộp. Người ta nghi ngờ những cơ quan tiếp-tế. Phần-vật xấu thì đem ra phân phối bắt mua còn phẩm vật tốt thì tuồn bằng ngả sau ra các tiệm. Có lẽ ở những nước văn minh sữa cũ như thế đó đã bị phế thải, bị ném xuống bể hay chôn xuống đất. Trong những năm tháng khó khăn này, đồng b'ò ta chuyên môn hưởng thụ những phẩm-vật phế-thải. Đồ hộp cũ do nhà binh Mỹ đem vứt đi ở đồng rác đều bị moi lên đem bày bán ở các sạp. Trước lá Pall Pall đề quá ngày bị mốc bị đem vứt đi nhưng cuối cùng lại được nhặt lên đem bán cho người tiêu thụ. Tôi phải cho Phúc bú dặm.

Chị Oanh đến chơi thấy tôi vạch vú cho con bú thì la oái lên như vừa giẫm phải con thằn lằn :

— Mày muốn tự tử hả ? Mày cho con bú kiểu đó thì sinh chừng hai đứa con, vú mày sẽ dài như hai trái mướp.

Tôi cười :

— Thành mướp cũng được. Con mình sinh, m'ni cho bú là lẽ thường.

— Đó là lý-luận của bà cụ nhà quê. Mày mới hăm lăm tuổi. Mày muốn bắt chước mấy bà Hương bà Lý ngồi nói chuyện với khách mà con cứ việc kéo vú ra sau lưng ngồi nút hoặc ngồi nhá chơi. Thằng Thuyền nó sẽ bỏ mày đi mê gái.

Tôi biết chị Oanh nói có lý nhưng vật giá đang cao vùn vụt và tôi đang phải đối phó với những vấn đề rắc rối quan trọng khác. Chiến tranh lan rộng. Hai-cơ Mỹ thả bom ở ngoài Bắc. Đường ô-tô vận-tải từ Saigon ra miền Trung bị cắt ở chặ g Phan Thiết, xe phải chạy vòng ngả Di linh, Đơn-dương. Chạy yên được mười ngày thì đường bị phá. Giá gạo tăng. Giá thịt tăng. Con nhỏ ở nuôi đề đỡ tay chân, tôi phải trả về cho cha mẹ nó. Tôi phải tự tay làm bếp, giặt giũ và nuôi con. Đi chợ thì nhờ bác Tư gái. Tôi lao碌, bỏ ăn mất ngủ. Gầy đi trông thấy. Đáng lẽ

Thuyên an-ủi và giúp đỡ tài, đàng này không, anh đi làm về mặt làm lì và mó đến cái gì cũng có thể nổi xung quát tháo lên được. Người đàn ông thật ích kỷ và bất công. Cứ nghĩ rằng cái khổ là do vợ mình đem tới. Đánh rằng tôi không làm ra tiền nhưng sự thiếu thốn không phải do sáng kiến của tôi. Thỉnh thoảng anh cũng có nhận lỗi nhưng mà quát tháo và nhận lỗi không phải là phương pháp tốt để làm cho cuộc sống êm đềm hơn.

Từ hồi chính-phủ ông Nguyễn Khánh rục-rịch tăng lương cho binh-sĩ và cho công chức thì vật giá đã nhanh chân nhảy vọt lên, cao hơn, và ngồi đó chờ chờ. Thấy chính-phủ chịu thua, nó leo thang thật nhanh như một sự đua bôn, một sự thách-thức. Một cuộc xích-lô vừa mới năm đồng, trong hai ngày đã vọt lên hai mươi đồng rồi ba mươi đồng. Thịt lợn từ tám mươi đồng một lý, nhảy lên hai trăm rưỡi, rồi ba trăm. Một con gà bảy mươi đồng nay biến thành hai trăm tám chục. Thợ nề, thợ mộc, thợ điện nhào vô làm ở sở Mỹ. Công thợ từ bảy mươi đồng lên đến trăm rưỡi rồi ba trăm rồi ba trăm rưỡi. Nhiều người không có nghề chuyên môn cũng cứ khai đại là thợ mộc để xin làm sở Mỹ. Cứ cầm một cái búa và một lon đinh rồi thì tha hồ mà đóng, hễ thấy cai Mỹ xếp Mỹ đi ngang qua là cứ đinh đó búa đó, đóng vung xuống. Đóng xong rồi nhờ. Đang học nghề sửa xe đạp, bằng Kiệt biến thành thợ sơn. Cai Diên đang bị thất nghiệp vì làm đầu hư đó xây đầu sập đó, vụt nhiên được giao phó cho coi công trường. Tha hồ cho ông tuyền-mộ thợ. Xây một bức tường mà cứ cách hai thước là có một người thợ đứng. Chỉ lo tránh nhau đã đủ hết giờ. Tuyền nhiều thợ, ăn tiền đầu đã đủ khá rồi, cần gì đến lương nữa. Người ta đồ xô làm nhà cho Mỹ mượn. Giá sắt từ tám đồng một ký nhảy lên mười đồng rồi mười hai, mười sáu, mười tám, hai mươi. Giá bán xi-măng chính thức là chín mươi đồng một bao, lần lượt nhờ chợ đen mà leo lên một trăm rưỡi, ba trăm, bốn trăm rưỡi, năm trăm. Báo chí đăng tin xi-măng sẽ được bán tự-do với giá chính thức. Nhưng người khôn ngoan giàu kinh nghiệm không ai tin ở báo chí. Càng nghe báo rao "sẽ hạ giá... sẽ buôn bán tự do, không hạn chế..." họ càng tích-trữ mạnh hơn. Quả đúng là những nhà tiên tri. Sau một năm bố cáo lạc quan như vậy, giá xi măng leo lên năm trăm rưỡi.

Bác Tư đạp xích-lô có ngày được cả nghìn bạc. Bác nói :

— Gặp tụi lính Mỹ trẻ tuổi mới qua thì có đường. Nó đi một cuộc có khi đưa cả tờ giấy trăm. Còn tụi lính Mỹ ở đây lâu thì kẻo chịu hết nổi. Đi lâu mau gì cũng đưa tờ hai chục, kéo nài nó nhiều khi bị nó đánh.

Ban đêm bác dắt gái cho Mỹ hay dắt Mỹ về động. Cứ mỗi vụ như vậy kiếm sơ sơ được trăm bạc hay bảy, tám chục. Khách hàng người Việt bị xích-lô chê. Hôm nào đói, Mỹ bị cấm trại thì còn chịu lai rai đạp chơi, gặp chiều thứ Bảy, ngày Chủ-nhật thì xin miễn. Xích lô để dành cho Mỹ và mẹ Mỹ.

Thằng Lâu và con Cháu mặc quần áo lạnh lặn tử tế. Thằng Lâu hay phì phà thuốc lá có đầu lọc, Salem hay Kent hay Marlboro gì đó. Nơi thùng rác của bác tôi đọc thấy những tên hiệu thuốc lá Mỹ in rõ to.

Bác Tư mặt đỏ cả ngày. Cứ chạy đúng buổi thì «làm» một chai la-de đá lạnh. Ba mươi lăm đồng. Tội gì không uống. Chỉ đáng một cốc xe. Mấy năm bị kẹt ở vùng kháng-chiến, nghe nói la-de mỗi chai mười nghìn đồng tín phiếu. Bác sĩ khuyên bệnh nhân nhà giàu tìm mua để uống phụ với thuốc bổ. Bây giờ thì la-de ngang tầm túi của xích lô. Tội gì mà không uống.

Năm 1963 xảy ra nạn lụt lớn ở miền Trung, nghe đồn ở Đà-nẵng la-de đến 40 đồng một chai, chuối 45 đồng một nải, trứng vịt mười đồng một trứng. Minh le lười than rằng : Chết ! Chết ! Nếu ở đây mà vật giá cũng cao như vậy thì mình chắc chết. Bây giờ thì vật giá ở đây cũng đã cao tương đương. Nhưng mà mình vẫn sống được. Lạ chưa ! Sống thoi thóp cũng là sống, giật gấu vá vai cũng là sống. Hạn chế xi-xê, cà-phê, hạn-chế thịt bò, trứng và gia-tăng rau muống, đủ đủ lược trong bữa ăn. Làm quen với cá cơm và cá nục. Đừng chê là cá nục ăn nhiệt, hay sinh kiết lỵ. Bắt liên lạc với mắm, dưa. Hôm tháng Năm đi Saigon, anh Định vừa gặp mặt đã vồ lấy, hỏi.

— Ở cái thành phố của mày sao mà vật giá đắt đến thế ? Cái gì cũng đắt gấp ruồi, gấp đôi ở đây. Mày làm thế nào mà sống được ở một nơi như vậy ? Tao tưởng không có hy-vọng nhìn mày lành lặn mà về đây.

Ừ nhỉ, sao tôi có thể sống nguyên lành với một cuộc sống đắt đỏ đường ấy ? Đáng lẽ tôi chỉ còn giữ lại được một nửa cái tai, một nửa cái mũi, một nửa thân thể của tôi mà thôi. Bởi vì tôi chỉ ăn được một nửa số lương thực so với ngày trước.

Sau tám chín tháng làm ăn an ổn vui vẻ, bên nhà bác Tư hay có chuyện cãi nhau. Đánh nhau, la làng, nằm vạ nữa. Bác gái bị vêu môi, u trán ngồi khóc bù lu bù loa ở ngưỡng cửa :

— Bây chừ không chịu đạp xe nữa. Cứ ngày mô cũng tùm năm tùm bảy đánh xóc đĩa và đánh xì tố. Xê đem cho người ta mượn lại. Bữa mô cũng thua về nhà còn đánh vợ đánh con. Trời ơi rằng mà số tui khổ mần rì.

Hôm trước tôi nghe mấy người học trò đệ Nhất tối tối mượn lại xích-lô để đạp lấy tiền ăn học. Cứ mỗi tháng đạp xe chừng bốn đêm là đã có đủ tiền trả tiền trọ. Anh nào không đủ sức đạp xe thì đưa báo tháng hoặc đi dạy kèm cho con người ta. Nếu có sức thì đạp xe vẫn hơn vì ít tốn thì giờ hơn đi kèm trẻ. Bây giờ tôi mới rõ ra là những học sinh mượn xe của mấy tay máu mê cờ bạc này. Ở cạnh mấy hiệu buôn gỗ, thỉnh thoảng tôi thấy tập trung rất nhiều xe ba-gác để không. Phu xe thì biệt đầu mất tìm không ra. Bây giờ thì tôi hiểu rồi : chắc chắn là họ đang quây quần ở một sòng bạc nào gần đó.

Làm được nhiều tiền, ban đầu là một cái thích, nhưng thu tiền mãi người ta cũng đâm nhàm đi. Phải tìm thú vui trong những cuộc tiêu pha. Phải tìm cảm giác mạnh trong sòng bạc. Tôi muốn bảo Thuyên : « Vì kiếm được nhiều tiền nên bác Tư mới sinh hư đi đấy ». Nhưng tôi nghĩ : có nói cũng vô ích. Vả lại, không

phải chỉ vì nhiều tiền người ta mới hư, mà càng có ít tiền, càng bị thiếu tiền người ta càng dễ hư thêm.

Một tối kia, vào chạng chín giờ, bỗng có tiếng còi tu-huýt thối vang và tiếng chân người chạy rầm rập. Tiếng người la ới ới : « Nó kia. Nó chạy kia ».

— Cái gì đó ? Sao vậy ?

— Móc túi. Thằng nhỏ móc túi.

Cồng ngõ nhà tôi mở đánh kẹ. Có tiếng rọ rạy sau bếp. Tôi bước ra sân. Những người hiếu kỳ vừa rảo bước vừa chỉ trỏ. Họ đi quá căn nhà tôi. Tôi bước vào nhà bếp. Thằng Lâu đang bình thần ngồi hút thuốc. Tôi hỏi :

— Cảnh sát vừa rượt ai đó ?

— Tụi nó rượt em đó, cô.

Tôi ngạc nhiên.

— Sao vậy ?

— Em móc túi thằng lính Mỹ ở ngoài Bar MaiLy bị tụi nó thấy.

Lâu giảng cho tôi nghe cách móc túi của tụi nó.

— Phải một đứa đi trước mặt thằng Mỹ sấn lại giơ tay xin tiền hoặc mời mua báo, mời đánh giày còn đứa đi sau thì thò tay vào túi kéo ví tiền ra. Bữa nào đi lẻ loi thì kiếm tiền cách khác : Xe đạp nó gác ở trước tiệm ăn, mình cứ a lại đứng giữ.

— Nó không nhờ mình giữ mà ?

— Mặc kệ cha nó. Cứ ôm chầm lấy xe đứng đó. Khi nó ăn xong nó muốn lấy xe thì nó phải nộp cho mình đủ năm tỉ, mười tỉ mình mới cho lấy. Tụi nó giàu quá mà, cô. Một thằng lính lương cả bảy, tám chục ngàn một tháng, ăn tiêu chỉ hết.

— Nó phải gởi tiền về xứ nuôi vợ con nó.

— Thây kệ nó. Miễn mình móc túi nó được đồng nào hay đồng nấy. Cháu mới móc túi mấy bữa nay thôi. Mới tập nên chưa thạo, thành ra tụi nó bắt được. Mấy bữa trước thì cháu chỉ đi xin. Cứ gặp thằng nào mình cũng sà theo mà nói « Ghi mi ten pít ».

— Nó có thường cho không ?

— Đứa có đứa không. Cứ đeo mãi rồi thì thế nào cũng có. Có đứa đưa tờ trăm đồng bảo thối lại. Mình cầm tờ giấy đi đổi rồi chạy luôn.

— Như vậy thì mỗi ngày kiếm được nhiều tiền lắm ?

— Vài ba trăm. Có dắt gái cho nó thì khá hơn. Dắt nó về động thì chủ chứa cho mình hai chục đồng. Nó cho mình bốn, năm chục. Thằng nào lẹ tay kẹ được

bút máy Parker, đồng hồ vàng thì khá. Nhưng mà Thiên trả Địa, làm có bao nhiêu lo ăn hút cho cho hết.

— Mấy em còn nhỏ đã biết ăn hút gì?

Lâu phì cười :

— Ăn hút một cây. Bốn, năm đứa rủ nhau vô cao lâu chẳng biết kêu món gì, chẳng biết món gì ngon mà kêu. Thôi, cứ việc lựa món đắt tiền kêu đại. La-ve 33 mỗi đứa mỗi chai. Đủ mẹ, thằng Chút Lé lai rai một mình tới bốn chai 33 là thường...

Nó ngừng nói, nhờ một bãi nước bọt. Rồi gãi sồn sột vào hai ống chân.

— Salem hút thả cửa, chưa hết điều này lo mỗi điều khác. Bữa nào chơi khuya thì kêu trứng vịt lộn. Mười hai đồng một trứng, mình cứ mần sơ sơ năm trứng rồi về ngủ.

Tôi lặng yên đứng nhón Lâu. Đêm tối làm tôi không thấy rõ hình dáng nó mà chỉ thấy đốm lửa ở đầu điều thuốc cứ đều đều đặn lóe đỏ lên. Càng nghe nó kể chuyện ăn chơi, tôi càng có cảm tưởng là thân nó nhỏ lắm, bé quắt lại trong bóng tối âm u của căn nhà bếp. Như một loài chuột, chuột nhắt, đang tung tăng hoành hành trong cái chỗ bếp tối tăm, trong cái đồng rác đồ sộ xa cách bóng người.

— Tuần trước lũ Ó Đen ở Bến Xe mới thịt được một thằng Mỹ. Thằng này đầu chừng mười tám tuổi, ốm nhách mà cao lều nghều như cây tre làng. Uống rượu say, đi ngã đi nghiêng ngoài đường thì thằng Sáu Đẹt gặp được. Lập-tức dụ cậu ta về động. Cứ việc : Cycle-girl, năm-bơ-oan, Cyclo-girl, năm-bơ Oan. Cây tre làng ngất nghều theo Sáu Đẹt tới xóm Dương thì bị Ó úa ra cả bầy. Thịt. Ngon lành. Cây tre làng ngã lã kệnh nằm suốt từ bờ rào bên này sang giáp bờ rào bên kia. Tại Ó móc lấy gương, bút máy, gỡ đồng hồ và móc túi lấy ví.

— Mấy hôm qua không thấy em đi học nữa ?

— Khỏi. Thằng con bà Bar Thúy Vân, thằng con bà Thuận Thành tiệm xe đạp cũng cúp cua mạnh. Đi chơi thong thả cái cẳng quen đi, vô ngồi trong lớp tú tưng chịu không nổi. Gặp ông thầy chịu chơi thì còn vui vui, trúng có ông hắc quá mình muốn phá cửa mà ra liền.

Nó búng tàn thuốc quay thành một vòng rồi uể oải nói :

— Có học hay không có học, có thi đỗ hay thi rớt thì hai mươi tuổi cũng nắm đầu đi quân dịch.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

Tâm sự KIM CƯƠNG



Nữ nghệ sĩ Kim-Cương trong bức hình mới nhất (1967)

Tên thật : Nguyễn thị Kim Cương

Năm sinh : 25-1-1937 tại Saigon

Những hoạt động nghệ thuật (cải lương, màn ảnh, thoại kịch).

— Giám đốc đoàn hát Nam Phi Kim Cương (từ 1954 đến 1957)

— Thành lập ban thoại kịch Kim Cương (từ 1960 đến nay)

— Đã sáng tác, đạo diễn và thủ vai chánh trong những vở thoại kịch : *Tôi là mẹ* (đã diễn trong đêm khai trương ban thoại kịch Kim Cương năm 1960) ; *Trà Hoa Nữ* (1960) ; *Cuối đường hạnh phúc* (Tết 1964) ; *Mưa nguồn* (tháng 6 năm 1964). Trong thời gian này, Kim Cương sáng tác trên 20 vở kịch đều ký biệt danh là Hoàng-Dương. Sau khi ở Pháp về, Kim Cương dựng thêm các vở : *Khát sống*, *Người nuôi hy vọng*, *Nước mắt con tôi v.v.*

— Đã đóng những phim : *Lòng nhân đạo* (hãng Mỹ Phương) ; *Thoại Khanh Châu Tuấn* (hãng Việt Thanh) ; *Con gái chị Hằng* (hãng Mỹ Vân) ; *Lỡ Bước Sang Ngang* (hãng Mỹ Vân) ; *Mưa Rừng* (hãng Alpha) ; *Bẽ Bàng tức là Nửa Đời Hương Phấn* (hãng Alpha). Và các phim : *Ngọc bồ đề* ; *Lưu Bình Dương Lễ* ; *Trương Chi Mỹ Nương* ; *Lâm Sanh Xuân Nương* ; *Người Đẹp Trong Tranh v.v...*

«...Những giọt nước mắt Kim Cương «sướt mướt» trong bi kịch ràn rụa từng «giọt nổi» tiếp nhỏ lên sân khấu thoại kịch Kim Cương đã kết thành chuỗi-
«Kim-Cương-nghệ-thuật-sáng-chói lấp lánh hào quang.»

Tôi ghi vệt những dòng cảm nghĩ trên đây khi đang đứng với hai bạn đồng nghiệp, cùng ghé mắt nhìn qua cánh gà sân khấu trong một rạp hát tương đối nhỏ nằm trước chợ Xóm-Củi (Cholon) để dõi theo vở kịch *Tôi Là*

Mẹ trên sân khấu thoại kịch Kim Cương trong đêm 25-4-1967. Chúng tôi đã rung rung khi Kim Cương nức nở, phải ngẹn ngào khi Kim Cương cười ra nước mắt trong nghịch cảnh của vai trò.

Một trong hai bạn đồng nghiệp của tôi đã phải lấy khăn tay lau nước mắt và thì thào bên tai tôi: «tụi mình đứng sát cánh mà thấy rõ mặt thật mặt giả của các diễn viên mà còn bị nước mắt Kim Cương lôi cuốn làm cho mình khóc ngon lành, huống chi những khán giả ngồi phía dưới kia chịu sau nôi mà không sùi sụt khóc theo.

Và, nhà văn Túy Hồng (một nữ nghệ sĩ rất khắt khe khi xử dụng ngòi bút trên lĩnh vực phê bình) đã nói về Kim Cương trong mục *Điểm Mặt Ti Vi*: «Cái vóc dáng thích hợp với màn ảnh truyền hình nhất là Kim Cương (...) Phải công nhận tập đoàn thoại kịch Kim Cương gồm một chuỗi nghệ sĩ cứng cáp không phải về xuân sắc mà về công lực trình diễn. Nước mắt Kim Cương đã lau chùi mặt kính Ti Vi sáng sửa ra một phần trong vở kịch *Người Nuôi Hy Vọng*. (Kịch Ảnh 249).

Những lẽ trên là một trong những động cơ thúc đẩy tôi tìm đến nhà Kim Cương — nữ nghệ sĩ đã từng được giới mộ điệu suy tôn là kỳ nữ — dò la tâm sự của nàng để giải tỏa một phần nào thắc mắc của chính mình, và có lẽ cũng như đa số giới hâm mộ tài nghệ diễn xuất của Kim Cương đã thắc mắc.

Địa chỉ ghi trong tấm danh thiếp dẫn tôi đến một biệt thự nằm góc đường Võ Trường Toản — Phan Đình Phùng

(bên hông chợ Bà Chiểu, Gia định). Bấm chuông xong đứng đợi im một chập lâu mới có người ra nói xin mời ông chịu phiền qua ngõ bên hông, đồng thời cho biết cô Kim Cương đang bệnh, không tiếp khách được. Tôi vòng ngã cửa hông vào nhà, viết mấy chữ nói khái quát về cuộc phỏng vấn vào tấm danh thiếp của tôi kèm theo lá thư của tòa soạn và mấy tờ BK, nhờ cô Kim Quang (em gái Kim Cương) đưa vào cho Kim Cương đề xin giờ hẹn hôm khác. Tôi đang chờ Kim Quang trở lại, thì Kim Cương đã bất ngờ hiện ra ở khung cửa (buồng ngủ của cô thông sang nơi tôi ngồi đợi) với nụ cười tươi thắm quen thuộc của Kỳ-nữ Kim Cương mà giới ái mộ nòng đã từng gặp trên sân khấu.

— *Mấy bữa nay Kim bị cảm (Kim Cương vừa đưa bàn tay lên che ngang cổ) nên không tiếp khách. Nhưng với anh em nhà báo thì khác (Kim Cương uể oải trong dáng đi có vẻ mệt mỏi đến ngồi ghé lên mép bộ ván ngựa kê gần chiếc ghế dài tôi đang ngồi, rồi thấp giọng dịu dàng:)* nói thiệt với anh, đau cũng có một phần, còn một phần là Kim trốn khách để sửa soạn chương trình cho tuần lễ lưu diễn ở Huế — Đà Nẵng từ ngày 1 đến ngày 8 tháng 3 này. (Kim Cương đưa tay hướng về tách nước trà đang bốc khói trước mặt tôi) Uống nước đi anh! Kim ra tiếp anh một chút, để anh thấy là Kim cũng có đau thiệt kẻo sợ các anh phiền lòng rồi hiểu lầm cho là Kim làm bộ phách lối, có mặt ở nhà mà viện lẽ này nọ để từ chối. Còn bây giờ thì anh chịu phiền nha! Vui lòng cho Kim hẹn lại một ngày khác. Nếu có thể, xin anh cho trước những câu anh muốn hỏi để Kim sửa soạn, như vậy anh khỏi mất công qua lại nhiều lần. Mà, từ hôm Kim về nước đến nay đã có nhiều anh em đến phỏng vấn,

có gì Kim đã nói hết rồi, bây giờ còn gì để nói với độc giả BK nữa đâu anh ?

Tôi lấy mảnh giấy có ghi mấy câu hỏi đại cương về tiêu chuẩn của cuộc phỏng vấn đưa Kim Cương xem sau câu nói : Tôi đã đọc qua các bài của mấy tờ tuần báo và nhật báo viết về Kim Cương. Nhưng điều chúng tôi muốn biết về Kim Cương thì các báo ấy chưa đề cập hoặc có, mà chỉ phớt qua. Chúng tôi, hoặc nói cho đúng là độc giả Bách Khoa muốn biết TÂM SỰ KIM CƯƠNG diễn tiến qua các giai đoạn :

— Những ngày mới lên sân khấu cải lương ?

— Nguyên do nào làm cho Kim Cương giải tán đoàn ca kịch Nam Phi Kim Cương — một lĩnh vực mà Kim Cương đang nắm được nhiều ưu thế — để bước sang lĩnh vực thoại kịch ?

— Những hoạt động và nếp sống của Kim Cương trên đất Pháp, và những nguồn tin từ Paris đồn về...

Kim Cương xem qua mấy câu hỏi, rồi lắc đầu nhẹ nhẹ với nụ cười tươi thắm vẫn nở trên môi :

— Khó quá ! Khó trả lời quá ! Phải chỉ anh hỏi thuần túy về nghệ thuật, Kim xin hứa sẽ thỏa mãn thắc mắc của các anh một cách dễ dàng. Đằng này, các anh lại xuyên qua lãnh vực tâm tình, chẳng phải riêng một mình Kim mà còn va chạm đến người khác, như câu hỏi này... trời ơi ! Thôi, anh cho Kim xin thông qua nha anh ! Có thể hôm anh trở lại, Kim sẽ kể rõ cho anh nghe, nhưng Kim yêu cầu anh đừng phở biến. Không phải Kim sợ ai, vì sự thật nó vẫn là sự thật, nhưng chuyện ấy đã qua từ năm xưa,

nay nhắc lại, dù theo hảo ý của các anh, là để đánh tan sự hiểu lầm cho Kim, thiết nghĩ cũng chẳng có lợi gì...

Nói đến đây, Kim Cương bỗng hạ thấp giọng và một thoáng buồn cũng vừa đượm trong ánh mắt luôn luôn ngời sáng ấy :

— Anh còn lạ gì nữa. Sự thật ở đời này nó là một khối đa diện, mỗi người theo một-khía-cạnh-của-khối-sự-thật-da-diện-ấy rồi suy luận theo quan điểm riêng và phóng đại tùy theo sự thương, ghét của mình mà vo tròn bóp méo sự kiện đã xảy ra. Chắc anh cũng thường chứng kiến, có những sự việc xảy ra, một tiếng đồng hồ trước đó, mà trắng đã hóa đen. Huống hồ gì những chuyện anh nghe thiên hạ đồn về Kim Cương đã xảy ra đến bảy tám năm về trước. Đó là chỗ anh em, vui miệng Kim lý luận cho anh nghe chơi vậy thôi, bà con thương thì Kim nhờ, mà có ghét thì Kim cũng xin chịu ! Còn thiên hạ đồn là quyền của thiên hạ, phải vậy không anh ?

Rồi Kim Cương chỉ vào một câu hỏi khác, nói tiếp :

— Còn câu này, và câu này nữa, tuy khó nhưng Kim cũng sẽ giải bày để cố gắng đáp lại nhã ý của các anh và của độc giả Bách Khoa đã chiếu cố đến Kim Cương..

oOo

Sau ngày Kim Cương lưu diễn Huế—Đà Nẵng về, tôi lại đến nhà Kim Cương theo ngày, giờ đã hẹn. Tôi vào nhà đang lúc Kim Cương và thân mẫu (bà Bảy Nam) ngồi xem Ti Vi trong phòng khách. Trên khung kính truyền hình, ban thoại kịch Kim Cương đang diễn vở

thoại kịch Nước Mắt Con Tôi, hình nữ nghệ sĩ Bảy Nam và Kim Cương hiện trên khung kính trong vai kịch. Nhận ra tôi, Kim Cương mỉm cười chào rồi chỉ chiếc ghế trống bên cạnh nói anh ngồi chơi một chút chờ Kim coi hết đoạn kịch này rồi Kim sẽ tiếp chuyện với anh.



Kim Cương hồi 6 tuổi trong vai Na Tra, trong tuồng Na Tra Lóc Thịt

* * *

Giòng họ Kim Cương bốn đời đều gắn liền với sân khấu: từ gánh hát bộ của bà Lớn (bà cố của Kim Cương) và gánh hát của cô Ba Ngoạn (bà nội của Kim Cương), đến đoàn cải lương của ông bầu Phước Cương (thân sinh cô Kim Cương), rồi đoàn ca kịch Nam Phi—Kim Cương (do cô Kim Cương làm giám đốc), và ban Thoại Kịch Kim Cương hôm nay; đều là những đoàn hát đã quy tụ được nhiều ngôi sao nghệ thuật sáng chói một thời trên vòm trời ca kịch miền Nam nước Việt.

Kim Cương là gái đầu lòng của nữ nghệ sĩ Bảy Nam và ông bầu Phước

Cương. Cô Bảy Nam là em ruột của cô Năm Phi, cô Năm Phi làm bạn với ông bầu Cương, không có con, do sự thỏa thuận của cô Năm Phi, ông bầu Cương lại kết bạn với cô Bảy Nam. Khi mang thai (cô Kim Cương), gần ngày sanh, cô Bảy Nam vẫn còn đóng tuồng (vở Túy Hoa Vương Nữ), đến nỗi lắm khi quỵ xuống rồi đứng lên không nổi. Bấy giờ có nghệ sĩ Năm Châu (cùng diễn chung trên sân khấu này) thấy vậy đã phải nói: «Đứa nhỏ nằm trong bụng đó, nó biết hát từ trong máu hát ra. Nếu sau này, nó là con gái, chắc nó phải hát hay lắm.»

Kim Cương chào đời chưa đầy hai tháng đã được bồng ra sân khấu, trong những tuồng có con nít mới sanh. Khi lên 6 tuổi đã đóng vai Na Tra trong vở Na Tra Lóc Thịt, 8 tuổi đóng vai Hoàng tử Ngọc Giao trong vở Phấn Hậu Cung, và thủ vai chánh trong vở Mẫu Tử Tình Thâm (do cô Bảy Nam soạn). Có nhiều đêm, vì vai tuồng bắt buộc phải có mặt ở đoạn cuối, nên cô bé Kim Cương buồn ngủ, gặp phải những buổi trưa ham chơi không chịu ngủ, thì đêm đó cô bé Kim Cương thường chui trong kẹt màn, xỏ tú trốn để ngủ. Ông bầu Phước Cương thấy đã gần tới lớp của Kim Cương, mà vắng bóng cô bé, là ông biết ý con gái cưng, ông đi lục tìm mấy hóc, kẹt lòi cô bé dậy, đẩy ra sân khấu; nhiều khi ra giữa sân khấu cô bé Kim Cương vẫn còn ngáp ngái ngủ.

Ngày ông Phước Cương mất, Kim Cương nhớ rất rõ nàng nhắc lại với giọng buồn ngủ: «Ba của Kim mất giờ Ngọ, ngày 13, tháng Chạp, năm Ất Dậu; bấy giờ Kim được 10 tuổi.» Sau ngày ông Bầu Cương mất, Kim Cương về ở với cô Năm Phi (cô Bảy Nam có 3 người con - với ông bầu Cương (2 gái, một trai; Kim-

Cương còi cả, cô Kim Quang là em út) Cô Năm Pải thấy cô bé Kim Cương thích hát, chán mải việc học, nên cô Năm Pải gọi Kim Cương vào ở nội trú trường Nhà Trắng (Trường Thiên Phước) ở nhà thờ Tân Định. Kim Cương vừa học vừa phụ giúp nhà trường về việc chăm sóc gần một trăm trẻ mồ côi của trường này. Trong thời gian bấy, tám viên khóa học ở đây, Kim Cương có ý định sau khi thi đỗ xong ra trường, sẽ xin tình nguyện ở lại dạy các trẻ em mồ côi. Nhưng nghiệp di cầm ca vốn truyền thống từ trong huyết quản Kim Cương đã đưa đẩy nàng bước lên sân khấu trong dịp nghỉ Hè năm 1954 làm cho cuộc đời cô nữ sinh áo trắng tóc thẻ tuổi tròn đôi tám ấy phải gắn liền với sân khấu ca kịch không sao trở về với mái trường xưa được nữa.

Mùa hè năm 1954, Kim Cương được Má Năm (cô Năm Pải) lãnh ra trường, cho theo xuống Châu Đốc chơi, vì đoàn Nam Phi đang lưu diễn ở đây. Đêm ấy, gần văn hát, bóng VM về phá rối thành phố Châu Đốc, nhà cầm quyền địa phương ra lệnh không cho dân chúng ra đường trước khi có lệnh mới, làm cho khán giả của đoàn Nam Phi đành phải ngồi yên trong rạp hát — dù tuồng hát đã văn — để chờ lệnh chấm dứt giới nghiêm. Cô Năm Pải thấy khán giả ngồi buồn, mới cho mấy cô đào trẻ ra ca tân nhạc (bấy giờ còn gọi là âm nhạc cải cách) giúp vui khán giả. Đào trẻ của đoàn này chỉ có cô Kim-Hoàng và cô Xuân-Lan biết ca « âm nhạc cải cách » mà thôi. Quanh đi quẩn lại, hai cô Kim Hoàng, Xuân Lan đã ca hết cả mấy bản ruột, mà lệnh giải tỏa giới nghiêm vẫn chưa thấy ban ra. Bà Năm Pải mới hỏi đến Kim Cương, nghe Kim Cương biết ca

bài Nụ Cười Sơn Cước, bà liền đẩy Kim Cương ra sân khấu. Bất ngờ, Kim Cương được khán giả hoan nghênh vỗ tay rền cả rạp, bắt hát lại đến hai, ba lượt. Sau đêm đó, bà Năm Pải mới nghĩ đến việc « thử lắng-xê con nhỏ này coi ra sao » bà liền bàn với diễn viên kiêm soạn giả Duy Lâm soạn vở Giai Nhân và Ác Quỷ (Duy Lâm thủ vai Ác Quỷ, Kim Cương vai Giai Nhân), với dự định của bà giám đốc đoàn Nam Phi (cô Năm Pải) đề cho Kim Cương tập tuồng trong mấy ngày lưu diễn, khi về Saigon, sẽ cho Kim Cương và vở tuồng ấy ra mắt khán giả Thủ-đô độ chừng nửa tháng, đến khi đoàn lưu diễn các tỉnh, thì Kim Cương sẽ vào trường kịp lúc trường khai giảng. Lại một bất ngờ nữa, những ngày Kim Cương ra mắt khán giả Thủ-đô với vở tuồng Giai Nhân và Ác Quỷ, được khán giả nồng nhiệt hoan nghênh và báo chí ngợi khen quá sức tưởng tượng của bà Năm Pải, danh từ Kỳ-nữ-Kim-Cương xuất hiện trên mặt báo từ dạo đó. Đương nhiên, Kim Cương trở thành trụ cột của bản hiệu đoàn ca kịch Nam Phi, không thể dứt bỏ sân khấu đang lúc được khán giả ủng hộ nhiệt liệt, để trở lại học đường, vì sự nghiệp mấy đời của gia tộc Kim Cương đã gắn liền với khán giả và sân khấu, và Kim Cương thì từ mở mắt chào đời đã quen thuộc màn nhung sân khấu, đã xem sân khấu như là nhà của mình. Hơn nữa, huyết thống nghệ sĩ bốn đời dồn trong mạch máu Kim Cương, dù chỉ tạm lắng dịu trong bấy, tám năm qua cho nàng theo hết chương trình Trung học là nhờ kỷ luật nội trú của trường bà Phước; giờ gặp dịp được ra mắt khán giả Thủ-đô trong vở Giai Nhân và Ác Quỷ, đã gặt hái

một thành quả lớn lao, thì giọng máu thống truyền đúc kết tinh hoa bốn đời nghệ sĩ trong người Kim Cương lại cuộn cuộn dâng tràn, làm cho nàng say khán giả, mê sên khẩu như người nghiện thuốc phiện gập lại đọc tầu và ngọn đèn dầu lạc. Lại nữa, cuối năm ấy (1954) bà Năm Phi mất, Kim Cương phải thay bà Năm Phi để chống đỡ bằng hiệu Nam Phi ca kịch đoàn. Thế là, dù muốn tiếp tục đi học lại, hoàn cảnh gia đình Kim Cương cũng không không cho phép nàng trở lại mái trường xưa.

Trong dịp này, bà Bảy Nam hợp tác với bà Chín Bia (dì của Kim Cương) cải tiến đoàn Nam Phi thành ra đoàn Nam Phi - Kim Cương, giao cho Kim Cương làm giám đốc, nhưng bên trong, hai bà (mẹ và dì) vẫn nắm quyền cổ vũ tối cao.

oOo

Tôi xem lại những điều đã ghi chép được trong câu chuyện với Kim Cương này giờ, rồi hỏi tiếp :

— Bây giờ Kim Cương là một nữ nghệ sĩ thanh sắc đang lên của sân khấu cải lương, lại sống trong một gia đình có rất nhiều ưu thế để tạo điều kiện phát triển tận độ khả năng diễn xuất ở lĩnh vực cải lương — có thể nói vào những năm 1956-1957, ở lĩnh vực này Kim Cương nắm nhiều ưu thế hơn Thanh Nga để tạo đoàn Nam Phi Kim Cương trở nên một đại ban sớm hơn đoàn Thanh Minh — Thanh Nga, bỗng Kim Cương giải tán đoàn Nam Phi — Kim Cương, rời sân khấu cải lương bước sang lĩnh vực thoại kịch trong các Đại Nhạc Hội, đến rồi năm 1960 đứng ra thành lập ban thoại kịch Kim Cương. Chẳng hay có phải vì nội bộ đoàn hát gây nhiều mâu thuẫn trầm

trọng, hoặc trong gia đình Kim Cương có xảy ra điều gì làm cho Kim Cương bất mãn ?

Đôi mắt Kim Cương đắm chiều nhìn lên tấm ảnh chụp ba chị em (Kim Cương, Ngọc Thổ, Kim Quang) rọi lớn trên khung cửa thông ra nhà sau, dường như hồi tưởng những ngày qua giọng nàng trầm hẳn xuống :

— Chắc anh lại nghe đồn về câu chuyện lục đục nội bộ đoàn Nam Phi — Kim Cương về vụ KH-NM lúc bấy giờ, nên anh đặt câu hỏi này phải không ? Thiệt ra, nguyên do chánh làm cho Kim quyết định rời sân khấu cải lương để bước sang lãnh vực thoại kịch và điện ảnh (nói đến đây Kim Cương mỉm cười rồi dịu dàng tiếp lời) anh cho phép Kim được nhắc thêm hai tiếng điện ảnh nữa nha ! vì lúc mới rời đoàn Nam Phi — Kim Cương thì Kim đóng phim nhiều hơn tham gia Đại Nhạc Hội. Kim xin nhắc lại, những cơ chánh khiến Kim rời sân khấu cải lương là do Kim tự biết khả năng mình không thể tiến xa hơn theo đà chuyển hướng của sân khấu cải lương vào những năm 1957-1958, giai đoạn mà sân khấu và khán giả cải lương chú trọng đào kép ca mùi. Kim xét thấy mình ca mùi không xuất sắc lắm, vì Kim chú trọng ca diễn hơn. Nói như vậy không có nghĩa là Kim phủ nhận cái hay của lối ca mùi trên sân khấu cải lương lúc đó và bây giờ đang thịnh hành đã thu hút một số đông khán giả đâu nha anh ! Anh ghi chỗ này cho rõ ý của Kim, kẻo anh chị em khác hiểu lầm thì khổ cho Kim lắm à nhen ! Sở dĩ Kim phải phân tách vấn đề ca mùi và ca diễn là để Kim nói với anh rằng ca diễn là sở trường của Kim, thì Kim phải tránh cái sở đoản để nhằm sở trường của mình mà khai thác; ca diễn trên sân khấu cải lương

đang bị ca mùi lẩn áp thì Kim tìm sang lãnh vực điện ảnh, thoai kịch để khai thác khả năng diễn xuất của mình. Hơn nữa, sức khỏe Kim không cho phép Kim đeo đuổi theo nghiệp cải lương; đời sống anh chị em nghệ sĩ cải lương cực nhọc lắm anh ơi! phải di chuyển lưu-diễn tỉnh này qua tỉnh kia, phải sống kham khổ với nhau trong những ngày mưa dầm vắng khán giả... Thêm một yếu tố nữa làm cho Kim thích thoai kịch, là tuy Kim mang giòng máu nghệ sĩ cải lương thống truyền của cha mẹ, nhưng Kim được theo học chương

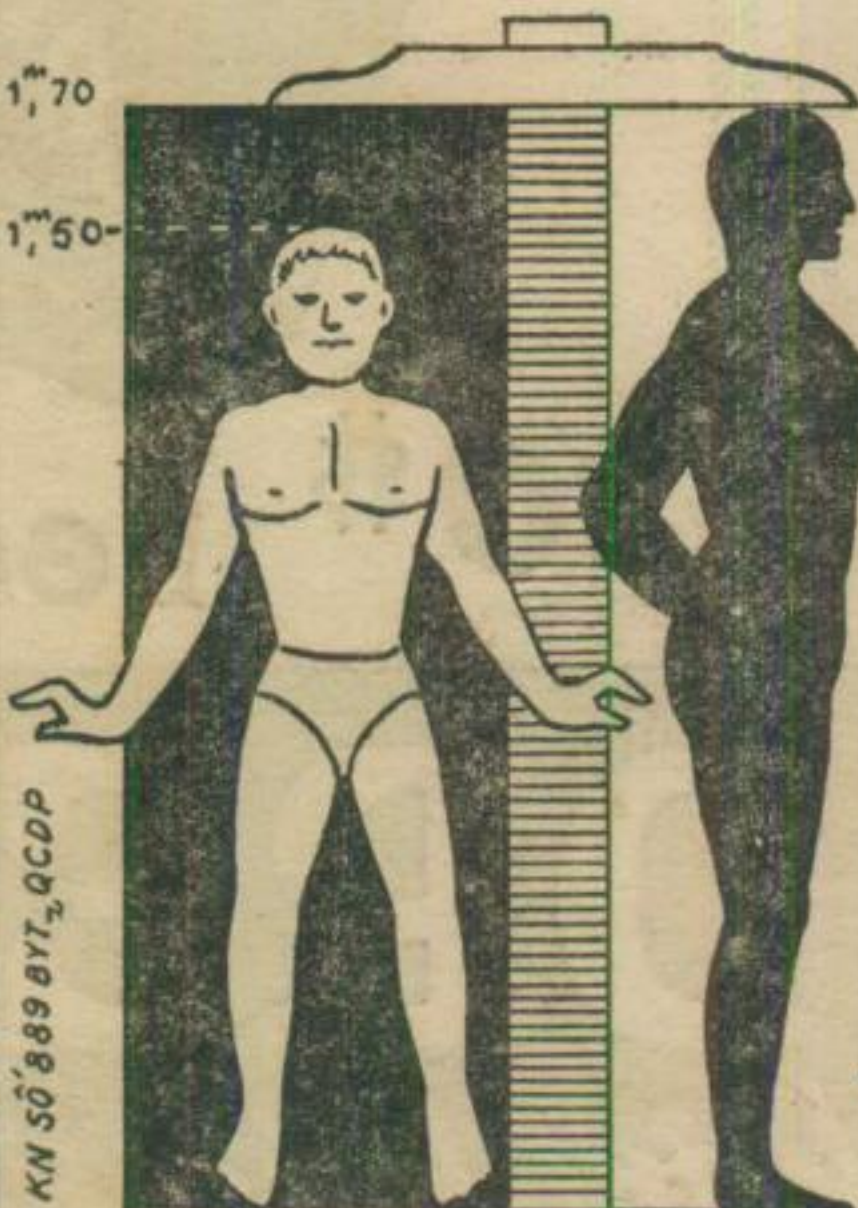
trình Pháp, nên Kim thích thực tế của điện ảnh hơn. Kim xét thấy kinh nghệ khả dĩ còn gần gũi với đời sống, còn phản ảnh được nếp sống thực cuộc đời, đề vun bồi cho xã hội tiến lên đồng nhịp với thời gian và không gian của thế cuộc. Thoai kịch hợp với khả năng diễn xuất của Kim hơn, và thoai kịch cũng cho Kim có nhiều thời giờ rộng rãi hơn, để đóng phim, để có thể xuất ngoại học diễn xuất v.v...

(Còn tiếp 1 kỳ)

LÊ-PHƯƠNG-CHI

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C-D-PP-B2-B6-B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI.

- MỖI LẦN PHA 1 ỔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VẤN TOÀN LÁ THUỐC
THƠM NGUYÊN CHẤT

Virginie



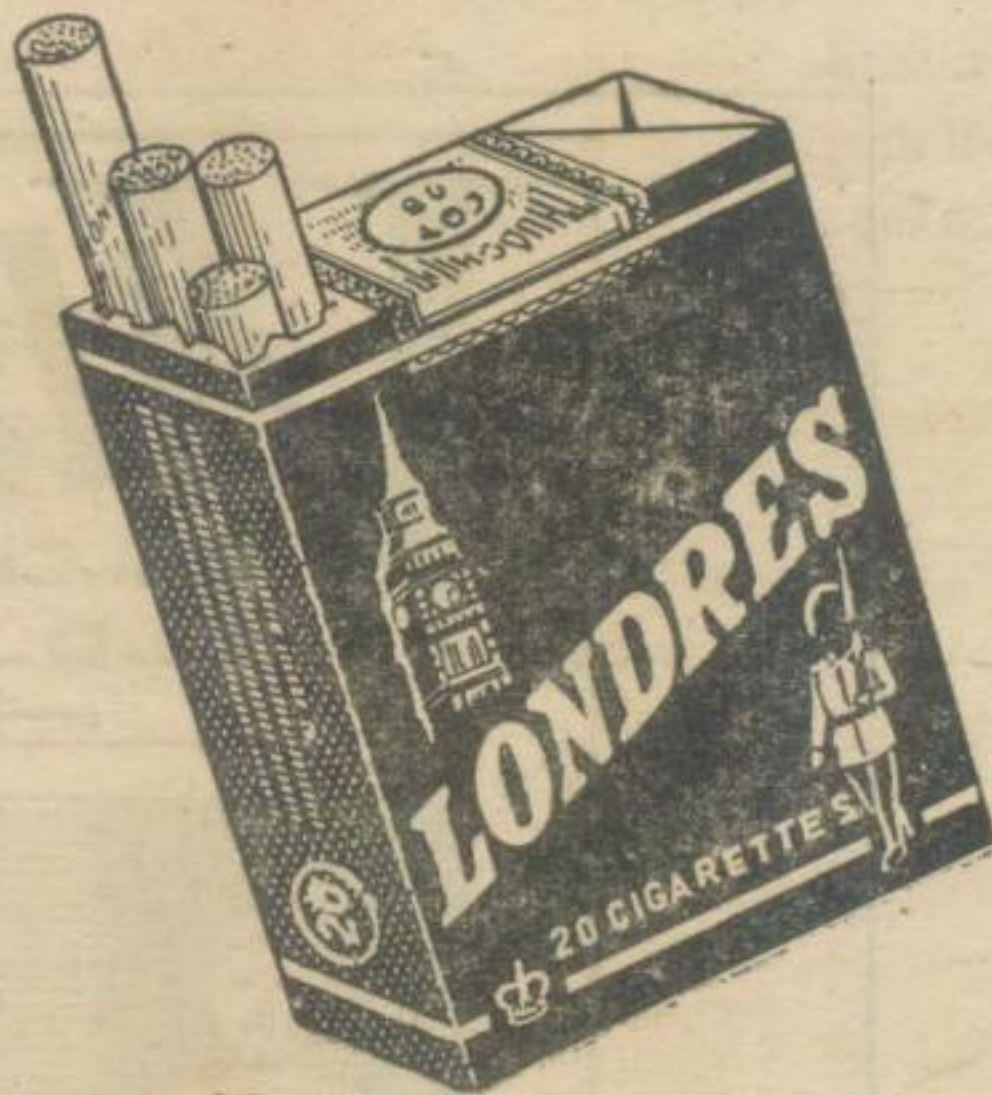
LONDRES

Thuốc thơm hảo hạng

với

3 đặc điểm

- HƯƠNG THƠM NGÀO NGẠT
- VỊ NGON ĐẬM ĐÀ
- GIÁ RẺ NHẤT



20 \$ 1 Gói

LONDRES

*Gói thuốc thơm hảo hạng
của mọi giới.*

MÁ HỒNG

9 | Giang dẫn tôi quẹo sang bên trái. Con đường cũng chỉ là những vệt bánh xe quần quai và những lá cỏ xác xơ. Chắc tới chiếc lều nằm giữa mấy cây antennae đâm nhánh khẳng khiu ngắc ngo như đám trúc bị đốt trụi kia chứ gì. Tôi định hỏi Giang, nhưng thôi kịp. Hỏi làm gì, mặc cho hấn ba hoa, thế nào mà rồi chẳng biết.

Từ đằng sau, những cánh quạt của hai chiếc trực thăng vẫn thả gió, đuổi thốc theo với những cỏ rác, đất vụn ném lên người chúng tôi rào rào. Tôi chợt chú ý tới giọng nói của Giang. Hồi trước, bầu như một đứa con gái nhà lành xuất hiện nơi công cộng, chứ đâu có tía lĩa đến nổi xúi cả bọt mép thế kia. Lúc xáp lá cà, ác lắm, anh. Tôi cam đoan là chỉ có ông Tiểu đoàn Trưởng của tôi mới đủ máu mặt để chơi nhau như trận Thanh Phú vừa rồi. Ba mươi tám con nằm lại trận địa. Hơn một trăm con khác được đồng bọn mang đi. Còn vũ khí thì... Bỗng nhiên tôi bật cười. Giang ngừng nói lập tức. Khoảng một phút sau, Giang mới hỏi thật nhẹ, cười gì thế. Tôi nhìn người bạn cũ nói hết sức thành thật, tại nghe mấy tiếng đồng bọn mang đi. Giang cười theo nét mặt vẫn lặng lẽ. Tưởng tui này bịa hả. Tôi đáp, không phải đâu, mấy chữ ấy là mấy chữ thời đại và moa cười là vì thế.

Những chiếc lều rải rác dọc hai bên đường hiện ra một vẻ thanh bình lạ thường. Không thấy cây súng, viên đạn nào. Ban này, từ trên máy bay nhìn xuống, tôi định nói với Huyền, tôi không nói là vì có Chi, trông những chiếc lều nhăn nhúm giống như những con dơi gãy cánh nằm trĩu thương ngay trên mặt trận. Bây giờ, tới gần mới hay sự so sánh như thế cũng hơi xa sự thật. Bởi lẽ bên vài chiếc lều vải đó, còn có những tấm tôn sáng loáng ghếch lên. Có lều làm một chòi con bắm vù như một hình thức thủ công trò chơi trại. Trong một lều, một người đàn bà chỉ với chiếc áo lót quá ít vải đang quì sau lưng người đàn ông ngồi bó gối cúi đầu. Vậy thì kẻ cũng ấm cúng, hạnh phúc hơn mình rồi. Có chi phải tổ chức cái ủy ban yểm trợ chiến trường làm gì cho tốn công và vô duyên. Tôi quay sang Giang, cười thật thân mật. Giang nói, ông này đã đeo lon thiếu tá

hơn sáu năm rồi đấy, anh. Tôi hỏi, sao chậm quá thế. Tôi được biết có người mỗi năm phải thay hoa một lần. Giang cười, thường quá. Tụi này gọi là các cụ chơi hoa đó. Rồi Giang tiếp, tại người ta liệt xếp của tôi vào thành phần chế độ cũ.

Tôi trả lời sau một tiếng à thật dài, thì ra đến các anh mà cũng phân biệt cũ mới. Thật thâm. Lũ chúng mình còn ngu hơn viên đạn của kẻ thù. Ngu hơn viên đạn của kẻ thù. Mới nói đến đấy, bỗng tôi tịt luôn. Sao mình có thể thuộc những lời giáo huấn của Côn Cho đến cỡ ấy. Tôi mỉm cười. Hình ảnh của Trung Tá Trần-bá-Cho lúc lồng lộn gào lớn trước đám công chức, các anh còn thì giờ để chia rẽ nữa ư, các anh ngu hơn viên đạn vô tri của kẻ thù, chập chờn hiện ra đâu đây. Tôi nghe như tiếng tim đang đập mạnh hơn với một chút xao xuyến nhẹ nhàng.

Chúng tôi tới cửa chiếc lều lớn đó. Một sĩ quan mang một bông mai trắng trên ngực áo tác chiến màu xanh, mà tôi nghĩ ngay tới người chuẩn úy Giang vừa nói, đang ngồi ghếch đùi lên mép bàn nghe điện thoại. Giang khẽ nói Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng.

Lúc đó, ông Tiểu Đoàn Trưởng cũng nhìn thấy chúng tôi. Ông đứng dậy. Ngón tay cái của bàn tay trái co lên rồi móc vào dây đeo thắt lưng. Cái đầu ông gật gật. Không biết ông đang chào tôi hay đang bằng lòng câu chuyện với người bên kia đầu giây. Tuy thế, tôi vội cúi ngay xuống, cử chỉ thật lễ phép mười trên mười. Xong tôi quay ngay đi chỗ khác. Tia mắt lơ đãng chột dừng lại ở phía trong lều. Một người đàn ông bị trói co ro ngồi dưới đất. Ai? Lính ba gai hay một chàng mang tên là Việt Cộng. Tôi nhìn người ấy thật kỹ. Chiếc áo bà ba đen rách toạc mảng lớn ở bên vai phải. Hai bắp đùi thò ra khỏi chiếc quần xà lỏn đen vắt chéo nhau, dơ hai chiếc đầu gối lên nhưng không tới cầm dù chiếc đầu đã cúi gục. Không biết trong giây phút này, những hình ảnh nào đang rạo rờ nồng thắm sau mái tóc ấy.

Cuộc điện đàm xong. Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng đi nhanh tới chỗ tôi với bàn tay mở rộng sẵn. Tôi đọc được chữ Quyết trên băng vải trắng nơi nắp túi áo ông.

— Xin chào. Bạn ở ủy ban yểm trợ chiến trường?

— Thưa Thiếu Tá, vâng. Chúng tôi được lệnh tới thăm Thiếu Tá và tiểu đoàn nhân chiến thắng Thạnh-Phú.

— Hay lắm.

Giang hấp tấp xen vào:

— Thưa Thiếu Tá, anh Đạm là Phó Quận Châu thành. Hồi xưa em và anh ấy học chung một lớp.

— Hay lắm. Nhưng thôi, xin hỏi các bạn tới đây bao nhiêu người và định yểm trợ những gì?

Tôi cười theo vị sĩ quan, nhưng thấy có vẻ cầu tài, hèn hèn một chút:

— Thừa phái đoàn gồm mười bốn người. Chúng tôi có mang theo hơn trăm lá thư của các em gái hậu phương gửi chiến sĩ...

Đôi môi Thiều Tá Quyết gò lại thành chữ o rồi cười phà hơi thật mạnh như khi phủi tay hoàn tất một công việc chán ngấy :

— Lại bắt lính của tôi làm giám khảo kỳ thi viết văn. Vậy ngoài ra còn...

— Còn một ít khăn thêu.

— Và hết ?

Tôi bẽn lèn gật đầu. Lập tức một tràng âm thanh rộn rã vượt khỏi mồm Thiều Tá Quyết ào ạt tấp vào người tôi. Cùng lúc ấy đầu ông hơi nghiêng sang bên trái một chút, cái cằm hơi hếch lên một chút. Ừ, trông cũng được lắm. Trong vở kịch thơ âm ương nào mà có vai loại tráng sĩ say, đề cha này thủ diễn thì đám ăn khách không chừng. Tôi nghĩ thế và thấy lòng bình tĩnh đến độ lạnh lùng nghiêm khắc. Tiếng cười của vị sĩ quan đứng tuổi như vậy là không lây sang tôi. Nhưng với người đàn ông bị trói phía trong thì chắc có ảnh hưởng. Tôi nhìn cái khuôn mặt bất động ấy đang hướng về phía chúng tôi. Không rõ mình sau khi bị thu vào hai cái lỗ mắt tối om sâu hút kia sẽ biến thành gì ? Căm thù, phần nộ hay ngậm ngùi, thương yêu, ao ước ? Ý nghĩ của tôi đang phiêu du thì bàn tay của Thiều Tá Quyết vỗ lên vai tôi làm tan mất.

— Tôi định nói với bạn vài điều, nhưng thôi đề lát nữa chuẩn-úy Giang, sĩ quan tâm lý chiến sẽ tâm sự với bạn, tiện hơn. Bây giờ, tôi yêu cầu một điều là các bạn hãy để lại đây tất cả thư, khăn. Rồi tôi đưa các bạn tới thăm người lính với hai tay không nhưng với tấm lòng thương yêu thành thật. Các bạn chịu không?

Tôi vội gật đầu đáp liền mấy tiếng dạ dạ tùy Thiều Tá định. Vị sĩ quan ngó tôi, mỉm cười. Khuôn mặt ông thật khả ái, tin tưởng. Tôi lạy trời thăm cái miệng kia đừng mở rộng, kéo làm vỡ sự kính trọng mới gây được trong tôi. Và, may mắn quá, Thiều Tá Quyết giữ nguyên nét môi chúm chím, rồi đi vào chỗ mấy thùng đạn xếp chồng nhau cao tới ngực. Ông lấy chiếc mũ vải để bên chiếc máy thu thanh Philips có một bông hồng cài ở mép bao da. Thôi, mình ra với họ, anh.

Chuẩn úy Giang và tôi bước theo ông như hai đứa học trò nhỏ. Chúng tôi đồng chìm ngộp trong vùng ánh nắng rực rỡ và trắng tươi. Gió lồng lộng từng hồi. Những hơi nóng oi bức đã bị cuốn đi nên tôi chỉ còn mơ hồ cảm thấy những mùi hương mát ngọt dịu dàng của cỏ hoa ẩn tích trên triền non phía trước. Tôi nheo mắt như làm tình với một người rồi cười vu vơ. Giá quê hương này đừng có chiến tranh thì đẹp biết bao nhiêu. Đường thiên lý sẽ đưa đi khắp nơi, từ biển, từ cánh đồng, tới núi. Những cảnh bình minh, hoàng hôn dịu hịu. Mình sẽ du sơn du thủy. Và sẽ sống giản dị trong một túp lều tranh với đám dân hiền hậu. Túp lều tranh, tôi mỉm cười nghĩ, nhưng còn trái tim ai sẽ là trái tim vàng ? Huyền ? Liệu mình đủ chí, ngồi xồm lên dự luận, tình bơ trước ánh mắt của tụi nó để cười

Huyền không. Câu hỏi chưa được trả lời thì câu hỏi khác đã được tiếp nối, mình đã yêu Huyền chưa. Thế còn Thủy. Thủy bây giờ ở đâu và ra sao? Thế còn Chi. Với những lời hứa mê cuồng và những đêm chăn gối hẹn hò thèm khát?

Chỉ có Thủy vắng mặt thôi. Hôm qua Huyền đòi theo, tôi nói đi làm gì, ở nhà mà học hành, thì Huyền cười, đi thăm chiến sĩ mà chú không khuyến khích ư. Rồi cười ngay, đôi mắt hơi liếc, đùa đẩy chú, cháu muốn biết cái cảm giác đi tàu bay xem sao, chú cho cháu đi nhé. Tôi đành gật đầu. Sau đó, tôi nói với Chi, có Huyền ở trong phái đoàn yểm trợ ngày mai. Lập tức Chi đòi theo liền. Tôi không muốn nên nói đề Chi bỏ nước, bộ em ghen với Huyền sao. Nhưng Chi chỉ thảo nhiên, không, em nghĩ nếu anh cho em đi thì em sẽ có thêm một kỷ niệm mà nhớ thôi chứ em mà dám so sánh với ai.

Vừa lúc đó chúng tôi tới bãi đáp trực thăng. Thật nhiều người, có cả trẻ con len lách trong những cặp đùi đứng song song, xúm xích vây quanh đoàn yểm trợ chiến trường của tôi. Một điều lạ là không biết có gì thích thú khiến họ cười nói lao xao nhiều thế. Tôi nảy ý khôi hài, muốn nói trông y như cảnh đoàn xiếc quảng đông đang hành nghề ở đầu ngõ hẻm đề bán thuốc. Nhưng, có ai đâu để nói. Nên tôi đành im lặng, nhìn vào trong đám người. Huyền đứng ngoài cùng một mé bên, khuôn mặt có ánh nắng rạng rỡ. Nụ cười như cánh bướm đậu hoài trên môi. Còn những cô học trò khác thì xúm nhau vào truyện trò như ở trong sân trường ngày khai khóa. Có lẫn trong số người này. Cũng màu áo trắng. Tôi chỉ nhận ra Chi qua những giải băng giấy màu đỏ gói các tặng phẩm mà Chi lãnh nhiệm vụ mang theo. Từ này giờ chắc hai em dò la nhau dữ lắm. Tự nhiên, một chút vui ủa vào tâm hồn tôi như cơn gió thoảng. Ừ, nếu hai em chịu chung sống với nhau cả đời thì mình cũng không thấy gì trở ngại. Ở lá tử vi mẹ lấy hồi nhỏ, cũng nhắc tới vụ mình hai vợ rồi thôi. Mới lơ mơ đến đây tôi đã bật cười, trách yêu, vô duyên chưa. Nào, có gì chứng tỏ rằng Huyền yêu cậu đấy nhỉ. Cậu yêu cầu Huyền gọi bằng anh cho thân mật, nhưng Huyền có chịu đâu.

Khi tới sát cái đám đông, Thiếu Tá Quyết đứng lại. Hai cánh tay ông co lên từ từ đoạn từ từ chống vào nạnh sườn. Chuẩn úy Giang như nhận được hiệu lệnh, vội bước xấn vào đám người lộn sộn. Tôi nhìn thoáng dọc khúc cõ Giang, có những đường nổi lên như mới thọc chiếc que vào sau làn da. Thiếu Tá tới. Nghiêm. Tuy thế, nhiều cái đầu vẫn cựa quậy. Thiếu Tá tới mà coi, đẹp ác. Tôi đưa mắt về phía phát ra tiếng nói lẽ nhè, nhura nhura đó. Một người lính trẻ. Tóc bù xù. Chiếc áo tác chiến thiếu hai cái khuy, phanh hết bộ ngực không mặc áo lót ra hong nằng. Chắc dân quân dịch. Chợt hấn tiếp, dân chịu chơi cả chứ có ai xa lạ đâu. Xong nghiêng đầu về chỗ các thiếu nữ đứng, cười khẩy nhún vai. Anh nắng có lẽ thắm vào thân thể tôi nhiều rồi. Mày định ám chỉ ai đây. Bất giác tôi nhìn Huyền. Huyền đã nhìn tôi từ lúc nào. Hai tia mắt giao nhau ở một điểm không tìm thấy như trên khúc cầu vòng mờ ảo mà mỗi người một phương trời vừa tung lên hòa hợp. Nhưng khuôn mặt Huyền

vẫn thanh thản. Mấy chiếc răng như cụm nhĩ của nụ cười vẫn lấp lánh ánh nắng.

Từ bên tôi, Thiếu Tá Quyết bắt đầu nói. Những tiếng động và những âm thanh khác chìm dần chìm dần. Tôi lơ đãng nghe những câu là một vinh hạnh lớn cho tiểu đoàn chúng tôi, tình quân dân như cá với nước, chúng ta sẽ thắng trong một ngày không xa. Đoàn không biết làm gì, tôi lãnh đạm ngó suốt mọi người. Gặp toàn những nét mặt nhăn nhó, mồm há hốc, mắt mở to hí, chớp chớp, hấp háy. Tôi Chi. Dừng lại. Nếu mà quay phim cảnh này phải gros plan. Đầu Chi cúi thấp. Một lọn tóc nếp uốn cong như đợt sóng biển động xòa xuống và vương ra trước trán. Ánh nắng vẽ trên thân thể Chi những đường cong, những đường gãy mạnh mẽ. Tôi nhìn hai chiếc gò tròn căng choán hết bộ ngực nhô ra che dâm cho cả khúc bụng xuôi lả. Tôi không nghĩ gì nhưng hình như tim tôi đập mau hơn và nặng hơn.

Vậy mà mình vẫn muốn xa Chi càng sớm càng hay. Tiếng Chi nói như những giọt mưa đêm mỗi khi bước ra khỏi cửa đề vào bóng tối, lại mơ hồ vang lên, chắc anh chán em lắm rồi, Phải không. Không, anh chưa nói như thế. Anh chưa nói nhưng em biết. Em mong anh cứ nói thẳng với em tiếng lòng anh hơn là mỗi khi gần nhau xong, anh lại nhắc chuyện em và anh Độ. Đôi mắt Chi mở lớn, nhìn thẳng vào mặt tôi, bất động. Bây giờ Chi chợt như nhỏ lại. Cho em đi đề có thêm một kỷ niệm mà nhớ. Liệu có nhớ thật không, em.

Vừa lúc đó, Thiếu Tá Quyết buông ba tiếng chào các bạn. Lập tức những âm thanh bùng lên rần rần. Những cánh tay dơ cao. Những chiếc mũ tới tấp bay khỏi những chiếc đầu. Và không khác gì những chiến lợi phẩm của một mục tiêu vừa được thanh toán, đoàn thiếu nữ yểm trợ chiến trường bị chìm ngấm trong khối màu xanh di động ấy. Về thăm trung đội tôi, mấy cô. Đại đội tôi có anh hùng sản xuất ngô lắm, lại coi chơi cho biết. Một giọng khác, thôi bỏ đi tám, sang đại đội anh đề nạp mạng hả. Các cô muốn biết anh hùng sản xuất hả. Đó là thằng cha hạ sĩ Thao, đi oánh giặc tối ngày mà bà vợ ở nhà vẫn đề miết hết lúa này sang lúa khác. Thêm một giọng quát tháo, à Thiếu Tá bảo mỗi trung đội chỉ được một cô mà sao cậu vợ những ba cô. Không, tớ vợ cô nào đâu. Tớ có vợ rồi thôi. Ôi chao, các bồ, ham gì mà dành, có phải cán bộ hộ lý chó đâu. Tôi vội đảo mắt kiểm tên vừa nói. Chắc lại thằng cha ba gai đó mất. Không thấy gì cả. Tôi cúi kính chữi thăm trong mồm một câu tục tĩu.

Thốt nhiên, tôi nhớ Đạt. Liệu lính của tên ma gà này có khá hơn tí tẹo nào không. Ôi, nó đã cô hồn đi điểm thể thì còn mong đợi chi. Hôm qua đưa em Thanh đi vi vút tới quá giờ giới nghiêm mới mò về, đập cửa ầm ầm. Rồi quăng súng, lựu đạn, dao găm, thắt lưng một đồng ở chân giường. Rồi khích khích cười tả những gì vừa mới làm. Tùm lum hết, khiến mình bần thần xao xuyến tưởng như đã mần mê những thứ của người con gái ấy. Tao mẩn em thật mất mảy ời. Có khi tao phải xin dời đi nơi khác mảy ọ. Mày nói thế mà gọi là yêu cô ấy à.

Đồ sở khanh. Đạt nhe rằng, tao yêu thật chứ nhưng tao chưa muốn lấy vợ vì còn phải nuôi thằng Tùng. Chờ nó ra trường đã. Nó mới gửi thư cho tao. Thư chó gì mà có một trang, mày. Tôi im lặng, nghĩ khác, hay thằng cha ái nam ái nữ thật. Xong, lại nghĩ hay nó cũng tính nước bài như mình với em Chi.

Tôi nhìn trời xanh, mỉm cười băng quơ. Chuẩn úy Giang chột bước tới, nắm cánh tay tôi lôi đi, chúng mình vào trong lều tán láo, anh. Họ được lính chiếu cố hăng hái thế kia thì hơi lâu đấy. Tôi gật đầu, chả sao miễn đừng ngủ đêm ở đây thôi. Giang hỏi ngay.

— Có vợ rồi hả ?

— Chưa, còn cậu ?

— Thì cũng vẫn nằm trơ một mình. Tưởng cậu có điều kiện hơn nên đã êm ấm rồi. Mẹ, thời buổi này điu dám làm cái gì cả, há, cậu. Ngày mai tớ lại đông về tỉnh đề gặp người em gái hậu phương của tớ, này.

— Mơ mộng nhỉ. Tên em là gì và học ở đâu ?

Giang hích khuỷu tay vào người tôi :

— Điu phải dân của cậu đâu mà đòi lấy lý lịch. Tận Saigon kia, cậu ơi. Tụi tớ sống là lướt một cách bất đắc dĩ như trong tiểu thuyết thời tiền chiến ấy.

— Nói rõ hơn một chút coi.

Giọng Giang ngọt ngào .

— Em tớ làm tiếp đãi viên hàng không. Mỗi khi em có chuyện bay qua đây thì em cho tớ cái điện hỏa tốc. Tớ bèn soay một cái công tác nào đó để biến về phi trường chờ em. Những bận như thế thì hai đứa gặp nhau được chừng một giờ, sáng nửa và chiều nửa. Cực lắm và buồn lắm cậu ơi. Luôn luôn sống với cảnh ngộ em chẳng được ngộ lâu, ngộ em một chút đỡ sầu mà thôi. Và nhất là buổi trưa, khi em bay ra Huế, mình lòng không chạy chỗ này chỗ kia cho tới giờ trở lại phi trường, nản chịu không được. Chả nhẽ rúc vào đâu mà khóc.

Tôi cúi đầu, nói như một lời an ủi .

— Đời cậu thế là nhất rồi còn gì hơn.

Và Giang vẫn dịu dàng kể tiếp :

— Em chung tình lắm cậu ạ. Tụi tớ quen nhau đã hơn bảy năm. Đạo tớ học chung với cậu ở cái lớp luyện thi toán lý hóa Tiến Bộ thì tớ đang kèm em học. Bây giờ thú thật với cậu, đôi khi tớ có ý định gây một sự hiểu lầm nào đó để em hờn dỗi, em bỏ tớ đi lấy chồng cho tớ đỡ khổ. Chứ chả nhẽ bắt em chờ mình tới lúc giải ngũ ? Bao giờ ? Liệu súng đạn có buông tha mình không hay thân đã sớm vùi sâu trong nấm cỏ.

Tôi vẫn cúi đầu ;

— Cậu bi quan quá. Vậy mà cậu làm sĩ quan tâm lý chiến thì lạ quá.

Câu chuyện từ đây chuyển qua phần công việc hằng ngày của Giang. Giang nói mau, trầm ầm, mạch lạc như đọc lại một bài luận văn. Nước miếng lép nhép gợn thành những bọt nhỏ nổi trắng bờ môi dưới. Tôi thấy sự ngăn cách giữa hai người đã không còn. Nên, lòng tôi ngùi nhớ nhưng những bóng hình thoáng hiện tan mau. lại Bây giờ trời Saigon mưa hay nắng. Và hơn hai triệu người trong các phường phố ấy, có ai nhớ tới mình không. Thủy. Thủy. Thủy sịch che kín tâm hồn bằng mái tóc rối đêm nào. Tôi mù mịt rã rượi. Như một con bè thêm lần vượt thác, đang từ từ chìm vào giòng nước mênh mông sóng cuộn. Không thêm một lời nào với Giang. Cho tới lúc ra bãi đáp trực thăng, tôi mới nắm bàn tay người bạn cũ, nói thôi tạm biệt. Khi nào về tỉnh, nhớ lại tớ, có chỗ cho cậu ngủ đêm đấy. Giang cười, ánh mắt rạng rỡ, ô kê, ô kê, ngày mai có tớ ngay.

Giống như chuyển đi, Huyền và Chi lại cùng lên chiếc máy bay với tôi. Người chuẩn úy trong phi hành đoàn đón chúng tôi bằng câu hỏi, thế nào, lính có đáng yêu không, các cô. Huyền trả lời, thì vẫn đáng yêu từ lâu. Riêng tôi thân hình thu vào một xó lặng lẽ nhìn qua khung cửa xem cảnh vật đang trôi dần về phía dưới. Con đường cái quan bỏ giữa cánh đồng mang nhiều vết đứt loang lổ. Một cây cầu sắt ngã gục xuống giòng sông. Phía trong, những người em gái hậu phương vẫn rộ từng trậ cười. Một lúc, bỗng có tiếng Huyền gọi, chú ơi. Tôi quay phắt lại. Nhưng nét mặt Huyền đang hướng về người chuẩn úy ngồi gần cửa bên kia. Huyền đã nói tiếp, giọng thanh thanh :

— Có khi nào chú lái máy bay vô thẳng Saigon không ?

Người chuẩn úy cười, nhún vai :

— Thường quí. Thứ bảy nào mà tụi anh không làm một một đường là lướt trở về thành đô, nhót cho đỡ buồn đôi cảng.

Mắt Huyền như sáng hơn :

— Thích nhỉ. Thế hôm nào cho tụi cháu đi nhờ, được không ?

Chợt thoáng thấy Chi đang theo dõi, nên tôi vội ngó lơ sang chỗ khác. Từ đấy, chỉ còn nghe những lời đối thoại giữa hai người.

— Đi Saigon có mục chi thế ?

— Chơi. Để biết Saigon cho thiên hạ đỡ chê mình là quê một cục.

— Thế em chưa đi Saigon bao giờ thật à ?

— Có ai cho đi đâu. Với lại người như tụi cháu mà, mộng đi Saigon là một cái mộng quá lớn rồi, phải không, chú ?

— Mộng mị gì. Vậy thì lần này đi. Thứ bảy. Rồi thứ hai ra. Chiu chưa ?

— Chiu. Nhưng sẽ trả lời sau.

— Nhiều tiếng cười rộ lên. Có cả giọng Huyền khanh khách. Không ngờ, thật không ngờ Huyền lại táo bạo đến cỡ ấy. Mình quen Huyền mà có khi nào Huyền rủ đi xa, ngoài một lần hẹn nhau xem máy bay phản lực bỏ bom thì máy bay không tới. Với mình, lúc nào cũng đóng bộ của đứa con gái nhà lành, ngoan

lắm, e lệ lắm. Tôi thở dài, thôi, đừng mơ mộng bảo chữa cho em nữa nhé. Thiên hạ đồn thì rán mà tin kéo thành thẳng ngu bây giờ.

Hai chiếc trục thẳng về tới sân vận động thị xã sau khoảng gần ba mươi phút bay. Chúng tôi tự động tan hàng liền khi từ con tàu bước xuống. Huyền không nhìn tôi một lần. Hai chân Huyền thon dài nhẹ nhàng khua động tà áo như gió rung và đặt những bước rất ngắn trên nền cỏ cao.

Khi xe chạy, tôi thoáng trông theo, Huyền còn bước chậm ở cuối đường. Và hình như có hai người lính trong phi hành đoàn theo sau. Thốt nhiên, tôi choáng váng mày mặt. Chẳng Huyền đi chậm là cố ý chờ mấy cha nội kia. Tôi thở dài, thôi, chỉ thế thôi. Một trăm cô gái đời nay ấy, đừng nói ân tình với thủy chung.

Tới quận, tôi lăm lăm đi thẳng vào văn phòng. Chưa có sắp hồ sơ khân hay công điện nào đệ trình. Trên bàn vẫn một tập lịch xộc xệch với những trang ghi chép xanh đỏ lung tung. Một ngăn bằng nhựa đựng vài ba cây bút và những chiếc kẹp giấy, kim gút. Cái điện thoại BA 312 màu sơn xám xanh đã xăm. Nhớ hôm nào, Huyền tới, ngồi khế nép ở chỗ này. Bàn tay Huyền theo đà dướn của thân người, đặt xuống trước mặt mình một xấp giấy. Mình nhìn thoáng thấy những giòng chữ thông thường của một tờ khai sanh. Tôi mơ mơ khép mắt lại. Toàn thân trùng xuống, bao nhiêu sức nặng đặt dồn vào lưng ghế. Một lát sau chợt có tiếng cửa động. Nhưng chỉ là Chi. Chi hiện ra với đôi mắt mở rộng, hai hàng lông mày vồng cao hình cung và nhoe nụ cười tươi. Một kẹp hồ sơ nằm trong cánh tay áp ngang trên ngực. Tôi im lặng bằng dáng điệu mệt mỏi, lười biếng. Chi tới sát bên tôi, nói thật nhỏ :

— Anh mệt sao ?

Tôi lắc đầu. Đoạn ngồi thẳng dậy, kéo kẹp hồ sơ vào trước mặt. Tiếng Chi tiếp, chắc anh mệt đấy, đứng năng nhiều quá mà. Liệu về sớm nghỉ cho khỏe đã, anh. Bỗng nhiên, tôi vùog vãng, ơ kia, bộ tôi không biết trong người tôi hay sao mà cứ nói mãi thế. Chi đứng yên. Mấy ngón tay đặt hờ hững trên bàn đang từ từ rút xuống bụng thông bên vạt áo.

— Tôi yêu cầu từ giờ đừng gọi nhau bằng anh anh em ở nơi làm việc nữa. Còn người nọ người kia, phải giữ ý một chút.

Chi vẫn đứng yên. Khuôn mặt cúi thấp. Ánh mắt trầm lặng, xám lạnh như bầu trời mùa thu. Trong giây phút, trí óc tôi như thấm hơi nước toát ra từ màu mắt Chi. Tôi vội cúi gục xuống chông công văn. Cố đọc những hàng chữ. Nhưng chỉ thấy một hàng chữ lung linh khi xa khi gần vô nghĩa. Tạo sao mình có thể hưng tời mức đó. Chi sẽ nghĩ là mình định gây sự để bỏ nhau cho xem. Nếu thế thì mình đều quá. Đang lúc ấy, cánh cửa lại bật mở. Người nghĩa quân gác vĩa phòng Đại Ủy Quận Trưởng thò đầu vào. Thừa ông Phó, Đại Ủy mời ông Phó gấp. Mừng đã có dịp gỡ bí, tôi vội xô ghế, ra khỏi phòng, mặc Chi tần ngần nhìn theo.

(Còn tiếp)

ĐỖ-TIẾN-ĐỨC

Mười lăm phút

ngoài chiến trường Quảng-Tín

Hồ ký của ANH-TỬ

— Đại Úy ơi, chết em rồi ! Đại úy
ơi, chết em, chết...chết..

Anh bình nhl uồn người vắn vẹo vài
cái rồi bất động cùng một lượt với tiếng
«chết» cuối cùng. Xung quanh anh, mấy
người lính khác đang loay hoay mở nút
quần anh hay lui cui tìm băng trong túi
cứu thương đặt bên cạnh.

Anh nằng gay gắt vẫn điềm nhiên
trải nhòa trên ruộng lúa khô cằn, đầy
những gốc rạ trơ trụi. Và trong cái
không khí chết chóc đó, tiếng máy
truyền tin rú lên từng hồi gấp rút..

Tất cả những hình ảnh vừa nói vẫn
hiện rõ trong tôi như vừa mới xảy ra
hôm qua.

Chuyến đi bất ngờ nhất

Sáng sớm hôm ấy tôi và Dương Phục
chưa chui ra khỏi màn, đã nghe điện
thoại reo từng hồi giục giã.

— Alô, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 1
đây ! Yêu cầu các ông nhà báo chuẩn bị
đi Quảng Tín với ông Tướng gấp, Mười
phút nữa xe sẽ ra phi trường...

Cả hai chúng tôi mặc vội áo quần,
rửa sơ cái mặt, vớ thêm cái blouson...

rồi đạp xe đạp hết ga tới phòng V Bộ
Tư Lệnh Quân Đoàn 1.

Tại đây, tên Quang, Nhiếp ảnh Tiểu
đoàn 3, đang ngáp như điên, thấy tôi
tới đến hẩn nhoẽn miệng cười ngay.

— Đi Quảng Tín chi vậy ông ?

— Ai biết cha ! Tôi tới từ năm giờ
rưỡi, buồn ngủ quá mức.

Bỗng viên Trung úy Trưởng phòng V
bước vào. Chúng tôi nhào tới hỏi về lý
do chuyển đi sớm này, ông ta lắc đầu ;
«Ai biết ! Mấy cụ cứ đến đó trước, đợi
ông Tướng thì sẽ rõ ».

Mười phút sau, chúng tôi có mặt ở
phi trường trực thăng.

Chiếc trực thăng bốc chúng tôi lên
cao. Gió lạnh phàn phật phà vào mặt,
len vào áo quần, thấm vào da vào thịt,
xua đuổi cơn buồn ngủ đang dính trên
mí mắt, trên vành môi. Nhìn quanh,
chúng tôi giật bắn người lên. Toàn
là... két đạn và két đạn. «Bỏ bu rồi. Đi
tiếp tế ngoài mặt trận chắc ! » Tôi thăm
nghĩ thế.

Qua bao nhiêu là ruộng, là vườn, là
đồi, là núi, qua nhiều khu rừng xanh rì,

nhiều con sông mờ mờ uốn éo dưới làn sương dày ban mai, chiếc trực thăng đáp vội trên khoảng đồng trống những đất nứt nẻ. Chúng tôi nhảy xuống. Một chiếc trực thăng thứ hai đáp theo gần đó. Một toán lính, mặt mày đen như dính lọ nôi, chạy vội lại. Họ yên lặng nhưng cặp mắt sáng lên vui mừng, nói rất nhiều. Chúng tôi phụ họ khiêng từng két đạn, từng bao gạo trên hai chiếc trực thăng xuống. Loáng một cái, hai trực thăng trống trơn. Cánh quạt quay nhanh, trực thăng lắc lư nhô lên.

— Ê ! Lên đi mấy cha !

— Không phải đây sao ?

— Không !

Chúng tôi mừng rỡ, làm lệ theo lời viên xạ thủ trực thăng. Hai con chuồn chuồn sắt không lồ lại bốc mình lên ao. Dưới kia, từng hồ sâu kính khủng nằm cạnh mấy bụi tre bạt gốc. Một vài căn nhà còn âm ỉ bốc khói trên đồng trống tàn. Mấy con trâu đen thui thui, nằm lả lơi giữa ruộng, bắt động. Từng chuỗi lính đội nón sắt đang ép mình bên bờ ruộng một vài bóng người chạy qua chạy lại lảng vảng... và mờ dần.

Trời sáng hẳn thì chúng tôi đang lơ lửng trên cao, vùng Tam kỳ Quảng Tín. Dưới kia từng đoàn học sinh đang giảng bài ngữ đi đây trong thành phố. Ngày 25-2 là ngày lễ gì ở đây nhỉ ? Thắc mắc chưa tan, chúng tôi giật mình vì trực thăng xóc mạnh khi đáp xuống đất.

— A, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh đây rồi ! tên Quang nhiếp ảnh reo nhỏ.

Viên Thiếu tá chạy ra đón chúng tôi, vồn vã :

— Các anh đi đâu đây ? Có chuyện gì không ?

— Ai biết ! Quân đoàn biểu đến đây trước, ông Tướng đến sau, thưa Thiếu tá.

Nghe nói có ông Tướng đến, mấy ông sĩ quan lảng vảng hỏi thăm, nhưng như đã nói, chúng tôi chẳng biết ông tướng — Trung tướng Nguyễn Chánh Thi. Tư lệnh Quân đoàn I kiêm Tư lệnh vùng I chiến thuật lúc đó — sẽ làm gì ở Quảng Tín ?

Vào trong Bộ tư lệnh sư đoàn II, phòng hành quân đang nhận nhip những người. Thiếu tướng Hoàng Xuân Lãm chăm chú ngồi nghe trình bày những diễn tiến hành quân trong vùng Thăng Bình cách Tam kỳ 20 cây số về phía bắc. Mấy cái máy truyền tin đang tách te, te tách đều đều. Một hai chú lính Mỹ đang ngó ngoáy ghi ghi vạch vạch trên tấm bản đồ để trước mặt.

Chỉ có chúng tôi là không có việc gì làm. Ngồi buồn rủ nhau chuồn đi uống cà phê. Không ngờ cà phê ở cái-thành-phố-chỉ-có-mỗi-con-đường-độc-nhất này lại ngon đáo để...

Miễn cưỡng ra mặt trận :

Còn mãi đến trưa, chẳng thấy ông Tướng đâu. Chúng tôi gọi điện thoại về Quân đoàn xin phương tiện về. Quân đoàn trả lời gọn thơn lơn : «không có».

Tướng Lãm đang sửa soạn vào bàn cơm, chợt nhớ đến «khách quý», cho mời chúng tôi. «Còn no cái đã rồi tìm cách về... sau» chúng tôi tự nhủ thế.

— Các anh vô đây làm chi ?

— Dạ Quân đoàn biểu vô trước, Trung tướng vô sau. Đợi hoài không có, thôi lát nữa Thiếu tướng cho tụi tôi về nghe, thưa Thiếu tướng !

— Chả mấy khi mấy anh đến đây, về chi mà gấp. Chừ có đưng độ ở gần đây, mấy anh nên ra đó chơi. Tôi nói họ lo phi cơ cho nghe !

— Dạ thôi Thiếu Tướng ! Đề dịp khác.

— Dịp gì ? Chừ ở đêm với họ cho vui.

Không đợi nhìn thấy gương mặt bí xị của chúng tôi từ từ chảy dài, Tướng Lâm ra lệnh cho viên sĩ quan ngồi bên cạnh, tìm cho chúng tôi một chiếc trực thăng Mỹ.

Miếng cơm đang ngậm trong miệng tự nhiên khó nuốt lạ .. Và độ nửa tiếng sau, chúng tôi miễn cưỡng bước lên chiếc UHIB. Trước khi đi, tên Quang năn nỉ viên Trung Tá : « Lát nữa, độ 20 phút sau khi cho tụi em xuống đó, Trung Tá biểu tụi Mỹ đón tụi em về nghe Trung Tá. Tụi em kẹt quá, ở nhà còn nhiều chuyện ghê ».

Tạch tach ! « một con » chết :

Theo luồng khói vàng, chiếc trực thăng phả lực chao vội xuống thấp. Chúng tôi vừa nhảy hết ra ngoài, trực thăng đã nghiêng mình bay tít lên cao.

Trên bãi đồng rộng khô nứt nẻ, trơ những gốc rạ vàng úa, từng nhóm Thủy Quân Lục Chiến đang lăm lăm tay súng, đứng nhìn chúng tôi.

Viên Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng chạy vội lại, tay bắt mặt mừng : « A ! Nhà báo cũng dám ra đây cỡ à ? » Nhưng, bỗng ông ta lắc đầu, tiếp : « Ra chiến trường mà quần tergal, áo blouson trắng, blouson xanh, nón nỉ, giày mũi nhọn thì hỏng rồi, hỏng rồi ! », khiến tôi và Dương Phục thẹn đỏ mặt, nói không được.

Sau một phát giới thiệu với anh em Thủy Quân Lục Chiến, viên Đại Úy bỏ đi chỗ khác, đề mặc chúng tôi ngồi phệt dưới đất bày đồ nghề ra.

Tay cầm micro và máy thu âm, Dương Phục chop một ông lính đang tí toét đứng cưỡi gần đó. Còn tôi, tôi quay sang anh lính ngồi kế bên. Xung quanh chúng tôi, toàn lính là lính. Họ đứng nhìn một cách tò mò, xem chiến trường như là « pha ».

— Anh tên gì hở anh ? Tôi hỏi anh bạn mới của tôi.

— Tạch tạch !... tạch ! Mấy tiếng nồ khô khan, sắc nhọn nổi lên trả lời câu hỏi của tôi.

— Tụi nó bắn sẽ ! Nằm xuống !

Chúng tôi, Dương Phục và tôi, mạnh dứa nào dứa nấy bò. Tôi, tôi lết tới một anh thiếu úy đang nép mình bên bờ ruộng, tay tôi nắm chặt cái nón nỉ. Còn Dương Phục, hấn tay cầm micro lôi cái máy thu âm, lê xềnh xệch... Cả hai mặt không còn tí máu. Giữa lúc đó :

— Đại úy ơi chết em rồi ! Đại úy ơi, chết em, chết em Đại úy ơi !

Tiếng kêu thảm thiết, như xé không khí. Một quân y-tá chạy vội tới, quỳ bên anh lính đang lăn lộn dưới đất.

— Đại úy ơi, chết em rồi ! Đại úy ơi, chết em, chết... chết...

Tiếng « chết » cuối cùng vừa dứt, anh lính ưỡn người lên rồi bất động. Mấy người lính khác đồ xô đến. Người xé quần, người mở nút áo, người tìm băng... Xa xa có tiếng nói gấp rút vào máy truyền tin:

— « Một con » bị đạn ! « Một con » bị đạn ! Nghe rõ chưa trả lời !

Người bị đạn là anh lính ngồi
bên tôi lúc nãy :

Tôi run lẩy bẩy. Niu vai anh thiếu
úy Thủy Quân Lục Chiến kể bên, miệng
lấp bắp phồng vẩn. Tay tôi như bị kính
phong giát lung tung vẽ nguệch ngoạc
lên tờ giấy nhàu nát. Tôi nhìn trũng
trũng vào cái mông trắng nõn của anh
lính bị đạn. Bên tai tôi mơ hồ có tiếng
nói đều đều, đều đều : « Tôi trước kia
là Pilote đấy chứ ! Tại tôi lái tàu bay
sát nóc nhà ở bãi tập quá, họ không cho
tôi đậu... Tôi qua nhiều nơi, nhìn cảnh
đồ nát mà căm thù Việt-Cộng... Ở Bình-
Định người ta hay hát đờng có thương
nẫu, nẫu về xứ nẫu bỏ mình bơ vơ, bơ
vơ thì mặc bơ vơ, nẫu về xứ nẫu viết
thư thăm mình... » Tôi cũng mơ hồ nghe
nhoi nhói như có kiến cắn ở cổ, ở tai, ở
tay,...

Đằng kia Dương Phục đang dí sát
micro vào mồm một anh lính nằm dài
trên bãi cỏ...

— Tử ơi, chạy đi tàu bay tới !

Tôi giật mình. Không kịp tạm biết
anh bạn thiếu úy Thủy Quân Lục Chiến
có giò chạy về hướng chiếc trực thăng
vừa đáp xuống. Bao nhiêu gò, bao nhiêu
mô, bao nhiêu bụi rậm, cành cây... tôi
vượt qua hết một cách dễ dàng.

Nhảy tọt vào phi cơ, tôi ôm ngực thở
hồng hộc mặc cho tên Quang nhiếp ảnh
hỏi : « Thăng Phục đâu ? Thăng Phục
đâu ? ». Nhưng tôi chả cần trả lời,
«thăng Phục» đầu tóc chơm bươm, xích
máy từ xa chạy nhảy như bay đến phi cơ.

Trực thăng vọt lẹ lên cao. Tôi đã
bớt run, nhìn quanh tôi giựt mình
vì cái mông trắng nõn chan hòa
những máu đỏ của anh lính bị đạn,
đã nằm đây từ bao giờ. Anh ta rên
ư ừ, và khẽ cựa mình vì gió lạnh.
Nhìn gương mặt lấm tấm rõ hoa của
anh, tôi há hốc mồm :

Anh này.... anh này hồi nãy tao
phồng vẩn mà, bay ơi !

Bên cạnh tôi, một quân nhân khác

tay quẩn chặt những băng trắng. Anh
ta chỉ vào tay, thì thào :

— Tôi bị gãy xương.

Chiếc trực thăng nghiêng nghiêng
như cho tôi nhìn rõ lại lần chót, nơi
chúng tôi vừa qua những giây phút
kinh hoàng, Dưới kia, cánh đồng khô
cằn nằm dưới chân núi Thăng Bình
đang yên lặng như chịu đựng, như
hy sinh những màu mỡ của nó, để
đổi lấy một tương lai mát mẻ hơn
phải nhiều hơn.

Tên anh là Hoa

Về đến Bộ tư lệnh sư đoàn II bộ
binh, mấy người sĩ quan hỏi thăm :
«anh đó sống hay chết ? anh kia nhẹ
phải không ? » Chúng tôi lắc đầu
không nói :

Trong những giây phút ngồi định
thần trị tại đây, một sĩ quan hành
quân đến bên tai tôi báo tin « Hoa nó
chết rồi ! Viên đạn xuyên từ hông
trở ra rún đứt ruột ».

Mãi đến lúc đó tôi mới biết anh tên
là Nguyễn văn Hoa — còn vợ và bốn con
tại Gia Định. Nước mắt tôi ứa ra. Tôi
bặm môi để nén tiếc thương.

Tối hôm đó, khi trở về Đà Nẵng, tôi
đã tìm mua đèn hương thắp giữa sân để
khẩn nguyện tên anh, và tôi đã khóc
mộ: cách thành thực. Tôi ân hận mãi vì
sự «có mặt vô tích sự» của chúng tôi
tại chiến trường Quảng-Tín đã giết hại
một người. Nếu không có chúng tôi,
Những thẳng công tử ra mặt trận, thì
anh em Thủy Quân Lục Chiến đã không
tụ tập lại, thành cái bia nhắm cho Việt-
Cộng, và anh Hoa đã không chết.

Nếu không có chúng tôi, dù anh Hoa
có ngã xuống, thì ít ra anh cũng đã hạ
được vài tên Việt-Cộng, tôi chân thành
nghĩ thế.

Với chúng tôi, anh Hoa vẫn sống, và
sống mãi cho đến khi trí óc chúng tôi
trở nên già nua tàn lụn mà quên đi.

ANH-TỬ

Thế giới, trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Trong những tuần vừa qua dư-luận quốc-tế đã đặc biệt chú ý tới ba sự việc quan trọng trên thế-giới. Trước hết là vụ người Mỹ da đen nổi loạn ở Détroit, hai là vụ phe ủng hộ Mac-Trạch-Đông gây rối loạn tại Hong Kong và sau hết là chuyến công du của Tổng Thống Pháp De Gaulle tại Gia-Nã-Đại.

Mỹ Châu; Người da đen nổi loạn tại Détroit

Sau những vụ dân Mỹ da đen nổi loạn tại Harlem năm 1964, và ở Watts năm 1965, lần này đến lượt tỉnh Détroit thuộc tiểu bang Michigan bị người Mỹ da đen nổi lên đốt phá. Đây là một cuộc khủng hoảng nội bộ trầm trọng nhất trong lịch sử Hoa-Kỳ từ khi có cuộc nội - chiến. Tổng Thống Johnson đã phải gọi quân đội liên-bang tới trợ giúp quân-đội của tiểu-bang Michigan để dẹp cuộc nội-loạn này. Và kết quả là trong vụ này đã có tới 41 người chết, 2 250 người bị thương, 4000 người bị bắt và một số thiệt hại vật chất là 250 triệu Mỹ kim. Ngoài, Détroit các tỉnh khác của tiểu - bang Michigan cũng bị đốt phá như : Pontiac, Savignaw, Flint, Grand Rapids, Albion, Kalamazoo. Rap Brown, một người da đen cuồng tín, mỉa dân, còn kêu gọi đồng chủng đốt cả Cambridge nữa.

Thật ra người ta chưa rõ nguyên nhân chính của cuộc nội loạn

này. Dân da đen ở Michigan không hề bị áp bức, kỳ thị, như ở các tiểu-bang miền Nam Hoa-kỳ. Nhất là ở Détroit dân-trí cao, với sự tập trung của các kỹ-nghệ xe hơi, dân da đen ở tỉnh này có một mức sống khá cao. 40 0/0 người da đen của Detroit là sở hữu chủ căn nhà họ ở và rất nhiều người sống chung một khu với người da trắng. Thị trưởng Détroit là Cavanagh lại là một nhân vật sáng suốt, thấu hiểu các vấn đề khó khăn của người da đen. Ông Cavanagh được bầu làm thị-trưởng cũng nhờ phiếu của dân da đen, nên ông đã đưa ra những chương trình xã hội, chống nạn nghèo đói, ngõ hầu giúp đỡ người da đen.

Khởi đầu vụ nội loạn này chỉ là một sự kiện rất tầm thường. Cảnh sát tuần tiễu như thường lệ vào khu da đen ở phía Tây thành phố, nơi nổi tiếng về du-đăng và mại dâm. Họ bắt 80 người da đen thành tích bất-hảo. Nhưng ngay khi đó ngoài đường nhiều tiếng kêu : « Da đen đoàn kết » và gạch ngói được ném xuống cảnh sát như mưa. Cavanagh thay vì đem lính đến tái lập trật tự hoặc dàn xếp cho yên thì lại đưa quân ra điều võ dương oai xong lại rút quân về khiến người da đen căm tức đồ rác ra đường đốt.

Gạch ngói ném loạn xạ làm các cửa hàng bị vỡ. Và từ đó dần dà đen rầm rộ kéo đi đốt phá, cướp bóc, tạo nên một cảnh man rợ ngay trên nước Mỹ, tượng trưng cho nền văn-minh của thế kỷ thứ 20.

Thống đốc Michigan, Romney đã phải cầu cứu Tổng thống Johnson xin gửi viện binh tới. Quân đội liên-bang do tướng Throckmorton kéo tới đã dẹp được cuộc nội loạn này, nhưng hậu quả của nó rất xấu đậm và trầm trọng.

Với cuộc nội loạn ở Detroit, người ta ý-thức được tầm quan trọng của vấn đề da đen ở Hoa-Kỳ. Những cuộc bạo động giờ đây được diễn ra ở ngoài khuôn khổ của cuộc đấu tranh dành bình-đẳng với người da trắng. Các lãnh tụ da đen đấu tranh từ trước đến nay như Mục sư Luther King, ông Wilkins, ông Randolph đều lên án nặng nề bọn cuồng tín và hy vọng rằng đa số người da đen sẽ chống lại các cuộc bạo-động.

Bọn cuồng-tín giờ đây không theo khuynh hướng ôn hòa của Mục-sư King, mà lãnh-tụ của họ chính là Stokely Carmichael và Rap Brown. Carmichael giờ đây ở Cuba và chủ trương dùng du-kích chiến ở Mỹ theo kiểu Việt-Cộng để chống lại dân da trắng. Trong khi Brown kêu gọi đồng chúng đốt phá, khủng bố, Brown ngang nhiên tuyên bố là nếu người ta cho y khẩu súng thì y sẽ bắn bà Tổng thống Johnson.

Những cuộc bạo-động như trên, theo kinh-nghiệm cho ta rõ, giờ đây có thể xảy ra ở bất cứ tỉnh nào và do bất cứ một nguyên-nhân tầm-thường nào. Nhưng những cuộc bạo động này chỉ làm thiệt cho nguyện vọng người dân Mỹ da đen mà thôi. Vì tại Hoa Thịnh Đốn phản ứng

của các lãnh tụ Hoa-kỳ trước vấn đề này là một thái độ rất cứng rắn. Người ta e rằng Tổng Thống Johnson và Quốc-Hội Mỹ sẽ có những quyết-định quyết liệt có thể làm cản trở những tấn-bộ của phong-trào giải-phóng dân da đen.

Á Châu : Trung-Cộng đang gây rối loạn tại Hương Cảng.

Từ tháng 5 tới nay chính quyền Anh ở Hồng-Kông phải đương đầu với nhiều cuộc nội loạn do người của phe Mao-trạch - Đông gây ra. Lấy cớ là Ban Giám đốc một hãng làm hoa giấy đóng cửa để phản đối thợ đình-công, từng đoàn thợ Trung Cộng kéo tới Kowloon đập phá. Cảnh-sát tới can thiệp bị họ ném gạch ngói, chậu hoa. Đột nhiên mọi cuộc lộn xộn chấm dứt, nhưng đồng thời những cuộc đình công lan tràn khắp trên lãnh-thổ Hồng-Kông. Cộng-sản bắn phá các tàu bè đi lại giữa Kowloon và Hồng Kông Trung-Cộng ngừng cung cấp nước cho Hồng-Kông và muốn dùng nạn khan nước làm áp-lực để bắt chính-quyền Hồng Kông phải thương-thuyết.

Đến tháng 6, các cửa hàng thực-phẩm của Trung-Cộng đóng cửa, người ta đã cho rằng Trung Cộng muốn phong-tỏa Hương-Cảng, 4 hôm sau, các cửa hàng lại được mở lại. Nhưng đồng thời ngành chuyên chở công-nhân lại đình công. Ngay sau đó khoảng một nghìn người từ Hoa-lục tới tấn công trại lính Anh ở ranh - giới Hương - cảng và Trung - Cộng. Và từ lãnh thổ Trung-cộng, chính quyền cộng-sản oanh-kích sang Hồng-Kông. Anh gửi viện-binh tới, Trung-Cộng rút lui. Sau đó nhiều cuộc đụng độ xảy ra giữa

nhóm người của Mao và cảnh sát. Nhà cầm quyền Anh trả đũa bằng cách cho 10.000 cảnh sát gốc Hoa và 11.000 lính ngày đêm truy nã những người nổi loạn, đột nhập vào trụ-sở các tổ-chức cộng-sản, tịch thu vũ-khí, tài-liệu và bắt các cán-bộ. Tới nay có trên 3.000 người đã bị bắt.

Hiện nay các quan-sát-viên đương tự hỏi không hiểu các vụ lộn xộn này là do Bắc-kinh hướng dẫn hay là chỉ do một vài phần-tử Trung-Cộng vô-trách-nhiệm gây nên mà thôi. Đã nhiều lúc các nhà cầm quyền Anh e ngại rằng trước những khó khăn nội bộ do cuộc Cách-mạng văn-hóa gây nên, Mao-Trạch Đông muốn đánh lạc sự chú ý của dư-luận bằng cách tấn công Hồng Kông như Mao đã chiếm lại Ma-ca-o năm ngoái. Nhưng nếu muốn lấy Hồng Kông thực, Mao chỉ cần gọi điện-thoại là chính quyền Anh chỉ còn có cách ra đi. Nhưng duy trì Hồng Kông trong qui chế hiện thời lại chỉ có lợi cho kinh-tế của Trung Cộng mà thôi. Thật vậy Hồng Kông là cửa sổ của Hoa-lục mở ra phía thế-giới tự-bã Tây-phương. Chính thế Bắc-Kinh đã gửi người tới Hồng-Kông để giao thương với bên ngoài. Ở Hồng Kông hiện có tới hơn một trăm công-ty của Trung - Cộng chuyên môn bán rau và thịt. Nhờ giao thương với Hồng Kông mà Trung-Cộng thu được một mối lợi lớn là 700 triệu Mỹ kim mỗi năm. Do đó người ta tin rằng Mao sẽ không bao giờ áp dụng triệt - đề nguyên-tắc của Cách-mạng Văn-hóa tới độ cướp lại Hồng-Kông để mất một mối lợi quan trọng như vậy :

Âu-Châu : De Gaulle lại làm mọi người chú ý

Tổng thống Pháp De Gaulle trong chuyến công du Gia-Nã-Đại vừa qua đã làm dư-luận thế-giới sôn sao không ít.

Được chính phủ Gia-Nã-Đại mời sang thăm viếng chính thức, ông De Gaulle đã có những cử chỉ và lời nói khiến cho chính phủ Gia-Nã-Đại rất bất bình.

Ngay từ khi tới Gia-Nã-Đại, tướng De Gaulle đã như khiêu khích chính phủ Ottawa. Chiếc chiến hạm Colbert chở ông tới bến Québec thay vì treo cờ Gia-Nã-Đại lại trưng cờ Pháp, trái hẳn với thông lệ ngoại giao.

Phần lớn dân-số tiểu-bang Québec đều gốc Pháp, lẽ dĩ nhiên là Tổng thống Pháp được tiếp đãi trọng thể. Vài năm gần đây, một phong trào của những người Gia-Nã-Đại gốc Pháp đòi ly-khai khỏi Gia-Nã-Đại gốc Anh. Phong trào này nhiều lần đã tổ-chức những cuộc bạo động như đe dọa sát hại Nữ Hoàng Anh Elisabeth và cũng là Nữ-Hoàng Gia-Nã-Đại. Họ đòi một xứ « Québec tự do ».

De Gaulle từ nhiều năm nay cố gắng thắt chặt giây thân hữu Pháp — Gia Nã-Đại, và cũng vì sự hiện hữu của dân Gia-Nã-Đại gốc Pháp mà chính-phủ Gia-Nã-Đại đã hết sức o bế De Gaulle.

Đầu óc luôn luôn được nuôi dưỡng bằng những trang sử vẻ vang của nước Pháp khi còn là chủ Gia-Nã-Đại, lần này De Gaulle hết sức cảm động trước sự tiếp đón nồng nhiệt của dân Québec nên ông đã không ngần ngại hô « Québec tự do muôn năm ! ». Những tiếng « Québec tự do » lại là khẩu hiệu của phong trào ly khai. Lập tức tại đường phố Québec người ta dán những biểu ngữ : « De Gaulle đã nói : Québec tự do ». Phong trào ly khai đã triệt đề khai khác sự đồng tình của De Gaulle.

Ngoài ra De Gaulle còn ví cuộc hành trình của ông ở Gia-Nã-Đại như là cuộc hành trình của ông ở bên Pháp năm 1944 khi ông giải-phóng Pháp

Trước thái độ đồ dầu vào lửa của De Gaulle chính phủ Trung ương Gia-Nã-Đại e rằng nếu De Gaulle tiếp tục thì Gia-Nã-Đại sẽ bị tan vỡ, hơn nữa De Gaulle đã ngầm ủng hộ một phong trào trước đây đe dọa sát hại Nữ-Hoàng. Như vậy cử chỉ của De Gaulle được coi là bất thân-hữu nếu không là bất-nhã đối với một nước mà De Gaulle đang là thượng khách.

Thủ tướng Gia-Nã-Đại, Pearson trong một bản tuyên-ngôn, đã chính thức tuyên bố rằng những lời lẽ của De Gaulle là một điều « không thể chấp nhận được » và Gia-Nã-Đại là một nước tự do không cần đến ai giải-phóng.

Đến lượt De Gaulle thấy lời tuyên bố của Thủ tướng Pearson là « không thể chấp nhận được » và giận dữ bỏ về không đến thủ đô Ottawa nữa.

De Gaulle sở dĩ đã hành động một cách lạ lùng, trái với nguyên-tắc của bang-giao quốc-tế như vậy, là vì ông luôn luôn bị ám ảnh bởi vai trò của Pháp trên bình-diện quốc-tế. Ông không bỏ lỡ một cơ hội nào để xác-nhận tầm quan-trọng của nước Pháp dù phải gây nên khủng-hoảng cho một nước bạn.

Ông còn muốn phá Mỹ nữa, vì theo ông. Gia-Nã-Đại là một « chư hầu » của Mỹ. Gây khó khăn cho Gia-Nã-Đại tức là gây khó khăn cho Mỹ. Hơn nữa nếu dân Gia-Nã-Đại gốc Pháp ly khai họ sẽ lập một quốc-gia riêng ngay trên Mỹ-Châu và tỏ cho Hoa-Kỳ biết rằng lực lượng của Pháp chính-quốc là đáng kể.

Nhưng ông De Gaulle đã không đạt được kết quả mong muốn. Dư-luận ở ngay Pháp cũng coi là ông đã đi quá xa và nguy hơn nữa người ta đặt câu hỏi không biết với tuổi già hiện nay ông De Gaulle còn đủ minh mẫn nữa không ?

TÙ - TRÌ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...**

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.**

kịch bản – diễn viên – khán giả qua hai đêm thoại-kịch

NGƯỜI GIẾT TẦN-CỐI

1. Phan Tùng Mai là một trong những người cố gắng viết kịch còn lại trong khi người đứng lãnh giải thưởng Văn chương toàn quốc về bộ môn kịch với anh là Dương-Kiến đã dừng chân dưỡng sức. Nhưng tới nay, anh mới chỉ viết kịch ngắn, loại đề đọc và loại đề khai thác trên làn sóng điện. Nay anh ném lên sân khấu Thống Nhất, giữa mùa mưa, vở kịch dài *Người Giết Tần Cối* để muốn dựng lại mùa thoại kịch vốn đã khô héo, trĩu trệ trong vòng lẩn quẩn không có kịch bản nên không có diễn viên và không có trình diễn, và không trình diễn nên không có kịch bản.... Sở dĩ Phan Tùng Mai làm nời, là một phần do sự cố gắng của anh, nhưng một phần là do sự khuyến khích và yểm trợ của chính quyền. Tấm biểu ngữ trước sân khấu ghi như thế. Và đêm đầu của công việc anh đang làm cũng nói như thế.

2. Với bốn chữ *Người giết Tần Cối*, dư luận thật vô cùng phân vân. Không biết đây là loại kịch gì? Phóng tác theo truyện Tàu như các gánh cải lương đề có những vai hề ra chọc cười hoặc ngâm nga sáu câu cho thật mùi? Đề chứng minh cho sự lầm lỡ đó, một vài bà đã bỏ ra về khi màn buông xuống ở phút thứ 40 hiệp nhất với những lời lầm bầm gì mà nói hoài, không ra chi cả. Lại cũng có người nghĩ rằng, vở kịch này phải chẳng mượn tên Tần-Cối, một tên gian thần thời xưa để làm một màn tuyên truyền cho thời nay. . Thế nên chỉ còn một số người chót mê thoại kịch, hoặc được vé mời thì cố gắng tới xem coi có gì lạ không.

3. Quần chúng rất xa lạ với những hoạt động của cái gọi là Nhóm Bạn Thoại Kịch. Ai là nhóm này? Có phải ông Duy Lân và bà Túy Hoa? Hay ông Tùng Lâm, Phi Thoàn? Hay mấy ông mang tên Ban Kịch Nghệ Thuật lại hóa trang lẫn lộn

dưới danh hiệu mới ? Chính vì những điểm ấy, Nhóm Bạn thoại kịch cần cho thiên hạ biết mặt biết tên trước một thời gian. Đằng này, ngược lại, nhóm này lại quá khiêm tốn. Cái mãi trước một hôm trình diễn, một vài báo, nơi trang tám mới có ít hàng quảng cáo vắn tắt sơ sài như với một số bạn hàng đã quen. Những người hôm đó, vì lẽ gì không đọc báo là không bao giờ biết tới Nhóm Bạn Thoại Kịch. Những người đọc báo thì lại nghi ngại. Gì mà gấp thế ? Lại có Bộ Văn-Hóa dính vào nữa. Thôi chắc là chính quyền vì nhu cầu của thời cuộc, phải vội vàng đề ra một tác-phẩm gọi là Nhóm Bạn Thoại Kịch vô thưởng vô phạt để tuyên truyền mục gì đây. Khi xem kịch về, người xem mới hơi thông cảm nhóm người làm nghệ thuật này. Vậy thiếu tiền hay thiếu kinh nghiệm thương mại ?

4. Hiện nay, vẫn lai rai xuất hiện những ban và những màn thoại kịch. Nhất là từ khi có vô tuyến truyền hình thì ban kịch được khai sinh nhiều hơn. Tên các ban nghe còn lạ tai, khó nhớ. Nhưng diễn viên quanh quẩn chỉ có một vài ông nghêu ngao như con dao phay, muốn thái thịt hay bõ củi cũng được. Các ông bà này, có thể không tự phụ khả năng mình như các giáo sư trường quốc gia kịch nghệ, nhưng sở dĩ thủ nhiều vai trò, là vì hoàn cảnh, vì kế sinh nhai. Kịch bản thì cũng luộm thuộm, quanh quẩn trong các tình tiết chọc cười gây ngô hoặc xin tí nước mắt của những quí bà quí cô chưa bao giờ được khóc qua mục con hoang con lạc. Thành ra mãi đi, kịch thành thứ nhàm chán. Và kịch là cười. Giản dị và tai hại thay cho kịch. Hình như (lại hình như) con đường mòn dẫn vào tử địa này cũng ảnh hưởng khá mạnh trong các diễn viên của nhóm bạn thoại kịch rồi. Nên một Mỹ Tín từ vai một trí thức lưng danh lại xuống diễn với cử chỉ lỗ lã vụng dại. Đến La Thoại Tân, Vãn Thiệt Đỗ Anh cũng cùng một thái độ đó.

5. Như đã viết, diễn viên của sân khấu thoại kịch nay còn ai trong những người đã sống với kịch nghệ ? Những người còn lại này đã ảnh hưởng những thứ kịch phụ diễn nhiều quá. Những người mới lại hiếm hoi. Một trường quốc gia kịch nghệ đào tạo ra mỗi năm bao nhiêu diễn viên ? Và những diễn viên đó khả năng ra sao ? Ở trên sân khấu nhóm bạn. Thoại kịch có cô Đỗ-Anh là ở trường hợp này và chính cô sẽ đánh giá vai trò của trường cô xuất thân. Tóm lại điểm trên sân khấu Người giết Tàn Cối thì tuy đã tuyển chọn, tổng hợp nhiều đợt diễn viên, nhưng sự thành công vẫn chỉ tương đối, e rằng nhóm này khó lòng đi xa hơn nữa nếu không tăng cường được những nhân tài khác.

6. Điểm đặc biệt của nhóm Thoại kịch là không thấy ghi tên người đạo diễn. Chỉ có dàn cảnh là Thiếu Lang. Vậy phải chăng Thiếu Lang kiêm luôn đạo diễn hay trả nhiệm vụ này cho người lập nhóm là Phan Tùng Mai ? Dù giả thuyết nào đúng chẳng nữa thì cũng đều chứng tỏ một điểm yếu là nhất định người đạo diễn đó không đủ uy tín để bắt buộc diễn viên phải giữ đúng vai trò. Sự không ghi tên đạo diễn có ý nghĩa đó, hơn là do tập thể đạo diễn, bởi trong thành phần diễn



Kiều Hạnh, Văn Thiệt và Mỹ Tín trong vở kịch « Người giết Tần Cối ».

viên, có người là giáo sư trường kịch nghệ là Mỹ Tín, có người là luật sư như Duy Trác, có người là nhà nghề như Kiều Hạnh. Thật là khó chọn một ông đạo diễn cho các nhân vật này. Sự yếu kém của nhóm bạn thoại kịch ở đêm trình diễn thứ 2 chính là ở thái độ tự tôn của diễn viên.

7. Nội dung vở kịch dài 3 màn Người giết Tần Cối có điểm đặc biệt là thoát ra khỏi không khí và khung cảnh của thời đại chiến tranh. Trong phòng kịch không khí thật êm đềm, thanh thản với những vẻ đẹp của nghệ thuật, với những tiếng cười đôi khi thật cợt mớ tự nhiên. Tác giả đã định viết một vở kịch mang một luận đề không quyền xét đoán tư tưởng người khác. Luận đề đó được đặt trong tư tưởng và ngôn ngữ của bà vợ vị luật sư đã bạc đầu trong nghề. Không quyền xét đoán tư tưởng người khác. Đó? Thôi, đề chiều tác giả xin khỏi xét đoán tư tưởng đó có đúng không ở đây. Trở lại sân khấu, kịch xoay quanh một vụ án mạng. Một người giết một kép hát trên sân khấu đóng vai Tần Cối. Tại sao hắn giết? Vì ghét Tần Cối? Hay vì ghen với tên kép hát đã thâm vụng giao thiệp với vợ mình? Hai ông Luật sư cãi nhau cho hai chiều hướng phán xét đó, Nhưng sự thật là đâu khi kẻ giết người bị điên và tử nạn. Kịch bố cục trong ba màn, mỗi màn khoảng 40 phút. Về kỹ thuật viết kịch, Phan Tùng Mai đã chứng tỏ một khả năng già giặn. Nhưng đáng tiếc, theo ý một số người thưởng

lâm là ít tình tiết quá. Mà một buổi xuống như rơi vào hư vô, trong sự hồ hững của khán giả. Ngoài ra các tình tiết lại diễn biến quá mau. Đột ngột thật. Chỉ trong vài ngày, người đàn bà có chồng bị tu vì giết người đã biến chuyển từ thái độ âm mưu thuê người nguy tạo sự kiện để lừa luật sư, muốn nhờ tòa án xử tử chồng mình để chiếm gia tài. Rồi chuyển sang lấy ngoại kiều. Từ lúc ghét cái anh chàng luật sư Hiệp tới độ mắng những lời tàn nhẫn đến cảnh gọi anh chàng này lại nhà để kể chuyện tâm tình. Rồi tới báo tin cho luật sư trẻ tuổi này hay, dù phải đi tìm ông này, những sự việc của câu chuyện. Như vậy có thật hợp lý không?

8. Khán giả của mỗi đêm chỉ khoảng 300 người. Đêm đầu trời mưa lớn, thì có khán giả được mời tới coi. Sang đêm sau, trời quang nên có người mua vé ở rạp ngay giờ trình diễn. Đó là điểm hay, suy rằng do dư luận tốt đẹp từ đêm trước. Nhưng nhờ ở sự thất bại về tài chánh mà hai đêm kịch được ưu điểm là có một số khán giả chọn lọc, yêu thoại kịch, muốn được thưởng thức thoại kịch sau nhiều năm vắng bóng. Phòng hát thật thân mật, ấm cúng như một buổi tiếp tân. Hoàn toàn im lặng để nghe từng tiếng nói của diễn viên. Khi táa thường thì vỗ tay. Khi thích thì cười nhẹ một chút. Rồi im lặng. Không có tiếng trẻ con khóc như ở đại nhạc hội hay rao kem rao quạt ở rạp cải lương. Nhìn số khán giả đó, nói chung thật đáng khích lệ cho người làm nghệ thuật. Nhý rằng họ đã đi dù trời mưa hay sắp mưa và ở nhà có TV đang tuyển lựa giai nhân bay bướm.

9. Vai trò nòng cốt là Kiều Hạnh. Vợ một luật sư đứng tuổi. Để nói những câu mà tác giả muốn nói. Nhưng phần diễn xuất có thành công thì phần đối thoại lại xa xút. Kiều Hạnh không thuộc vở. Có câu nói đáng nhớ thì lại hình như không hiểu câu đó nghĩa lý gì, nên nói thật vô duyên và mất cả nghĩa vì âm điệu và ngắt quãng. Dù sao cũng đáng khen. Khen rằng Kiều Hạnh trên sân khấu. Người Giết Tàn Cối khác hẳn Kiều Hạnh trên truyền hình hay đại nhạc hội.

10. Ông già Mỹ Tín đóng vai một luật sư đứng tuổi. Đêm đầu, ông rất có phong độ hiểu vai trò, giữ đúng nét của con cáo già luật pháp. Nhưng sang đêm sau, rất không hiểu sao Mỹ Tín đã cố gắng một cách tận tình để chối bỏ sự thành công đang có của mình. Ông thích làm cho khán giả cười. Ông có bị ảnh hưởng của nền thoại kịch Tân Dân Nam không đấy? Luật sư gì mà làm những cử chỉ lơ lửng như khi giữ bác sĩ Huy lại và diễn một cách rẻ tiền như khi con gái cưng của ông chửi người bạn của ông trước mặt ông. Rồi thì muốn ngồi thì ngồi muốn đứng thì đứng, tùm lum. Thật là buồn khi mới sau 1 ngày mà lời khen tặng đã mất ý nghĩa.

11. Tới nhân vật mới trên sân khấu là luật sư thiết thọ Duy Trác đóng vai luật sư Hiệp. Anh này y như người tập sự chưa xong. Nếu người xem hiểu rằng vai trò của anh là phải nóng nảy, hấp tấp thì anh lại quá điềm đạm, ông cụ non, chỉ thích kiểm ghế đề ngồi cho đỡ mỏi lưng ở đêm đầu và đêm sau thì chuyên môn thọc tay vô túi quần. Chính vì sự thiếu nóng giận của anh mà anh Phan Tùng Mai đã lãnh một lời chỉ trích khá đau đớn : viết kịch có mẫu luật pháp mà không hiểu luật pháp là gì. Đó là chỗ luật sư không hiểu tài liệu do thân chủ cung cấp. Giá anh nóng nảy, xé cuốn truyện đó, rồi gầm thét đòi đốt thì không sao, đằng này anh ngồi lì, gật gù nói với người em văn nghệ thật chậm chạp như ngâm thơ Nguyễn Bính, đốt hộ anh đi em.

12. Diễn viên xuất thân từ trường quốc gia kịch nghệ là cô Đỗ Anh. Cô đóng vai con cưng của vợ chồng luật sư Minh. Đêm đầu, cô diễn xuất được. Sang tới đêm thứ hai, cô Anh đã làm vỡ kịch hồng và mang tiếng cho con nhà gia giáo. Cô nói vung mạng, bắt chấp một vai trò. Rồi trang phục cũng thế. Khi đi chơi, mặc chiếc áo màu vàng. Khi trở về, mặc chiếc áo màu xanh. Cô thay áo ở đâu ?

13. Tài tử La Thoại Tân rất cố gắng để nhớ anh đang ở sân khấu thoại kịch chứ không phải đại nhạc hội hay kịch Kim Cương. Rất đáng khen. Tuy nhiên cánh tay cái lương, Giọng nói đại nhạc hội vẫn bám anh quá chặt, khiến khi anh hứng lên là miễn lễ với ông đạo diễn liền. Nếu đời vai trò của La Thoại Tân với Duy Trác cho nhau, có lẽ sẽ hay hơn.

14. Văn Thiệt là người giữ vẹn cảm tình trong hai đêm trình diễn. Anh diễn rất tự nhiên ? Lời nói trầm ấm, pha trò có duyên.

15. Vợ người giết Tần Cối thì do Diễm Kiều đảm nhận. Diễn viên này giữ trọn nhiệm vụ. Có nhiều chịu khó trong cách hóa trang và cử chỉ. Hai đêm y hệt nhau chứng tỏ chịu nghe lời và chịu tập.

16. Tóm lại, mùa thoại kịch, theo như Phan Tùng Mai quảng cáo, tuy rằng trước ít hôm cũng có một đêm kịch của nhóm Nguồn Sống tại trường quốc gia âm nhạc, đã mở màn. Một cố gắng đáng khen của Nhóm Bạn Thoại Kịch. Khán giả ít, thất bại về tài chánh, nhưng hãy nghĩ rằng đó là một thất bại cần thiết cho người đi sau. Thời buổi này mà, đã có ban kịch nào đáng để khán giả bỏ chút thì giờ và đội mưa gió tới coi. Cố gắng thêm để đi xa. Nhưng cần nhất là cố kiểm lấy một ông đạo diễn.

THUỐC
NƯỚC ĐƯỜNG **PIPEROL FORT**



TRỪ HẾT GIUN SÁN
THƠM NGON
DỄ UỐNG
KHỎI KIÊNG CỬ



CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

3, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20.831 — SAIGON

Nường Náu

Thơ TRẦN-THỊ TUÊ-MAI

Nắng đi cây ngủ đôi bờ
tiếng ru lau lách dòng xưa chợt buồn

Anh từ đó vẫn cô đơn
tôi từ đó bến đá buồn tịch liêu

Nước dâng một sớm một chiều
trăm con suối ngọt ngào reo hát về

Anh từ đó vẫn đam mê
tôi từ đó cánh bướm che ấm nồng

Bãi dài chạy miết triền sông
gió hôn tóc cỏ ấm lòng thân xanh

Anh từ đó vẫn phiêu linh
tôi từ đó những khúc quanh ngõ ngang

Tay mềm xoa mặt trường giang
yêu con nước ngọt yêu hàng rong tơ
nắng đi cây ngủ đôi bờ
sương loang dòng nhạt sầu xưa bập bênh

bài Ý-Yên

Thơ MÊ-KUNG

★ đề tặng Ý-Yên sau khi 1 bài cho
MêKung trên Bách-Khoa Thời-Đại

● Anh chừ đại-úy vui không
ba mai ngực áo nở hồng đời chưa ?
hay còn nằng hạ vàng trưa
buồn hoang cừ mãi đong vĩa lời thơ ?

● Từ « ngựa-xuống-núi » đến giờ
Tôi rong tuổi đã mịt mờ Tương-Lai
đôi chân sỏi đá đường dài
gỗ từng mỗi mệt, u-hoài tháng-năm
« Lờ-ca-du-tử » âm-thầm
Anh mang hoài vọng trong tâm tay thôi
Sầu ngàn ngút tự trong tôi
làm ngọn lửa « đốt-tuổi » đời cho vui

● hai tay còn bải ngậm ngùi
dấu chân ngày tháng đã vùi thanh xuân
thôi tôi tiếp tục hành quân
đọc thơ anh với nỗi buồn mang theo
ôi, ngựa trắng lưng đeo !!!

(trích : đốt tuổi)

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

TRÀNG - THIÊN

Của báu trên đời

Theo Françoise Sagan, ở đời có ba thứ quý giá, đó là đêm khuya, rượu và sự mệt mỏi.

Thời gian vốn là một cái gì gãy vụn, cắt xén. Nhưng bắt đầu từ nửa đêm về sáng thì thời gian hết bị cắt xén như lúc ban ngày ; bắt đầu từ khuya ta có thứ thời gian nguyên lành. Và lại bấy giờ con người hết hấp tấp, vội vã, bận rộn, họ trở nên thoải mái, dễ cởi mở. Bởi vậy, đêm quý hơn ngày.

Còn sự mệt mỏi ? Đó là một kẻ đồng minh. Lúc mệt nhoài ra rồi người ta hạ khí giới xuống, người ta hết đưa ra những điệu bộ giả dối như đưa ra cái mặt để chống đỡ với kẻ khác. Cho nên hết mệt mỏi, thì người ta cởi mở, thành thực, dễ thân.

Rượu ? Rượu thì thôi khỏi nói, khỏi cần cắt nghĩa. Dù tối dạ đến đâu cũng phải thấy nó là thứ quý.

Hùng khí

Nhưng thấy rõ nhất chắc không ai hơn Norman Mailer, đệ nhất anh tài văn học nước Mỹ, theo nhận xét của Romain Gary.

R. Gary cho rằng N. Mailer ở Hoa-kỳ cũng đóng vai trò tựa như J. P. Sartre ở Pháp : cũng vừa viết văn vừa

làm chính trị, cũng thường gây dư luận ồn ào.

Đời tư của N. Mailer có nhiều điểm xuất sắc hơn của Sartre. N. Mailer có bốn vợ, ham đánh *boxe*, ham rượu, và tình thoáng có múa dao một lần.

Rượu thì nhậu say xong, N. Mailer thường trèo tới tận nhà, đi qua đi lại cho bạn bè hoan nghênh la ó vang dậy.

Múa dao thì múa thật sự ; có lần ông đâm bà vợ thứ ba một nhát, chỉ cách quả tim có vài ly. May mà nằm bệnh viện ít lâu bà thoát chết. Kết quả, N. Mailer có một bài thơ :

Bao giờ
người ta
còn
có thể
sử dụng
một con dao
thì tức là
hãy
còn
một chút
ái tình.

Điệu thơ nghe thánh thót, tí tách như sương rơi. Nếu ý tứ không ba gai, người ta đã ngỡ là một thứ thơ Bạch-Nga !

Rượu chè, đấm đá, đâm chém... thế chưa đủ. Lại còn gái nữa. Truyện của N. Mailer, những đoạn nói về gái, thô; thì phải biết.

Tất cả những đặc điểm ấy, Romain Gary cho rằng đều thuộc truyền thống dân-tộc của Hoa-Kỳ. Jack London là thủy tổ. Sau đó, nào Hemingway, nào Fitzgerald, nào Henry James, đều tạo ra những nhân vật sống hùng sống mạnh như thế. Lúc nào người Mỹ cũng cần chứng tỏ cái hùng khí cái cường tráng (virilité) ấy.

Gớm, mãi nói đến người, R. Gary khiêm tốn quên xứ mình với những F. Sagan. Mỹ có trai hùng thì Pháp lại sẵn gái anh thư. Kém gì nào.

Cuốn sử gian nan

Đó là cuốn *Lịch sử đảng Cộng sản Liên bang xô-viết*, cuốn sử trong đó có sự góp phần của một nguyên thủ quốc gia : Staline. Staline đã góp phần trước tác thế nào mà hai mươi tám năm sau, người ta đành phải viết lại cuốn đó.

Tập phải sửa chữa nhiều nhất là tập thứ IV kể lại các sự việc từ cuộc Cách mạng 1917 về sau. Ở đây Staline tha hồ bóp méo về tròn ; đại hội Cộng sản năm 1956 quyết định giao cho một ủy ban soạn thảo do ông Hàn lâm Pospelov tu chỉnh lại. Công việc tiến hành mười năm và năm nay sách ra đời trong sự

xôn xao của giới lãnh đạo Nga xô.

Tờ *Literatournaya Gazeta* của Nga nhân đó có kể một câu chuyện như sau : Một vị giáo sư già lúc sinh thời vẫn dạy học trò hai với hai là chín. Giáo sư ấy về hưu, hội đồng giáo khoa họp lại thảo luận : nếu bỗng nhiên nói toạc ra hai với hai là bốn, sự phát giác đột ngột sẽ gây xúc động tâm lý tai hại, vậy nên tiết lộ chân-lý từ từ, hãy bảo rằng hai với hai là bảy.

Trong khi ấy có những học sinh rất là bướng bỉnh khó dạy cứ trộm lén phổ biến cái chân lý hai với hai là bốn. Và những phần tử cấp tiến thì chủ trương hai với hai là ba. Lại có những nhóm siêu cấp tiến hô to : hai với hai là một. Tình thế hóa ra lộn xộn rắc rối.

Vị « giáo sư già về hưu » gây khó khăn cho thể hệ sau nhiều quá. Viết sử bê bối cũng ông ấy, mà dạy toán lếu láo cũng ông ấy.

V. như Việt-nam

Kịch là thứ tương đối khó tiêu thụ dưới hình thức sách. Bởi vì quần chúng có thể và thích thưởng thức nó trong hí viện. Vậy mà nhà *Le Seuil* vừa mới có quyết định cho ra đời một loại mới đặt tên là « *Théâtre* », dĩ nhiên là xuất bản toàn kịch, nhất là kịch mới, thứ kịch hôm nay.

Cuốn đầu tiên là *V. như Việt-nam* của Armand Gatti.

TRĂNG-THIÊN

(Tháng VIII)

Hội-thảo về « Mục tiêu Quốc-gia »

Tuy được tổ chức tại Đà Lạt, (1) vào mùa mưa và tuy một số hội-thảo-viên được mời đã không tới vào giờ phút chót, ngày khai mạc vẫn đông người.

Thành phần tham dự thuộc đủ mọi tầng

(1) Do Viện Đại-Học Dalat tổ-chức, dưới sự bảo trợ của Hội-đồng Viện-trưởng từ 24-7 tới 30-7-67.

lớp: Giáo-sư đại-học, trung-học, dân biểu quốc hội, đại diện tổng liên đoàn lao công, kỹ nghệ gia, thương gia, chính trị gia đã từng hoặc đang ở trong chính quyền, sinh viên.v.v.

Phòng hội thảo trang hoàng khá đẹp đẽ. Ngoài khung cảnh thường lệ người ta còn nhận thấy một bình lớn, cắm đầy hoa glaiêul, đèn rọi trên bàn chủ tọa và bàn thuyết-trình-viên. Có thể nói cách tổ chức rất chu đáo, nếu không có việc ban tổ chức đã sơ ý sắp một chiếc ghế gầy khiến cho ông Viện trưởng đại-học Saigon té bở nhào.

Mở đầu cuộc hội - thảo, L.M. Viện trưởng Đại học Dalat đọc diễn văn khai mạc nói về sự góp phần của đại học ngày nay đối với tình trạng hiện tại của đất nước. Kế đó ông Viện trưởng Đại học Saigon thay mặt Hội đồng viện trưởng ngỏ lời cảm ơn ban tổ chức và mong các hội thảo viên sẽ tìm ra những giải pháp cho «những vấn đề sống còn của đất nước». Cả hai vị đều nhấn mạnh tới tính cách dẫn thân của đại học.

Sau khi bầu chủ tọa đoàn (gồm 9 vị thay phiên nhau làm việc), cuộc hội thảo bắt đầu và kéo dài trong một tuần với những đề tài từ : «Ý thức quốc gia V.N» đến «quan-niệm của người quốc gia về hòa bình» «tái thiết kinh tế», «Tái thiết nông thôn».

Thoạt tiên Giáo sư Nguyễn-Khắc-Dương nói về Ý Thức Quốc Gia Việt-Nam và đặt vấn đề cho những «Mục tiêu quốc gia» để thảo luận. Giáo sư đã đề cập tới những yếu tố tinh thần, vì «ý thức quốc gia tùy thuộc vào ba yếu tố: tình cảm hiện tại, vinh dự trong quá khứ, ước vọng trong tương lai». Ông cũng nói tới các mối đe dọa sự hưng vong

quốc gia. Đó là sự khiếm khuyết ý thức quốc gia, và chủ nghĩa quốc gia quá khích cả về hai mặt đối nội và đối ngoại. Phần quốc gia Việt Nam không được ông đề cập tới.

Với đề tài « Con người trong cộng đồng quốc gia », G.s. Bùi-Xuân-Bào bày tỏ quan điểm như sau : Con người trong cộng đồng quốc gia có những tương quan mật thiết với tha nhân và có tinh thần hướng thượng. Con người Việt-Nam cùng chung một lịch sử nên có những nhu cầu và nguyện vọng chung về nhân sinh, văn hóa, giáo-dục, xã-hội v.v... Trong cộng-đồng quốc gia, chỉ có thể áp dụng một chính thể dân chủ mới có thể phụng sự được con người với tính cách đa-tính (politique pluraliste). Chính-sách đa-tính sẽ làm cho quốc gia phồn thịnh, đồng thời tôn trọng quyền tự do của cá nhân.

Giáo sư Vũ-Quốc-Thông thuyết-trình hai đề-tài một lượt : «Những định chế cũ của nền dân-chủ » và «Ý-thức dân-chủ trong chính quyền và trong nhân dân». Về những định chế của nền dân-chủ, ông cho rằng cần phải có những định chế dân chủ cần thiết như sau : «Sự hiện-hữu của hệ-thống pháp-luật, sự áp dụng nguyên-tắc phân-quyền, và sự thể-hiện nguyên-tắc thượng tôn pháp luật. Nhưng những định chế dân-chủ trên chỉ có thể áp dụng đứng đắn nếu cộng-đồng phát triển được ý-thức dân-chủ ở trong và ngoài chính quyền.

Như vậy « Những ý-thức dân-chủ trong chính quyền và nhân dân » phải được phát triển như thế nào ? Ở đề-tài thứ hai này ông cho rằng muốn có ý-thức dân chủ ở trong và ngoài chính-quyền cần có sự huấn chính, tức là giáo dục chính-trị. Giáo-dục bằng hội-đoàn, chính đảng và ngay cả các cơ quan hành

chánh. Ngoài ra cần phải dân-chủ-hóa các cơ-cấu hành-chánh hay chuyên-môn trong cơ-cấu quốc-gia.

Nhưng ở các nước chậm tiến không phải có định chế dân chủ là có được ý-thức dân-chủ hay là hành vi dân-chủ. Với « Những trở ngại trên đường dân chủ : Chiến tranh và chậm tiến » giáo sư Trần-Chánh-Thành cho rằng tình trạng thiếu thực-thi dân chủ là tình trạng chung tại các nước chậm tiến. Ở Việt-Nam vấn-đề còn khó khăn hơn vì đang mắc phải chiến tranh. Chiến tranh với những hạn chế tự-do của con người trong cộng đồng, hạn-chế và trì hãm thực thi dân-chủ. Cũng theo ông, đề đạt tới chế-độ dân-chủ trong hoàn cảnh hiện tại cần phải : giải quyết tình trạng chậm tiến kinh tế, có một chính quyền độc lập đối với tất cả mọi áp lực, một chế-độ mạnh mà không độc tài, và một hệ-thống chính-trị tiến-bộ.

Người nói chuyện về một vấn đề mà hiện dư luận đang sôi nổi là Luật sư Trần-Văn-Tuyên. Ông nói về « Quan-niệm của con người quốc gia về hòa bình ».

Sau khi phân tích cuộc chiến tranh hiện tại, bắt nguồn từ 27 năm lịch sử đau buồn nhưng cũng là một bài học quý giá, ông đề cập tới những giải pháp hòa-bình hiện-tại của Việt-Nam Cộng-Hòa và Bắc-Việt, Mặt-Trận Giải-Phóng, Hoa-Kỳ, U Thant, De Gaulle, Indira Gandhi, Ngoại trưởng Gia-Nã-Đại Martin, ngoại trưởng Anh Brown, ông cũng không quên cắt nghĩa những nguyên-nhân thất bại. Sau cùng ông cũng thử đi tìm một đường lối hòa bình, nhưng theo ông, điểm quan

trọng nhất không phải là chỉ ước muốn hòa bình, bởi vì hòa-bình sớm hay muộn rồi cũng phải tới ; điểm quan trọng chính là làm sao chuẩn-bị hòa-bình, vì những kinh-nghiệm của 27 năm lịch sử đã làm ông lo ngại. Thiếu chuẩn bị, thiếu những phần-tử chịu hi-sinh, người quốc gia làm sao có thể gìn giữ nền hòa bình với cộng-sản được khi có sự hiện-diện của cộng-sản trong tổ-chức chính-phủ liên hiệp, và nhất là, đối với cộng-sản, hòa-bình chỉ là một giai-đoạn tạm thời để chuẩn-bị chiến-tranh ?

Tiếp theo « Quan-niệm của người quốc gia đối với vấn-đề hòa-bình » giáo sư Vũ Quốc Thúc bàn vấn đề tái thiết kinh-tế, sau khi chiến tranh đã chấm dứt. Theo ông, kinh tế thời hậu chiến có thể phục-hưng hay không trước tiên là tùy thuộc ở các quyết định chính trị như là : vấn đề thống nhất, quan-hệ kinh tế bình thường, bành trướng khu vực quốc-doanh, dung-hòa nhu cầu phát triển với nhu cầu xã - hội. Sau đó ông đề - nghị những mục - tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, cùng nói tới chính-sách kinh-tế trong tương lai. Ông chủ trương lợi dụng triệt để phục hưng kinh tế, canh tân kinh tế về mọi ngành, xây dựng kinh-tế trên tài-nguyên sẵn có, tăng cường quan-hệ kinh-tế với các nước Á-Châu...

Một phạm vi nhỏ hẹp hơn về kinh-tế là « chính-sách kinh-doanh » do ba thuyết-trình-viên trình bày. Giáo sư Trần Long đề nghị nên có một chính-sách kinh doanh một cách rõ rệt gồm ba điểm chính : khuyến khích tư-doanh, quốc-doanh, sự kiểm soát của chính phủ

nên thiên về thủ-tục hơn là thực-chất, và nên tách rời các trung-tâm quyền-lực: tôn giáo với nhà nước, nhà nước với kỹ nghệ, nhà nước với lao động, kỹ nghệ với lao động. Giáo sư Phó-Bá-Long nhận xét về tiếp-thị và thị trường quốc gia. Ông nhận thấy có một sự chênh lệch cơ-cấu về sự tiêu-thụ và tiếp-thị. Sau đó ông đưa ra giải pháp « Chính sách nông doanh ». Trong chính sách nông doanh này người có thẩm quyền phải coi nông-nghiệp như một xí-nghiệp kỹ-nghệ, ngoài ra ông cũng mong muốn có một chính-sách sản-xuất và tiếp thị kỹ-nghệ-phẩm cho nông thôn. Ông Đỗ-Uyên, giám-đốc kế-hạch của hãng Esso, đề-cập tới « vấn-đề đầu tư ». Với kinh-nghiệm của ông, ông biết Việt-Nam với những hoàn-cảnh khó khăn hiện tại, vừa chiến tranh vừa chậm tiến, không lôi cuốn được tư-bản ngoại-quốc. Hơn thế nữa, ngay ở Việt-Nam, ý-thức đầu-tư cũng hãy còn mù mờ. Sau đó ông đề nghị các giải pháp tiết-kiệm, sửa đổi luật-lệ đầu-tư, thuế khóa. Ông cũng nói tới phương-thức đầu-tư bằng quốc-doanh hiện nay đã thất bại.

Đề-tài sau cùng được hội trường đem ra thảo luận là « vấn đề tái thiết nông thôn ». Ông Lưu Mậu-Thành đã cho biết sự giảm sút năng xuất của các ngành lúa gạo, cao su, các hoa màu khác, chăn nuôi, ngư nghiệp và lâm sản. Những lý do của sự giảm sút năng-suất của các ngành đó là vì : tình trạng chiến tranh, đồng bạc sụt giá, thiếu thốn viện-trợ kỹ thuật, và chính sách nông thôn thiên về mặt chính-trị hơn là kinh-tế. Chương - trình đề - nghị sửa

đổi gồm có : ngay từ bây giờ huấn luyện chuyên viên canh nông, tăng thêm sản xuất bằng cách tăng năng suất tại các vùng an ninh, theo dõi chăm nom tình-trạng hoa màu, nghiên cứu lại giá cả nông phẩm để khuyến khích các nông gia, bồi thường mau lẹ cho các nông-dân khi bị chiến tranh làm thiệt hại. Ngoài ra ông cũng đề-nghi một chương-trình tái-thiết nông-thôn thời hậu-chiến.

Nhìn vào thành-phần các hội-thảo-viên, cùng với các đề-tài thuyết trình lớn lao và thời gian kéo dài một tuần, mọi người tham dự hoặc theo dõi đều hy vọng rất nhiều vào cuộc hội-thảo. Nhưng thực ra cuộc hội thảo có đáp ứng được sự mong đợi đó hay không ? Dù thông-cảm với những cố gắng của ban tổ-chức, chúng ta vẫn phải thành thực nhận rằng, nếu mục đích của cuộc hội-thảo là mong giải-quyết những vấn-đề cấp thời cho thời-cuộc, những vấn đề « sống còn của đất nước », thì cuộc hội thảo đã không thành công nếu không muốn nói là thất bại.

Đa số các thuyết-trình-viên cũng như hội-thảo-viên đều là những người quen nói trước công chúng, nên cách diễn-đạt hùng hồn, sáng sủa, nhưng buổi hội thảo cũng không gây được bầu không khí sôi động. Vào những ngày cuối, các hội-thảo-viên hoặc vì lý do này hay lý do khác đã bỏ về, và hội-trường càng ngày càng vắng người hơn. Không khí của cuộc hội - thảo về sau càng uể oải. Khi ra về, những mục - tiêu quốc gia chắc cũng tiêu tan theo mây khói. Cuộc hội-thảo đặt ra những vấn-đề trọng-yếu vào bậc nhất của quốc-gia, mà khi chấm dứt, người ta cũng không có một đúc kết nào có trị thực-tế như một giải pháp. Những bản đúc kết thường chỉ tóm tắt bài thuyết trình của diễn

giả chứ không bao gồm được cả những ý kiến của người nêu vấn đề và của những người thảo-luận.

Sự không thành công của cuộc hội thảo có thể vì mấy lý-do chính sau đây :

— 1) Các thuyết trình viên đặt vấn đề một cách quá lý thuyết.

Vấn đề đặt ra có tính cách tổng quát, rồi cũng được giải quyết một cách tổng quát. Mọi người đều khát khao mong đợi ở các thuyết trình viên, có những người từng giữ những chức vụ rất lớn lao trong các guồng máy hành pháp, tư pháp, lập pháp, trình bày những kinh nghiệm thất bại hay thành công của mình về một chính sách đã được thi hành và, nếu có thể được, sẽ đề ra một chính sách mới phù hợp với hoàn cảnh hiện tại.

Người ta mong mỗi cuộc hội-thảo nói về quốc gia Việt Nam với những hiểm họa cụ thể hiện tại, có thể đi đến chỗ lệ-thuộc hoặc tây phương hoặc cộng sản, hơn là bàn tới quốc-gia một cách chung chung. Người ta cũng mong đề cập tới vai trò của nền giáo-dục hiện tại với những khó khăn của nó hơn là nói tổng quát vai trò của nền giáo-dục một cách mơ hồ. Với những định chế và ý thức dân chủ, người ta đòi hỏi giai đoạn hiện tại làm sao có thể thiết lập những định chế hợp với ước mong của đa số dân chúng, những phương thức nào và nhiệm vụ nào của mọi giới, nhất là giới trí thức để gìn giữ những định chế, những ý thức đó, hơn là nói tới những phương pháp mà bất cứ sách vở nào cũng có đề cập tới.

Đối với các vấn đề như những trở ngại trên đường dân chủ, chính sách

kinh doanh, tái thiết nông thôn v.v... Người ta cũng có những mong mỏi như vậy. Không thể nào bàn tới một chính sách nông doanh, coi nông nghiệp như một xí nghiệp, trong khi bom đạn hãy còn đang cày trên những ruộng đồng vốn còn nhỏ bé nghèo nàn. Cũng không thể nào nói về sự tiếp tế thực phẩm cho các địa phương bằng các xe hàn trong khi đường Saigon-Đà-lạt, khi gián đoạn, khi thông thương, và các hội thảo viên chỉ dám từ Saigon lên đây tham dự bằng những chuyến máy bay êm ái !

Vì chỉ đặt vấn đề trong vòng lý thuyết như vậy, cho nên cuộc thảo luận cũng bị kéo theo vào vòng lý thuyết. Người ta đã bàn cãi, đã tranh luận những vấn đề có thể nói đã bàn mòn cả rồi, như là giáo dục nhân bản, chính sách quốc doanh, tư doanh. Trừ vài trường hợp như ông Hoàng Xuân Đồng, ông Nguyễn Đức Chiêu đã nêu lên những trường hợp điển hình, bởi kinh nghiệm bản thân về những thất bại hay những e ngại trong việc đầu tư, hoặc những khó khăn hiện tại giữa chủ và thợ v.v...

— 2) Vấn đề quá rộng lớn, so với một thời gian quá ngắn ngủi.

Nếu cuộc hội thảo nói chung chỉ luân quẩn trong vòng lý thuyết, một phần lớn cũng là vì đề tài của cuộc hội thảo quá rộng lớn, trong khi khoảng thời gian bàn luận lại quá ít ỏi. Nếu muốn phân tích tìm tòi những giải pháp cho những việc sống còn của quốc gia, cần phải nhiều thời giờ hơn nữa. Hẳn mọi người đều đã đồng ý, với tình trạng của Việt Nam hiện tại, có nhiều vấn đề ở thế kẹt chưa thể nào mà tìm kiếm ngay được giải pháp, nhưng nếu quan-niệm rằng, ít

nhất cuộc hội thảo cũng cần có những kết luận thực tế, minh bạch, thì thời gian làm việc đã quá ít ỏi. Đã thế nhiều thuyết trình viên lại còn ẽ à kéo dài, rào đón, mở đề và kết luận rất vô ích.

Sau mỗi đề tài nói chuyện, có khi các hội thảo viên chỉ có chừng từa tiếng đề tranh luận, góp ý kiến. Thêm vào đó nhiều khi buổi hội thảo đã bắt đầu chậm, vì có nhiều vị tới trễ!

3) Thành phần các hội-thảo-viên và thái độ của họ.

Nếu những vấn đề được đặt ra là những vấn đề trọng đại, người ta lại lấy làm tiếc khi nhìn vào thành phần các hội thảo viên. Ngoài một số đông là những người có tiếng tăm, người ta nhận thấy sự hiện diện của một số đông nhân vật không biết được mời theo tiêu chuẩn nào? Ngoài ra, mặc dầu là những người có tên tuổi chẳng nữa, một phần lớn các hội-thảo-viên đều có một thái độ dè dặt, thụ động; sự góp ý, chỉ thấy quanh đi quẩn lại ở một số người mà thôi. Thành phần của các hội thảo viên và thái độ của họ cũng chính là một phần những nguyên nhân thất bại của cuộc hội thảo.

Ngoài ra cũng cần ghi nhận một điểm nhỏ ở chủ-tịch-đoàn. Mặc dù các chủ tọa đều là những người đã từng quen điều-khiển các buổi họp, nhưng một đôi khi, chủ tịch đoàn đã để một người lên phát biểu lâu quá, mà những ý kiến phát biểu lại rất lẩn tránh như là...: «Không tử đã nói...» Loặc «thời xưa người ta đâu có cần thu thuế...» Ngoài ra chủ tịch đoàn một đôi khi đã quên sự góp ý kiến của các giới trẻ, mà chỉ đề tâm tới sự tham gia ý kiến của những vị ở hàng ghế giữa, thường thường là những nhân vật đã có danh tiếng.

Với những điều đã nêu ra ở trên, cuộc hội-thảo với những tham-vọng rộng lớn của nó, đã không đạt được kết quả.

Tất nhiên, cuộc hội thảo không phải là vô ích.

Quả vậy, cuộc hội thảo này có một ý nghĩa đặc biệt. Trước hết là vì nó đã được tổ chức bởi một Viện Đại Học và lại do Hội Đồng Viện Trưởng bảo trợ. Đó là dấu hiệu tốt đẹp chứng tỏ nền đại học Việt Nam đã bắt đầu từ bỏ những kênh kiệu của nó để tham gia vào những vấn đề của đất nước, nhất là những vấn đề sống còn của chúng ta hiện tại. Từ trước tới giờ người ta vẫn thường phàn nàn về thái độ thờ ơ, thụ hưởng của đại học, thì cuộc hội thảo này đã đánh dấu một sự chuyển hướng quan trọng. Đáng rằng trước đây một số các giáo sư đại học cũng đã từng tham dự các sinh hoạt hội thảo khác, nhưng cuộc hội thảo này có một ý nghĩa: Lần đầu tiên giới đại học chính thức đóng góp vào mục tiêu của quốc gia.

Điều lợi ích thứ hai mà cuộc hội-thảo đem lại là sự gặp gỡ của đủ mọi giới. Thực vậy lần đầu tiên người ta nhận thấy một đối thoại giữa những giới khác biệt nhau. Người ta đã thấy ý kiến của giới già và giới trẻ, giới chủ nhân và giới cần lao. Và sự đối thoại cũng giúp được cho các giới đó hiểu nhau hơn. Ít nhất cũng cần ghi nhận một thông cảm nào đó, không ít thì nhiều của những ý kiến trái ngược trong kỳ hội-thảo này.

oOo

Đề kết luận, chúng tôi nghĩ rằng nếu với những đề tài thiết thực hơn, với thời gian đầy đủ hơn, với sự tổ chức chu đáo như buổi hội thảo «mục-tiêu quốc gia» này, và với sự đóng góp nhiệt thành của giới đại học vào hiện-tình nước nhà, chúng tôi tin rằng những cuộc hội thảo sau, chắc chắn sẽ đạt được những kết quả mong muốn.

TRẦN - ĐẠI

HỘP THƠ

Ô. Nguyễn Toại (Huế) Chúng tôi đã nhận được bài «Bàn về họ của người Việt». Xin cảm ơn ông. Sẽ đăng trong những số tới.

Ô. Mê - Kung : Rất cảm ơn anh về thư và thơ gửi về tòa soạn. Vẫn gửi báo làm về Thủ Đức mãi. Từ số này sẽ gửi theo địa chỉ trong thư. Thơ sẽ đăng lần lần.

Ô. Nguyễn-hữu-Hoan (Đà-Nẵng) Đã nhận được thư ông thắc mắc về kỳ hạn đăng Thơ. Thường thì trong các loại sáng tác gửi về bất cứ tòa soạn báo nào, Thơ vẫn nhiều hơn cả. Bởi vậy những bài nào đăng được sẽ ghi lên Hộp Thơ hoặc có thư riêng gửi tác giả đề đừng gửi đăng trên báo khác nữa. Do đó mà không định kỳ hạn chung được, mong ông thông cảm cho.

Ô. Hà-Lý (Hội An) Mong ông gửi cho những sáng tác khác nữa.

Ô. Huỳnh-Học-Sơn (Huế) Đã nhận được thêm truyện ngắn nữa của anh. Sẽ xin trả lời sau. Anh cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để tiện gửi thư riêng.

Bạn Nguyễn-Tuấn-Hùng (Phước-Nhượng). Đã chuyển thư bạn lại tòa soạn. Tôi chỉ là một biên tập viên thường, không quyền gì định đoạt về bài vở và đường lối tờ báo cả. Còn việc anh mong nơi tôi, thật tình tôi chẳng dám nhận.

NGUYỄN-NGU-I

Bạn Lương-Trọng-Minh, (Qui-Nhơn) — Đã trao thư, thơ và quà văn-chương cho anh Hồ-Hữu-Tường và nói liên-hệ giữa Bác và Thầy tôi, giữa anh và tôi. Sách «Hồ-Thơ» giá đề 45đ, mà anh chịu mua 60đ là anh giúp cho các nhà sách lưu manh bóc lột người đọc rồi. Anh cho địa chỉ riêng để tiện bề liên lạc. Đã chuyển đoạn thư anh về mục phỏng vấn của anh Lê-Phương-Chi cho đương sự

NGUYỄN-HỮU-NGU

CẦN NGƯỜI

Một nhóm nhà văn đứng tuổi, rất giàu thiện-chí nhưng lại rất nghèo phương-tiện, cần nhờ vài em học-sinh ban Trung học đệ-nhi-cấp hợp sức để thực hiện đôi mộng văn-chương thuở thiếu thời. Cần người biết đánh máy chữ rõ, chịu khó, có tinh-thần cầu học, cầu tiến, mồ côi và từng đau khổ, từng bị nhục, từng muốn giết người, từng muốn chết, biết bất bình, càng hay.

Xin viết thư-viết tay cho biết rõ khả-năng, hoàn-cảnh, giờ rảnh và điều-kiện về :

Ô.Ô N.B.L.

Hộp thư 339 — Sài Gòn.

Hòa-bình cho con người : (nhận định và hiện tượng) của Trương-Bá-Cần, Trương - đình - Hoè, Nguyễn-hồ - Đình do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 190 trang gồm 2 phần chính : Nhận định và Hiện tượng.

Bản đặc biệt. Giá bản thường : 90đ.

BẠN ĐÃ MUA CHƯA ?

CUỐN SÁCH MỚI NHẤT TRONG THÁNG :

CÁT LẦY

truyện THANH - TÂM - TUYỀN

GIAO-ĐIỂM xuất bản

in lần thứ nhất, 180 trang, giá 110 đồng